CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 175 TB/ĐLS-HĐQT	*Lam Sơn , ngày 07 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Uỷ ban chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông – xã Lam Sơn – tỉnh Thanh Hoá – Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 08 1800 5060
- E-mail: info@lasuco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo thường niên niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/10/2026 tại đường dẫn: http://www.lasuco.vn/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Tân

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo thường niên niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

lasuco
since 1980
tất cả là tự nhiên

Website

Alibaba

Hotline: 08 1800 5060

- Thanh Hóa: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam
- Hà Nội: Số 6 ngõ 53 Nguyễn Khoái, phường Hồng Hà, TP. Hà Nội
- TP. Hồ Chí Minh: 594 Nguyễn Đình Chiểu, phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh
- Trung Quốc: C-18, Trung tâm Kinh doanh Biên giới, Hà Khẩu, Vân Nam, Trung Quốc
- Đức: Schwalbenweg 2 - D-27721 Ritterhude, Đức
- www.lasuco.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

lasuco
since 1980
tất cả là tự nhiên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025-2026

ANNUAL REPORT 2026

Tự nhiên thuần khiết | Sản xuất bền vững | Phát triển cộng đồng | Vươn tầm quốc tế

lasuco

lasuco®

since 1980

HÀNH TRÌNH VÀ BẢN SẮC

Từ thiên nhiên – vì cuộc sống

Hơn bốn thập kỷ gìn giữ và phát triển từ cây mía - loài cây gắn bó với đất đai và con người Việt Nam, LASUCO không ngừng kiến tạo giá trị bền vững, hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Chúng tôi kiên định với sứ mệnh lan tỏa những giá trị tích cực, đóng góp vào sự thịnh vượng chung của cộng đồng và một tương lai xanh cho thế hệ mai sau.

since 1980
Hình thành và phát triển

Hàng ngàn
Người lao động gắn bó và đồng hành

Chuỗi giá trị khép kín
Từ nông nghiệp đến sản phẩm

Phát triển bền vững
Vì tương lai xanh

LASUCO tin rằng:

Khi thiên nhiên được trân trọng, giá trị được vun đắp bằng tâm huyết và chia sẻ, những điều tốt đẹp sẽ được kiến tạo và lan tỏa.

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG
1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển của Công ty

CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
1. Những dấu ấn tiêu biểu của Lasuco niên độ 2025-2026
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Tình hình đầu tư - thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan tới môi trường và xã hội

CHƯƠNG III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
1. Tình hình tài chính
2. Tình hình SXKD niên độ 2025-2026
3. Một số tồn tại, hạn chế

CHƯƠNG IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
1. Hoạt động của HĐQT
2. Hoạt động của Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát

CHƯƠNG V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH
1. Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của công ty mẹ
2. Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất

lasuco
since 1980

THÔNG ĐIỆP *của* CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông; nhà đầu tư; Quý đối tác, khách hàng

Năm 2025–2026 là một năm LASUCO phải đối mặt với nhiều biến động của thị trường và những thách thức nội tại. Kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng. Nhưng từ thực tế đó, chúng ta đã nhìn rõ những thay đổi đang diễn ra để xác định hướng đi cho một giai đoạn phát triển mới.

Những năm qua, cây mía và ngành đường là nền tảng phát triển của LASUCO, có vai trò quan trọng đối với đời sống người nông dân và kinh tế – xã hội khu vực phía Tây Thanh Hóa, tạo việc làm và sinh kế ổn định cho nhiều hộ gia đình. Đó là giá trị mà LASUCO luôn trân trọng và có trách nhiệm gìn giữ.

Nhưng thị trường và điều kiện sản xuất đã thay đổi.

Nguồn lực đất đai ngày càng phải cạnh tranh giữa nhiều loại cây trồng. Hiệu quả kinh tế của cây mía chịu sức ép từ những cây trồng khác; Cùng với đó Hội nhập quốc tế sâu rộng, các cam kết thương mại như ATIGA tạo thêm áp lực cạnh tranh đối với ngành đường. Xu hướng tiêu dùng cũng đang dịch chuyển theo hướng ưu tiên các sản phẩm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, có nguồn gốc rõ ràng.

Những thay đổi đó đặt ra thực tế cần được nhìn nhận thẳng thắn: Cây mía vẫn là nền tảng quan trọng nhưng không còn đủ dư địa để tạo ra động lực tăng trưởng mới trong dài hạn. Chúng ta cần thay đổi cách nhìn về nông nghiệp: từ phát triển dựa chủ yếu vào một cây trồng sang phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, có giá trị cao và khả năng tạo ra hiệu quả bền vững hơn. Đây cũng là trách nhiệm của LASUCO đối với người nông dân và cộng đồng. LASUCO xác định tăng trưởng không chỉ là gia tăng quy mô và lợi nhuận, mà phải tạo ra giá trị hài hòa cho doanh nghiệp, cổ đông, người nông dân, người lao động, Nhà nước và cộng đồng; gắn hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Vì vậy, giai đoạn tới LASUCO chủ động nghiên cứu, lựa chọn những cây trồng và sản phẩm nông nghiệp phù hợp hơn với điều kiện đất đai, thị trường và năng lực của Công ty; nâng cao giá trị trên mỗi đơn vị đất đai và nguồn lực phù hợp hơn với những yêu cầu mới của thị trường và xã hội.

Giai đoạn 2026–2031: LASUCO vừa củng cố nền tảng mía đường, vừa tìm kiếm và xây dựng những động lực tăng trưởng mới. Đó là phát triển nông nghiệp có giá trị cao, chế biến sâu, thương mại và xuất khẩu, đồng thời khai thác tốt hơn giá trị của vùng nguyên liệu, đất đai và các tài sản hiện có.

Cùng với đó là chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh, tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng, giảm phát thải, tận dụng phụ phẩm và từng bước thực hiện các mục tiêu ESG, hướng tới Net Zero. Mục tiêu là tạo ra nhiều giá trị hơn từ cùng một nguồn lực.

Mỗi quyết định đầu tư sẽ được cân nhắc trên cơ sở thị trường, lợi thế cạnh tranh, khả năng thực thi, hiệu quả sử dụng vốn, dòng tiền và rủi ro. Mỗi đồng vốn của cổ đông phải được sử dụng có trách nhiệm và hướng tới giá trị thực.

Năm 2031 LASUCO có một nền tảng vững chắc: vùng nguyên liệu hiệu quả hơn; ngành mía đường có sức cạnh tranh tốt hơn; các sản phẩm nông nghiệp mới từng bước hình thành; thương mại và xuất nhập khẩu được mở rộng; tài sản và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả hơn, hình thành được năng lực phát triển mới, với mục tiêu doanh thu đạt 5.000 tỷ đồng, tỷ suất sinh lời hiệu quả hơn.

Đến 2035, LASUCO hướng tới sự chuyển đổi về chất: từ sản xuất mía đường sang hệ sinh thái nông nghiệp – thực phẩm – thương mại – năng lượng xanh. Tạo ra giá trị trong toàn bộ chuỗi giá trị từ đất đai – vùng nguyên liệu; sản xuất – chế biến; thương hiệu; thương mại, thị trường; năng lượng và kinh tế tuần hoàn.

Tầm nhìn đến 2045 LASUCO trở thành một doanh nghiệp có vị thế, có sức cạnh tranh trong các chuỗi giá trị nông nghiệp, thực phẩm và kinh tế xanh; có khả năng tạo dựng giá trị bền vững qua nhiều thế hệ và giá trị lâu dài cho cổ đông/đối tác/khách hàng; người nông dân, người lao động và cộng đồng

Kính thưa Quý cổ đông; nhà đầu tư; Quý đối tác, khách hàng

Chặng đường phía trước không dễ dàng. Nhưng LASUCO có những nền tảng quan trọng: vùng đất, con người, kinh nghiệm trong nông nghiệp – công nghiệp; thương hiệu LASUCO, sự gắn bó được xây dựng qua nhiều năm với người nông dân, các nhà khoa học, các đối tác trong và ngoài nước, các bên trong chuỗi giá trị. Những nền tảng này là cơ sở để LASUCO chuyển hóa thành năng lực, lợi thế mới, mở ra một chu kỳ phát triển mới tạo ra giá trị mới cho tương lai.

Điều LASUCO cần hôm nay là dám nhìn thẳng vào thực tế, chủ động thay đổi và kiên định hành động trên hành trình hướng tới những giá trị dài hạn:

2031 là một LASUCO vững nền tảng và có năng lực tăng trưởng mới.

2035 là một LASUCO chuyển mình thành hệ sinh thái nông nghiệp – thực phẩm – thương mại – năng lượng xanh có giá trị cao.

Và 2045 là một LASUCO có vị thế, sức cạnh tranh và giá trị bền vững được tạo dựng cho nhiều thế hệ.

HĐQT trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông; Nhà đầu tư; Quý đối tác, khách hàng; người nông dân; người lao động đã tin tưởng, đồng hành cùng LASUCO trong suốt những năm qua; HĐQT mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ trên hành trình phát triển mới của LASUCO.

Trân trọng cảm ơn !

TM. HĐQT CÔNG TY

Lê Văn Tân
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chương 01

TỔNG QUAN VỀ LASUCO

Nền tảng cho hành trình phát triển

NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

3. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

4. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN CÔNG TY

Tên tiếng Việt:	Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Tên tiếng Anh:	Lam Son Sugar Cane Joint Stock Corporation
Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Tên viết tắt:	LASUCO
Mã cổ phiếu:	LSS
Mã số doanh nghiệp/MST:	2800463346
Vốn điều lệ:	900.265.920.000 đồng.

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty

THÔNG TIN LIÊN LẠC

Trụ sở chính:	388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại:	08 1800 5060
E-mail:	info@lasuco.vn
Website:	http://www.lasuco.vn/

BIỂU TƯỢNG CÔNG TY

lasuco®
since 1980

NHỮNG DẤU MỐC TRÊN HÀNH TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LASUCO

Trải qua hơn bốn thập niên hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn – LASUCO đã đi qua nhiều giai đoạn với những bước chuyển quan trọng về quy mô, công nghệ, mô hình quản trị và định hướng kinh doanh. Từ một nhà máy đường được xây dựng giữa vùng đất miền Tây Thanh Hóa, LASUCO từng bước xây dựng vùng nguyên liệu, hình thành mối liên kết với người nông dân, thực hiện cổ phần hóa, niêm yết trên thị trường chứng khoán và mở rộng sang nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu, thực phẩm – đồ uống và thương mại.

Mỗi dấu mốc trong hành trình ấy không chỉ ghi nhận sự lớn mạnh về quy mô của doanh nghiệp mà còn phản ánh quá trình LASUCO thích ứng với những thay đổi của nền kinh tế, của ngành mía đường và yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

1980

KHỞI NGUỒN NHÀ MÁY ĐƯỜNG LAM SƠN

- Ngày **12/01/1980**, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 24/TTg phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, xây dựng **Nhà máy đường Lam Sơn** tại Thọ Xuân, Thanh Hóa, với công suất ban đầu 1.500 tấn mía/ngày; thiết bị và công nghệ do hãng FCB của Cộng hòa Pháp cung cấp.

> Đặt nền móng cho sự hình thành một vùng sản xuất mía đường tập trung tại miền Tây Thanh Hóa.

1990 - 1999

ĐỔI MỚI XÂY DỰNG NỀN TẢNG

- Là thời kỳ doanh nghiệp từng bước củng cố sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu; gắn kết chặt chẽ với người trồng mía; Hình thành vùng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến.

> Tạo nền tảng gắn kết bền vững **giữa doanh nghiệp và người trồng mía**. Đây cũng là tiền đề để LASUCO có thể tiến tới mô hình cổ phần hóa mang nét riêng vào cuối thập niên 1990.

1999 - 2000

BƯỚC NGOẶT CỔ PHẦN HÓA

- Ngày **06/12/1999**, Thủ tướng quyết định chuyển Công ty Đường Lam Sơn thành **Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**, chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2000 với vốn điều lệ ban đầu **186 tỷ đồng**.
Người trồng mía được tham gia mua 22,5% cổ phần. Đây là một mô hình đặc biệt khi nông dân trực tiếp tham gia làm chủ doanh nghiệp

> Quan hệ giữa nhà máy và người trồng mía được nâng lên một cấp độ mới: từ quan hệ mua – bán nguyên liệu sang quan hệ gắn kết về lợi ích và sở hữu.

2008

LSS CHÍNH THỨC HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- Cổ phiếu **LSS** chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ngày **09/01/2008**

> Bước vào sân chơi thị trường vốn, nâng cao minh bạch, quản trị và uy tín doanh nghiệp

2011

NÂNG TẦM QUY MÔ CÔNG NGHIỆP MÍA ĐƯỜNG

- Hoàn thành dự án nâng công suất **Nhà máy Đường số 2 từ 4.000 lên 8.000 tấn mía/ngày**, kết hợp đầu tư Nhà máy điện công suất **12,5 MW**, đưa tổng công suất chế biến mía của Công ty lên khoảng **10.500 tấn mía/ngày**

> Tăng mạnh năng lực sản xuất, tận dụng phụ phẩm, mở rộng giá trị từ cây mía

2013–2014

MỞ CỬA SANG NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

- Triển khai dự án **Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn** (2013); nâng vốn điều lệ **lên 700 tỷ đồng (2014)**; nghiên cứu lúa – gạo hữu cơ, tre luồng và các dự án gắn với nông nghiệp công nghệ cao

> Chuẩn bị và tạo nền tảng **vượt ra khỏi giới hạn của một doanh nghiệp sản xuất đường.**
> Nông nghiệp, khoa học công nghệ và chế biến nông sản được nhìn nhận như những trụ cột phát triển mới.

2015

35 NĂM LASUCO VÀ KHỞI ĐẦU MỘT CHU KỲ PHÁT TRIỂN MỚI

- **Kỷ niệm 35 năm thành lập** và đón nhận **Huân chương Lao động hạng Nhì**; Tiếp tục nghiên cứu và triển khai các dự án lúa – gạo hữu cơ, tre luồng, công viên sinh thái ...

> Từ sản xuất đường sang tạo giá trị đa dạng từ nông nghiệp và hệ sinh thái nguyên liệu. Đây chính là tiền đề cho chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và chế biến sâu trong những năm tiếp theo.

2016

ĐƯA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRỞ THÀNH MỘT TRỤ CỘT PHÁT TRIỂN

- Khánh thành **Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao**
Trung tâm tập trung ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cây ăn quả, rau, củ, hoa có giá trị cao; nghiên cứu và nhân rộng giống mía khỏe, sạch bệnh và các giống cây trồng mới.

> **Khoa học công nghệ, giống và nghiên cứu** phát triển trở thành yếu tố tạo giá trị, trụ cột phát triển.

2017

TÁI ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU: "TẤT CẢ LÀ TỰ NHIÊN"

- Giới thiệu định vị mới **"Tất cả là tự nhiên" mở rộng danh mục sản phẩm** nông nghiệp, thực phẩm và đồ uống có nguồn gốc tự nhiên.

> Chuyển từ vị trí của một doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu và hàng hóa cơ bản sang hướng xây dựng **thương hiệu sản phẩm tiêu dùng.**

2018

MỞ RỘNG KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN VỚI CÔNG VIÊN SINH THÁI TRE LUỒNG THANH TAM

Năm 2018, Công ty khai trương **giai đoạn I Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam**, dự án được quy hoạch trên địa bàn các xã thuộc Thọ Xuân và Thường Xuân.

Mở rộng không gian phát triển **đa ngành trên nền tảng tài nguyên bản địa.**

2020

LAVINA FOOD: BƯỚC NGOẶT TỪ "CÂY MÍA – HẠT GẠO" ĐẾN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG

Ngày 20/10/2020, khánh thành **Nhà máy chế biến nước dinh dưỡng tế bào mía và Nhà máy chế biến sữa gạo lứt giàu protein thuộc hệ thống Lavina Food**. Ra mắt các sản phẩm thực phẩm, đồ uống như Mitaji và Ojita.

Xây dựng năng lực **R&D – chế biến sâu – đóng gói – xây dựng thương hiệu – đưa sản phẩm trực tiếp tới người tiêu dùng**.

2021

35 NĂM LASUCO VÀ KHỞI ĐẦU MỘT CHU KỲ PHÁT TRIỂN MỚI

Đại hội đồng cổ đông LASUCO bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021–2026. Nhiều dự án được đưa vào vận hành, gồm hệ thống Lavina Food; Trung tâm chế biến nông sản thực phẩm công nghệ cao Tâm Phú Hưng; hệ thống dịch cô đặc từ mía; hệ thống chế luyện đường và kho chứa đường thô...

Năm 2021 mang đồng thời hai ý nghĩa.
Kiện toàn quản trị và hiện thực hóa các dự án

2022 - 2023

XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI NÔNG NGHIỆP – THỰC PHẨM

Mở rộng danh mục sản phẩm: nước mía, nước dinh dưỡng từ mía, sữa gạo lứt, các dòng đồ uống kết hợp nông sản; đồng thời phát triển đường phèn, đường tinh luyện và các sản phẩm chế biến sâu khác.
Định hướng phát triển thành **tập đoàn kinh tế nông nghiệp chuyên sâu, sản xuất và chế biến nông sản – thực phẩm sạch**

Hình thành hệ sinh thái đa dạng, lấy cây mía làm trung tâm, xung quanh đó đã hình thành thêm các cấu phần: nông nghiệp công nghệ cao, lúa gạo, chế biến thực phẩm, đồ uống, thương mại và các hoạt động bổ trợ khác.

2023 - 2024

TẠO LẬP MỘT QUY MÔ DOANH THU MỚI

Đạt **doanh thu thuần hợp nhất 2.692,4 tỷ đồng**, lợi nhuận trước thuế khoảng **143,76 tỷ** đồng.
Vốn điều lệ đạt trên **801 tỷ đồng**

Chiến lược dịch chuyển từ đầu tư năng lực sản xuất sang khai thác công suất, thị trường, hiệu quả vốn và hiệu quả chuỗi giá trị. Trọng tâm chiến lược bắt đầu dịch chuyển rõ hơn từ đầu tư năng lực sản xuất sang **khai thác công suất, thị trường, hiệu quả vốn và hiệu quả chuỗi giá trị.**

2024 - 2025

45 NĂM LASUCO: CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2025 đánh dấu **45 năm kể từ ngày Nhà máy đường Lam Sơn được phê duyệt xây dựng.**
LASUCO đồng thời xác định ba trụ cột chiến lược cho giai đoạn tiếp theo: **tăng trưởng và mở rộng thị trường; đổi mới – sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển bền vững theo định hướng ESG**. Công ty cũng đẩy mạnh ứng dụng AI trong quản trị, kinh doanh, sản xuất và quản lý vùng nguyên liệu.

Quản trị bằng dữ liệu và công nghệ số, hướng tới tăng trưởng xanh và bền vững.

2026

VỐN ĐIỀU LỆ VƯỢT MỐC 900 TỶ ĐỒNG HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Hoàn thành phát hành **cổ phiếu** để trả cổ tức, vốn điều lệ đạt **900,27 tỷ đồng; Hướng đến mục tiêu 2.655 tỷ doanh thu.**

Mở ra chặng đường mới với trọng tâm thị trường – hiệu quả và phát triển bền vững

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Tầm nhìn -** Xây dựng và phát triển LASUCO trở thành một tập đoàn hàng đầu Việt Nam ứng dụng công nghệ cao trong phát triển sản phẩm sạch từ thiên nhiên với hàm lượng dinh dưỡng cao đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng toàn cầu.
- **Sứ mệnh -** LASUCO luôn sáng tạo nhằm mang đến cho người tiêu dùng toàn cầu những sản phẩm chất lượng từ thiên nhiên, an toàn và tin cậy. Đồng thời mang đến giá trị gia tăng cho cổ đông, người nông dân, khách hàng, nhân viên và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Triết lý kinh doanh: "CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM LÀ DANH DỰ"

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH**

- Công nghiệp sản xuất đường, điện; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao: rau, hoa, quả cao cấp; Sản xuất lúa gạo hữu cơ; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và kinh doanh đồ uống, sữa gạo.

- **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH KHÁC**

- Công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống, xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp, nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

- **PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG**

- Tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

- **ĐỊA BÀN KINH DOANH**

- Xây dựng và phát triển hệ thống thị trường trong nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả chương trình xuất khẩu và nhập khẩu.

HỆ SINH THÁI LASUCO I

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN TÍCH HỢP TỪ
NÔNG NGHIỆP ĐẾN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG BỀN VỮNG

NÔNG NGHIỆP
XANH HƠN
CUỘC SỐNG
TỐT ĐẸP HƠN

01 — MÍA ĐƯỜNG
- Vùng mía nguyên liệu lớn
- Sản xuất đường chất lượng cao
- Hiệu quả và bền vững

02 — CHẾ BIẾN CHUYÊN SÂU
- Đa dạng hóa sản phẩm
- Tối ưu giá trị nông sản
- Công nghệ hiện đại

03 — THỰC PHẨM/ĐỒ UỐNG
- Sản phẩm tự nhiên, an toàn
- Đa dạng, chất lượng cao
- Phục vụ đời sống cộng đồng

04 — NÔNG NGHIỆP CNC
- Vùng nguyên liệu bền vững
- Ứng dụng công nghệ hiện đại
- Nâng cao năng suất, chất lượng

05 — THƯƠNG MẠI
- Phân phối trong nước và quốc tế
- Kết nối thị trường
- Lan tỏa giá trị thương hiệu LASUCO

06 — DỊCH VỤ
- Dịch vụ nông nghiệp và kỹ thuật
- Hỗ trợ đối tác, khách hàng
- Đồng hành cùng phát triển

07 — NĂNG LƯỢNG
- Điện sinh khối từ phụ phẩm mía
- Tái tạo năng lượng, giảm phát thải
- Hướng tới kinh tế tuần hoàn

TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN *đến* GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

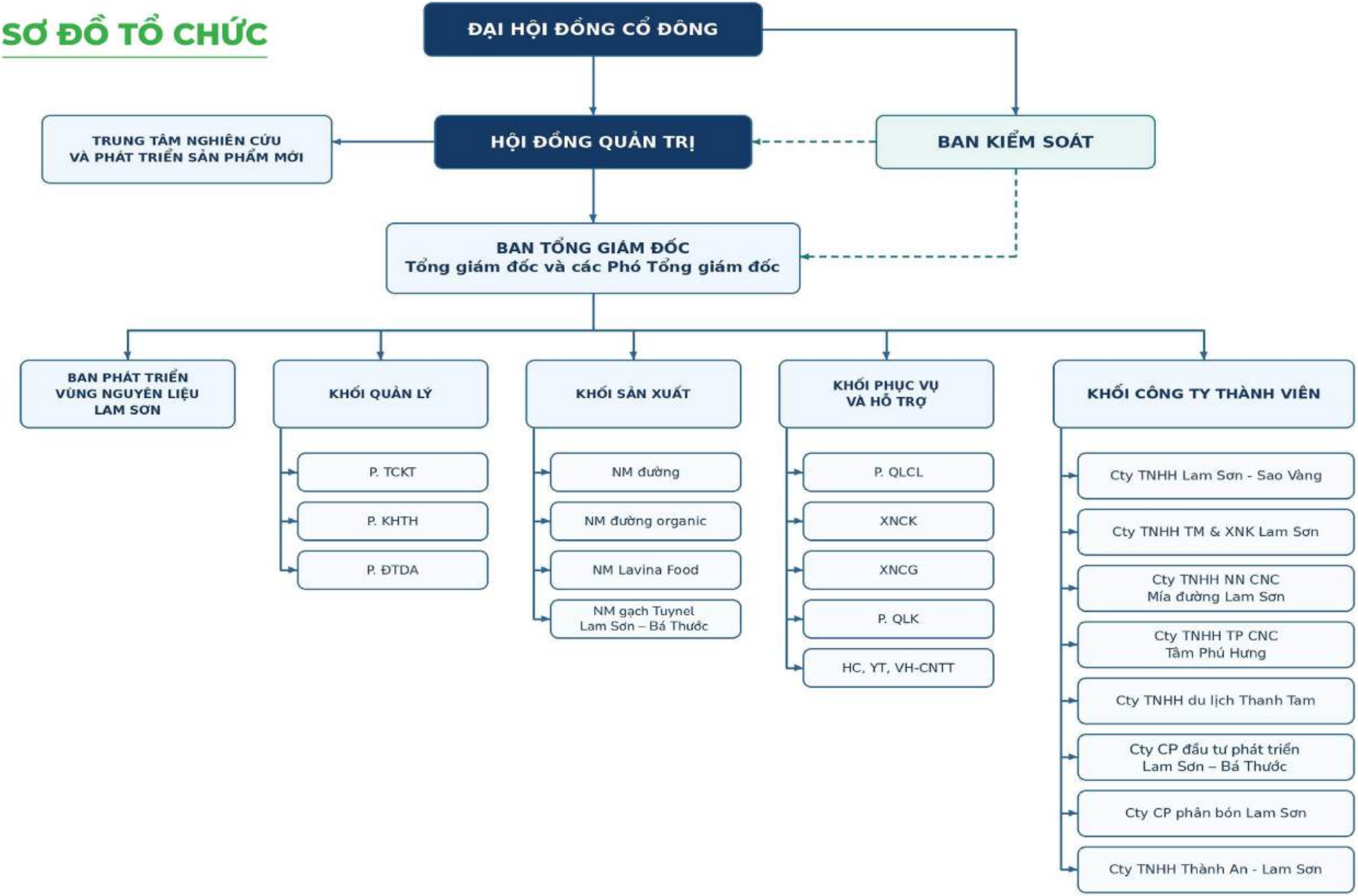
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc
BAN PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU LAM SƠN
KHỐI QUẢN LÝ
P. TCKT
P. KHTH
P. ĐTDA
KHỐI SẢN XUẤT
NM đường
NM đường organic
NM Lavina Food
NM gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước
KHỐI PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ
P. QLCL
XNCK
XNCG
P. QLK
HC, YT, VH-CNTT
KHỐI CÔNG TY THÀNH VIÊN
Cty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng
Cty TNHH TM & XNK Lam Sơn
Cty TNHH NN CNC Mía đường Lam Sơn
Cty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng
Cty TNHH du lịch Thanh Tam
Cty CP đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước
Cty CP phân bón Lam Sơn
Cty TNHH Thành An - Lam Sơn

QUẢN TRỊ CÔNG TY

giới thiệu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

lasuco since 1980

Ông Lê Văn Tân

Chủ tịch HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh ngày: 15/08/1971

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Kỹ sư điện tự động hóa

THIÊN NHIÊN LÀ NỀN TẢNG | CON NGƯỜI LÀ TRỌNG TÂM | PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

09/1989 đến 06/1999	Kỹ sư xưởng sản xuất bánh kẹo Công ty đường Lam Sơn.
07/1999 đến 06/2005	Kỹ thuật tự động hóa Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
05/2005 đến 01/2007	Quản đốc tại Công ty TNHH Sữa Milas.
02/2007 đến 09/2011	Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần thiết bị TĐH An Phát.
10/2011 đến 05/2015	Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
06/2015 đến 09/2017	Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn.
10/2017 đến 12/2018	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn.
01/2019 đến 10/2021	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Lam Sơn Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Lam Sơn - Sao Vàng
Từ 11/2021 đến 07/2026	Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Lam Sơn Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Lam Sơn - Sao Vàng Chủ tịch Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn Chủ tịch Công ty NN CNC mía đường Lam Sơn Chủ tịch Công ty TNHH thực phẩm CNC Tâm Phú Hưng
Từ 08/2026 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn Chủ tịch Công ty TNHH NN CNC Mía đường Lam Sơn

everything is from nature

Ông LÊ TRUNG THÀNH
Phó chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 10/05/1965

Trình độ học vấn:
Cao cấp lý luận chính trị
Cử nhân Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
1993-2003	Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
2003- 2004	Học tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
2004-2006	Phó TGĐ Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
2007-2012	Giám đốc Công ty thương mại - Du Lịch Lam Sơn
Từ 2013 đến 01/2016	Giám đốc Trung Tâm Thương mại Lam Sơn - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ Đầu tư các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Lam Hà.
10/2016 – 11/2018	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần mía đường Nông Cống
10/2019 – 10/2021	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
11/2021 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn;

Bà LÊ THỊ HUỆ
Ủy viên thường trực HĐQT

Sinh ngày: 28/8/1971

Trình độ học vấn:
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
1993 - 2003	Nhân viên phòng TCKT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
2003 - 2006	Phó phòng TCKT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
2007 - 2012	Kế toán trưởng - Trưởng phòng TCKT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
2011 - 2013	Thành viên ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán Tiger Fund
01/2016 - 2018	Kế toán trưởng – Trưởng phòng TCKT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần mía đường Nông Cống
01/2019 – 10/2021	Trưởng ban kiểm toán nội bộ
11/2021 đến nay	Uỷ viên thường trực Hội đồng quản trị

Ông PHÙNG THANH HẢI
Thành viên HĐQT

Sinh ngày: 22/11/1965

Trình độ học vấn:
Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
10/1986 - 06/1996	Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
07/1996 – 02/2017	Kế toán trưởng Hiệp hội mía đường Lam Sơn
07/2003 - 04/2011	Kiểm soát viên - Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn nhiệm kỳ II và III.
12/2014 – 01/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn.
06/2014 đến nay	Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn.

Ông NGUYỄN THANH TÂN
Thành viên HĐQT độc lập

Sinh ngày: 15/10/1975

Trình độ học vấn:
Thạc sĩ marketing

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
1998 – 2005	Giám đốc Marketing – Công ty cổ phần tập đoàn Thái Tuấn
2005 – 2007	Giám đốc điều hành – Công ty tư vấn BrainMark Việt Nam
2008 – 2012	Phó Tổng giám đốc kinh doanh – Công ty cổ phần phát triển BĐS Phát Đạt
2020 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Hiện nay ông Tân đang giữ các chức vụ tại các tổ chức khác như: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần quốc tế BrainMark Consuting; Giám đốc chiến lược Công ty BrainMark Consuting; Viện trưởng Viện quản trị quốc tế; Chủ tịch ủy ban tư vấn phát triển doanh nghiệp; Chủ tịch CLB giảng viên Doanh nhân.

Ông LÊ VĂN PHƯƠNG
Tổng Giám Đốc

Sinh ngày: 05/11/1977

Trình độ học vấn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
01/1999 - 01/2005	Nhân viên phòng kiểm soát chất lượng và môi trường
02/2005 - 10/2007	Nhân viên phòng Công nghệ thông tin
11/2007 - 07/2008	Trưởng phòng kiểm soát chất lượng và môi trường
08/2008 - 08/2009	Trưởng phòng kiểm soát chất lượng và môi trường. Trưởng phòng Công nghệ thông tin
09/2009 - 05/2014	Trưởng phòng kiểm soát chất lượng và môi trường
06/2014 - 09/2019	Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
01/2020 - 10/2021	Ban dự án - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
11/2021 – 01/2022	Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
02/2022 - 07/2026	Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Giám đốc Công ty TNHH thực phẩm CNC Tâm Phú Hưng
08/2026 đến nay	Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng

Ông LÊ VĂN QUANG
Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/06/1979

Trình độ học vấn:
Cử nhân kế toán;
Thạc sĩ quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
2001 - 2005	Nhân viên phòng TCKT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
2006 - 04/2011:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
2009 – 2011	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Sơn La
04/2011 - 10/2016	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
2014 -07/2023	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn
10/2016 đến nay	Phó TGĐ thường trực phụ trách nội vụ và kinh doanh Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.

Ông LÊ BÁ CHIẾU
Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/04/1976

Trình độ học vấn:
Kỹ sư nông nghiệp

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
10/1998 - 08/2001	Nhân viên phòng Nguyên liệu
08/2001 - 09/2003	Nhân viên kế toán - xí nghiệp sản phẩm mới
09/2003 – 12/2003	Nhân viên xí nghiệp nguyên liệu và dịch vụ vận tải
12/2003 - 05/2009	Nhân viên phòng kế hoạch đầu tư
05/2009 - 11/2009	Cán bộ trường Cao đẳng nghề Lam Kinh
11/2009 - 02/2011	Phó phòng nguyên liệu Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
03/2011 - 05/2014	Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước
5/2014 - 04/2016	Phó tổng giám đốc phụ trách Nguyên liệu Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
04/2016 – 10/2018	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp CNC Lam Sơn
11/2018 - 04/2019	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách Ban kinh tế hợp tác chương trình liên kết Hợp tác xã kiểu mới Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
05/2019 – 06/2023	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
07/2023 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Thành viên HĐQT Công ty CP phân bón Lam Sơn

Ông NGUYỄN DUY THÀNH
Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1968

Trình độ học vấn:
Kỹ sư cơ khí

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
10/1992 - 09/1994	Công ty thuốc lá Thanh Hoá.
10/1994 - 08/2000	Kỹ sư cơ khí Công ty đường Lam Sơn
09/2000 - 07/2006	Kỹ sư cơ khí, Phó giám đốc Nhà máy đường số 1 Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
08/2006 - 04/2011	Kỹ sư cơ khí, Giám đốc Nhà máy đường số 1 Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
05/2011 - 04/2014	Ban dự án nâng cấp Nhà máy đường 2, Phụ trách bộ phận cơ khí Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
05/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn

Ông NGUYỄN XUÂN LAM
Nguyên Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/09/1974

Trình độ học vấn:
Kỹ sư điện - tự động hóa

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
Miễn nhiệm từ ngày 15/10/2025	Từng giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn

Ông LÊ HUY HÙNG
Trưởng Ban kiểm soát

Sinh ngày: 08/12/1981

Trình độ học vấn:
Cử nhân kinh tế - Tài chính ngân hàng

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
04/2005 - 12/2014	Kế toán viên Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
01/2015 - 04/2015	Kế toán trưởng Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn
05/2015 - 12/2018	Phó trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
01/2019 - 10/2021	Phó Ban kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
11/2021 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn

Bà ĐỖ THỊ THANH HÀ
Kế toán trưởng

Sinh ngày: 10/10/1982

Trình độ học vấn:
Cử nhân Kinh tế

GIỚI THIỆU KẾ TOÁN TRƯỞNG

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Vị trí đảm nhiệm
01/2005 - 06/2011	Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
06/2011 - 10/2016	Phó phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
10/2016 - 12/2018	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn - Trưởng BKS Công ty cổ phần mía đường Nông Cống
01/2019 đến nay	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1 CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Năm tài chính 2025-2026, tổng số lao động toàn công ty có 504 người, tăng 13 người so với năm 2024-2025. Trong đó:

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG
504 NGƯỜI
Tăng 13 người
so với năm 2024 - 2025

1.1 Cơ cấu lao động theo trình độ

NHÓM TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
Lao động có trình độ trên đại học	7 người	chiếm 1,4 %
Lao động Đại học trở lên	124 người	chiếm 24,6 %
Lao động cao đẳng, trung cấp	119 người	chiếm 23,6 %
Lao động công nhân kỹ thuật	208 người	chiếm 41,3 %
Lao động phổ thông	46 người	chiếm 9,1%

1.2 Cơ cấu theo độ tuổi lao động

NHÓM ĐỘ TUỔI	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
Lao động dưới 30 tuổi	28 người	chiếm 5,6 %
Lao động từ 30-40 tuổi	99 người	chiếm 19,6 %
Lao động từ 40-50 tuổi	236 người	chiếm 46,8 %
Lao động từ 50 tuổi trở lên	141 người	chiếm 28 %

1.3 Cơ cấu lao động theo giới tính

2 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

2.1 Về bộ máy tổ chức quản lý

- Sơ đồ tổ chức: Có sơ đồ kèm theo
- Những đổi mới về mô hình quản lý:

- Thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trên cơ sở kiện toàn cơ cấu tổ chức và bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận R&D nhằm thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, phát triển và thương mại hoá sản phẩm mới theo mô hình quản trị dự án theo định hướng chiến lược của Công ty.
- Đầu tư và nâng cấp Nhà máy Gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước đi vào hoạt động, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất, cung cấp sản phẩm gạch thương mại bán ra thị trường.
- Nâng cấp chức năng Quản lý chất lượng sản phẩm và hệ thống QLCL trên cơ sở thành lập Phòng QLCL trên cơ sở kiện toàn cơ cấu tổ chức, bổ sung thêm các chức năng nhiệm vụ Phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường.
- Rà soát lại toàn bộ hệ thống chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phân cấp, phân quyền. Giao trách nhiệm cụ thể đến từng thành viên ban điều hành và cá nhân người lao động; Đổi mới phương án giao khoán nhiệm vụ và thu nhập đến đơn vị, tổ đội, cá nhân.

2.2 Về nhân sự

- Thay đổi nhân sự Ban điều hành: Nhân sự Ban điều hành giảm 01 người từ Tháng 10/2025; Theo đó Ban điều hành đã có phân công sắp xếp lại công tác quản lý, điều hành Công ty trên cơ sở phân cấp, phân quyền trong hoạt động quản lý;
- Thay đổi về nhân sự quản lý: bổ nhiệm mới 03 cán bộ quản lý cấp trưởng phó đơn vị nhằm tăng cường nguồn lực kế cận và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tuyển dụng mới 24 người, tiếp nhận ký HĐLĐ dài hạn đối với 16 người thuộc đối tượng Công ty tuyển chọn và gửi đào tạo tại Trường Cao Đẳng nghề Tỉnh Thanh hóa trong năm 2024 - 2025; giải quyết nghỉ chế độ 03 hưu trí và chấm dứt hợp đồng lao động 16 người.

2.3 Về chính sách đối với người lao động

- Rà soát, tinh chỉnh lại chính sách của Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo thực hiện các chế độ cho người lao động đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục cải tiến phương pháp giao khoán, đánh giá các chỉ tiêu cụ thể gắn với mức lương của từng người, từng tổ, đội, bộ phận, đơn vị để thống nhất thực hiện; Tập trung cải tiến cơ chế lương, chú trọng phần thưởng thành tích gắn với các chỉ tiêu, mục tiêu trọng yếu của Công ty, hướng tới và chia sẻ lợi ích chung của doanh nghiệp với đóng góp người lao động. Tạo điều kiện tốt nhất để các cá nhân có năng lực được làm việc và hưởng thu nhập tương xứng.
- Thu nhập bình quân của người lao động được duy trì ổn định ở mức cao so với thu nhập trong vùng, đạt 11,2 triệu/người/tháng; nhờ việc không ngừng cải tiến công nghệ thiết bị, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất.
- Tiếp tục phát huy phong trào lao động sáng tạo trong lao động sản xuất, thúc đẩy công tác cải tiến thiết bị, cải tiến năng suất lao động, tiết giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

3 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI

- Ứng dụng Quản trị số vào hoạt động quản trị doanh nghiệp: Đây là nội dung trọng tâm của quá trình đổi mới phương thức quản trị của Công ty; từng bước số hóa các quy trình công việc trong hoạt động quản trị nhân sự, đánh giá hiệu quả công việc, công tác điều hành, sản xuất, cung ứng, bán hàng... Quản trị số được kì vọng là đòn bẩy giúp Công ty nâng tầm về mức độ trưởng thành số, thúc đẩy chuyển đổi số và hỗ trợ cho sự phát triển hội nhập, bền vững.
- Đổi mới tổ chức, quản trị hiệu suất và chính sách nhân sự: Tiếp tục rà soát xét tinh chỉnh lại bộ máy và nhân sự theo hướng tinh - gọn - nhẹ; đặc biệt chú trọng việc phân cấp, phân quyền, rõ người rõ việc; Tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực kế cận cho giai đoạn 05 năm tới trong điều kiện nhân sự đang bước vào giai đoạn cần thay thế để phù hợp sức khỏe, đặc thù nghề nghiệp, điều kiện lao động....
- Lao động quản lý điều hành: Xây dựng kế hoạch và quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý kế cận cho giai đoạn 2026 - 2031; Tổ chức thực hiện tuyển dụng, đào tạo theo lộ trình.
- Đối với đội ngũ thợ vận hành: Phối hợp với các Trường dạy nghề tổ chức các chương trình đào tạo tại chỗ, vừa học vừa làm; tuyển dụng đội ngũ lao động trẻ kế cận, đặc biệt là nhân sự trực tiếp sản xuất cho ngành nghề hiện tại và định hướng cho các dòng sản phẩm mới trong tương lai;
- Đổi mới cải tiến năng suất lao động: Tích cực nghiên cứu cải tiến nâng cao năng suất lao động thông qua các hoạt động ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, đặc biệt ứng dụng AI vào hoạt động sản xuất để giải phóng lao động thủ công nặng nhọc;
- Về cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực: Trong điều kiện nguồn nhân lực khan hiếm cục bộ và cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc giữ chân và thu hút nguồn nhân lực đang trở nên cấp bách; Với đặc thù lao động mang tính mùa vụ, sản xuất liên tục ca kíp ở thời điểm cao điểm, việc tuyển dụng, giữ chân nhân sự đang là bài toán khó. Để giữ chân và thu hút nhân lực, nhân tài cần đảm bảo việc làm song song với đảm bảo thu nhập, khuyến khích được nhân tài; ngoài chính sách phúc lợi hiện có đang áp dụng, tiền lương cần phải có sự tăng trưởng tối thiểu 10% mỗi năm;
- Chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động: Duy trì và phát huy các phong trào đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội, văn hóa thể thao...chăm lo cho người lao động .

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và quan hệ người lao động: Tích cực đào tạo, truyền thông mạnh mẽ về văn hóa doanh nghiệp, trong đó chú trọng:

- Xây dựng văn hóa trách nhiệm – hiệu quả – kỷ luật – đổi mới.
- Nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của người đứng đầu.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- Xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng LASUCO.

Các CÔNG TY THÀNH VIÊN

1 CÔNG TY TNHH LAM SƠN – SAO VÀNG

Thôn 1, Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hóa

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Chế biến và bảo quản rau quả.

THÔNG TIN CHUNG

- Thành lập theo GCN đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 2800786957, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/10/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
- Góp vốn của Lasuco theo mệnh giá: 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Trồng cây mía; cao su; cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.

2 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN – BÁ THƯỚC

Phố 3, Xã Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- Khai thác xử lý và cung cấp nước.
- Trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.

THÔNG TIN CHUNG

- Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần ngày 18/02/2011, mã số doanh nghiệp là 2801664422; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 07/10/2022.
- Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn)
- Vốn thực góp: 13.500.000.000 đồng (Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)
- Góp vốn của Lasuco: 13.500.000.000 đồng, chiếm 100% vốn thực góp

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Trồng cây mía, trồng cây gia vị, cây dược liệu.
- Khai thác gỗ, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

3 CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM CNC TÂM PHÚ HƯNG

Cụm Công nghiệp Quốc lộ 45, Xã Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

- Khai thác gỗ, khai thác lâm sản, trừ gỗ.
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả. Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.

THÔNG TIN CHUNG

- Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801751192 ngày 09/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp với tiền thân là Công ty CP Nông công nghiệp DVTM Vân Sơn; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/10/2022.
- Vốn điều lệ: 100.737.621.024 đồng (Một trăm tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 100.737.621.024 đồng (Một trăm tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng)
- Góp vốn của Lasuco: 100.737.621.024 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ đã góp.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Trồng cây mía, cây lấy củ có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.

4 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XNK LAM SƠN

Khu 6, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
- Bán buôn gạo, bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn đồ uống.

THÔNG TIN CHUNG

- Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802449548 ngày 20/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Thay đổi lần 1 ngày 24/01/2022.
- Vốn điều lệ: 9.862.396.042 đồng (Chín tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng)
- Vốn thực góp của Lasuco: 9.862.396.042 đồng (Chín tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn thực phẩm, chế biến và bảo quản rau quả

5 CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Khu 6, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

- Xử lý hạt giống để nhân giống, chế biến và bảo quản rau quả
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

THÔNG TIN CHUNG

- Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802243177 ngày 23/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Thay đổi lần 4 ngày 28/04/2022.
- Vốn điều lệ: 139.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn)
- Góp vốn của Lasuco theo mệnh giá: 139.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Trồng cây mía
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác
- Trồng cây ăn quả
- Trồng cây lâu năm khác
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, dịch vụ sau thu hoạch

6 CÔNG TY TNHH THÀNH AN – LAM SƠN

Khu Hồ Bản, Thôn Làng May, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng
- Dịch vụ cơ khí, sửa chữa ô tô, kinh doanh phụ tùng ô tô xe máy
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, thể thao giải trí.

THÔNG TIN CHUNG

- Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801078996 ngày 22/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày ngày 07/06/2016 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)
- Góp vốn của Lasuco theo mệnh giá: 1.800.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Kinh doanh xăng dầu
- Chế biến kinh doanh hàng lâm sản, trang trí nội thất
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng
- Vận tải hành khách bằng xe bus, xe taxi, vận tải khách du lịch.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

7 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN LAM SƠN

Thôn Đá Dựng, Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hóa

- San lấp mặt bằng.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi.
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống.

THÔNG TIN CHUNG

- Được thành lập theo GCN đăng ký kinh doanh số 2603000123, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 26/08/2021 với mã số doanh nghiệp là 2800783723.
- Vốn điều lệ: 75.737.621.024 đồng (Bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng)
- Góp vốn của Lasuco: 13.950.000.000 đồng; chiếm 43,59% vốn điều lệ của Công ty.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón các loại.

8 CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VIỆT NAM – THỤY ĐIỂN

Lô CN - B3, khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Thành phố Hà Nội

- Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.

THÔNG TIN CHUNG

- Thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 ngày 20/09/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp; thay đổi lần 5 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0500568665 ngày 19/08/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 56.005.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ không trăm lẻ năm triệu đồng)
- Góp vốn của Lasuco: 21.500.000.000 đồng; chiếm 38,39% vốn điều lệ.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Đóng chai các loại rượu.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

lasuco
everything is from nature
TRÀ MÍA CHANH
MÍA TÁC
LYCHEE NATA DE COCO
CANE JUICE KUMQUAT
CANE JUICE LEMON TEA
DỪA THẠCH DỪA

MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
TỰ NHIÊN NGỌT LÀNH

ĐƯỜNG HẠT CAO CẤP

ĐƯỜNG PHÈN

ĐƯỜNG THỎI VÀ ĐƯỜNG THANH NÂU

ĐƯỜNG TINH LUYỆN XUẤT KHẨU LAM SƠN

Định lượng: 1kg, 25kg, 50kg
Sản lượng tiêu thụ: 30.000 tấn/năm-60.000 tấn/năm
Sản xuất theo tiêu chuẩn, số hồ sơ công bố: 01/ĐLS/2025

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Độ Pol (%):	99.85
Tro dẫn điện (%) :	0.03
Độ ẩm(%):	0.05
Độ màu (IU):	30

ĐƯỜNG VÀNG TINH KHIẾT LAM SƠN

Định lượng: 500gr, 1kg, 25kg, 50kg
Sản lượng tiêu thụ: 25.000 tấn/năm -35.000 tấn/năm
Sản xuất theo tiêu chuẩn, số hồ sơ công bố: 03/ĐLS/2025

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Độ Pol (%):	98.5
Tro dẫn điện (%) :	0.4
Độ ẩm(%):	0.5
Độ màu (IU):	2500

ĐƯỜNG TRẮNG THƯỢNG HẠNG LAM SƠN

Định lượng: 500gr, 1kg, 25kg, 50kg
Sản lượng tiêu thụ: 10.000 -20.000 tấn/năm
Sản xuất theo tiêu chuẩn, số hồ sơ công bố: 02/ĐLS/2025

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Độ Pol (%):	99.75
Tro dẫn điện (%) :	0.04
Độ ẩm(%):	0.1
Độ màu (IU):	60

ĐƯỜNG PHÈN THIÊN NHIÊN LAM SƠN

Định lượng: 1kg, 30kg, 50kg

Sản lượng tiêu thụ: 3.000 tấn/năm

Sản xuất theo tiêu chuẩn, số hồ sơ công bố: NO.25/ĐLS/2025

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Độ Pol (%):	98
Độ ẩm (%) :	1.2
Độ màu (IU):	120
Kích thước hạt:	0.5-1-2 cm

ĐƯỜNG TRỘN LAM SƠN

88% đường trắng + 12% đường glucose

Main market: China (PORT: xiamen, tianjin, ZHanjiang, hekou...)

Color: Max 0,6 - 1,1mm

Grain size: 0,6mm - 1,1mm

ĐƯỜNG PHÈN NGUYÊN CHẤT LAM SƠN

Định lượng: 1kg, 30kg, 50kg

Sản lượng tiêu thụ: 3.000 tấn/năm

Sản xuất theo tiêu chuẩn, số hồ sơ công bố: NO.31/ĐLS/2025

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Độ Pol (%):	98
Độ ẩm (%) :	1.2
Độ màu (IU):	70
Kích thước hạt:	1-2 cm

ĐƯỜNG PHÈN HẠT KIM CƯƠNG LAM SƠN

Định lượng: 1kg, 30kg, 50kg

Sản lượng tiêu thụ: 3.000 tấn/năm

Sản xuất theo tiêu chuẩn, số hồ sơ công bố: NO.24/ĐLS/2025

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Độ Pol (%):	98
Độ ẩm (%) :	1.2
Độ màu (IU):	70
Kích thước hạt:	0,6 - 1 cm

ĐƯỜNG PHÈN VÀNG LAM SƠN

Định lượng: 500gr, 1kg, 5kg, 25kg, 50kg

Sản lượng tiêu thụ: 10,000 tấn/năm

Sản xuất theo tiêu chuẩn, số hồ sơ công bố: 26/ĐLS/2025

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Độ Pol (%):	98.0
Độ ẩm (%) :	1.2
Độ màu (IU):	1500
Kích thước hạt:	0.5-1-2cm

TRÀ THẢO MỘC ĐƯỜNG NÂU

lasuco

NƯỚC GIẢI KHÁT
DỨA TOPPING THẠCH DỪA

NƯỚC GIẢI KHÁT
XOÀI TOPPING THẠCH DỪA

NƯỚC GIẢI KHÁT
VẢI TOPPING THẠCH DỪA

everything is from nature

NƯỚC GIẢI KHÁT
TRÀ MÍA VỊ CHANH

NƯỚC GIẢI KHÁT
VỊ MÍA CHANH DÂY

NƯỚC GIẢI KHÁT
VỊ MÍA TẮC

NƯỚC GIẢI KHÁT
VỊ MÍA SẦU RIÊNG

lasuco

NƯỚC GIẢI KHÁT MÍA TĂNG LỰC

SẢN XUẤT THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Dinh dưỡng tự nhiên everything is from nature

TỪ ĐẠM THỰC VẬT

SỮA GẠO LỨT OJITA ĐẬU ĐỎ

ĐẠM LÀNH TỰ NHIÊN

GẠO LỨT NGUYÊN CÁM

ĐẬU ĐỎ THƠM BÙI, QUEN THUỘC VỚI MỌI GIA ĐÌNH VIỆT

HÀNH TRÌNH XANH LASUCO
MANG GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP VIỆT RA THẾ GIỚI

SỮA GẠO LỨT OJITA GIÀU PROTEIN

ĐẠM LÀNH TỰ NHIÊN.
GẠO LỨT NGUYÊN CÁM

CÂN BẰNG CUỘC SỐNG
BỔ SUNG NĂNG LƯỢNG TỰ NHIÊN

SẢN XUẤT TRÊN DÂY CHUYỀN
ASEPTIC HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI

GẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Gạo Japonica Xuất Khẩu

• Chỉ tiêu

Gạo Japonica
Gạo trắng hạt ngắn

Độ ẩm	14,5%
Tạp vật	0.05%
Kích thước hạt	5-5,5 mm
Hình dáng	Tròn và ngắn
Độ xay xát	Xay xát kỹ, đánh bóng 2 lần
Hạn sử dụng	18 tháng

Gạo Tâm An
Gạo trắng hạt dài - Hình dáng tròn và dài

Gạo Tâm Bình
Gạo St25 hạt dài. Hình dáng tròn và dài

Gạo Tâm Khang
Gạo St25 hạt dài. Hình dáng nhỏ và dài

Gạo Tâm Minh
Gạo st25 hạt ngắn/ Hình dáng: ngắn

SẢN PHẨM VÀ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Trên cơ sở đánh giá tình hình nguyên liệu, diễn biến thị trường, năng lực sản xuất và các nguồn lực hiện có, năm 2026-2027 Công ty xác định mục tiêu trọng tâm là ổn định hoạt động, duy trì tăng trưởng và nâng cao hiệu quả, tập trung gia tăng quy mô vùng nguyên liệu và sản xuất, chế biến mía đường; tối ưu chi phí, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh tiêu thụ, chủ động dòng tiền, duy trì hiệu quả lợi nhuận và tạo nền tảng cho tăng trưởng các năm tiếp theo.

Ban Điều hành tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp về nguyên liệu, sản xuất – chế biến, thị trường – tiêu thụ, quản trị chi phí và điều hành, gắn mục tiêu tăng trưởng với hiệu quả sử dụng nguồn lực, kiểm soát rủi ro và bảo toàn, phát triển vốn của Công ty.

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2026-2027

DOANH THU BÁN HÀNG
2.655 tỷ đồng
Bằng cùng kỳ 114,5%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
110 tỷ đồng
Bằng cùng kỳ 162%

CỔ TỨC
8 %

II. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH YẾU CẦN TẬP TRUNG

1. Về công tác quản lý- điều hành

- Trên cơ sở kế hoạch niên độ 2026-2027 được HĐQT phê duyệt, Ban Điều hành rà soát, giao khoán lại các chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị, gắn mục tiêu, nhiệm vụ với tiền lương, thu nhập và kết quả thực hiện. Đưa hệ thống quản trị quy trình gắn với nhân sự, tiền lương vào vận hành, nâng cao hiệu quả giao việc, theo dõi tiến độ và đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của Công ty và từng đơn vị.
- Tiếp tục duy trì kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm trong thực thi công việc, đảm bảo tuân thủ Điều lệ, quy chế, nội quy của Công ty; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp quản lý. Tăng cường kiểm soát và phòng ngừa rủi ro, đặc biệt đối với các lĩnh vực pháp lý, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các rủi ro trong sản xuất, kho bãi, bán hàng, thị trường và hoạt động quản lý.
- Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình, trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản trị của Công ty và Công ty con. Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của từng cấp quản lý; tăng tính chủ động trong điều hành, đồng thời gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu. Qua đó, xây dựng cơ chế điều hành rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, nâng cao tính chủ động, kỷ luật và hiệu quả quản trị toàn Công ty.

2. Về công tác tổ chức sản xuất mía đường

- ***2.1. Hoạch định nguồn nguyên liệu*** phải giữ ổn định và phát triển vùng nguyên liệu mía, đảm bảo sản lượng, chất lượng mía theo mục tiêu và cam kết, đáp ứng yêu cầu sản xuất và nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị mía đường.
- Cải tiến phương án điều hành thu hoạch, vận chuyển mía trên nền tảng hệ thống GIS, bám sát tình hình thực tế tại vùng nguyên liệu, đảm bảo cân đối, nhịp nhàng giữa tiến độ thu hoạch, vận chuyển và năng lực tiếp nhận của Nhà máy. Hoàn thiện hệ thống giám sát hành trình, nâng cao khả năng kiểm soát từ ruộng đến Nhà máy; tăng cường sự tham gia của chủ hợp đồng trong xác nhận vị trí, diện tích, sản lượng và kế hoạch thu hoạch, vận chuyển, qua đó nâng cao tính minh bạch, chính xác và hiệu quả trong quản lý nguyên liệu.
- ***2.2. Củng cố nền tảng sản xuất ổn định, hiệu quả, tiết kiệm đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của Công ty***
- Ổn định và nâng cao năng lực sản xuất chế biến ở công suất cao 7000TMN: Rà soát, đánh giá toàn diện các vấn đề phát sinh trong sản xuất; tập trung cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thiết bị trọng yếu, hoàn thành công tác chuẩn bị trước vụ ép, đảm bảo dây chuyền sẵn sàng vận hành trước tháng 11/2026. Tổ chức sản xuất theo hướng cân đối giữa công suất, năng suất và khả năng cung ứng nguyên liệu, hướng đến chiều sâu là hiệu suất thu hồi, giảm tổn thất trong các công đoạn, tiết kiệm năng lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm đường. Tăng cường kiểm soát các chỉ tiêu trọng yếu trong quá trình sản xuất, kịp thời nhận diện và xử lý các điểm gây tổn thất, từng bước nâng cao tính ổn định và hiệu quả của dây chuyền.
- Đối với Nhà máy đường Organic, duy trì sản xuất theo mục tiêu, phấn đấu sản lượng tăng 28% so với cùng kỳ; chủ động cân đối nguyên liệu, năng lực thiết bị và nhu cầu thị trường để lựa chọn thời điểm phù hợp phát triển, sản xuất các dòng sản phẩm mới, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu và nâng cao giá trị sản phẩm.
- Đồng thời, tập trung nâng cao năng suất lao động và tối ưu chi phí sản xuất thông qua hợp lý hóa quy trình, tinh gọn các công đoạn, bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, vận chuyển nội bộ và sắp xếp kho bãi; từng bước giảm lao động thủ công, nâng cao năng suất, an toàn và hiệu quả vận hành.

3. Công tác tiêu thụ, thị trường, thương mại xuất nhập khẩu và xây dựng thương hiệu

- Năm 2026 - 2027, Công ty tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp mở rộng thị trường, gia tăng sản lượng tiêu thụ, nâng cao hiệu quả thương mại và phát triển thương hiệu; gắn tiêu thụ với tổ chức sản xuất, chủ động thị trường đầu ra và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm:
- Đối với ngành đường, chủ động theo dõi cung – cầu, giá cả và chính sách thương mại; tận dụng cơ hội từ việc tăng cường kiểm soát đường nhập lậu, gian lận thương mại và yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ để mở rộng tiêu thụ sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng ổn định. Phát triển hệ thống phân phối, chuỗi bán lẻ Lasuco Shop mở rộng khách hàng, gia tăng độ phủ sản phẩm; phấn đấu sản lượng tiêu thụ tăng 150%, trong đó đường túi bán lẻ tăng 200% so với thực hiện năm 2025 - 2026.
- Đối với thương mại xuất nhập khẩu, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng và đối tác trong và ngoài nước; đa dạng hóa thị trường, sản phẩm và từng bước mở rộng quy mô xuất khẩu, gắn phát triển thị trường với gia tăng quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lực sản xuất.
- Đối với sản phẩm sữa và nước giải khát Lavina, tiếp tục đổi mới Marketing, truyền thông và phát triển thương hiệu; tập trung vào sản phẩm có tiềm năng, nâng cao nhận diện và mở rộng kênh phân phối. Tăng cường xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác quốc tế, thúc đẩy xuất khẩu nước giải khát đóng lon, mở rộng thị trường đầu ra và duy trì hiệu quả ngành hàng.
- Đồng thời, tăng cường quản trị hình ảnh, nhận diện thương hiệu Lasuco và các thương hiệu sản phẩm; gắn marketing với chất lượng, nguồn gốc, tiêu chuẩn sản xuất và giá trị khác biệt, hướng tới phát triển thị trường, thương hiệu và tăng trưởng doanh thu bền vững.

4. Tập trung thực hiện theo nguyên tắc tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, đầu tư có trọng tâm, trên cơ sở các hạng mục hiện có, kiểm soát chặt chẽ chi phí và từng bước đưa Dự án công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam vào khai thác hiệu quả:

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phù hợp với hiện trạng; cơ bản hoàn thành các hạng mục đầu tư chính của giai đoạn I tại khu đồi Sinh thái và khu Hố dăm; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kết nối hai khu vực; từng bước đưa các khu vực đủ điều kiện vào khai thác, sử dụng, qua đó tạo nền tảng để tiếp tục nghiên cứu và triển khai các giai đoạn đầu tư tiếp theo theo hướng hiệu quả, tiết kiệm, đồng bộ.

NHẬN ĐỊNH RỦI RO

1. Rủi ro về thời tiết, biến đổi khí hậu và môi trường:

- **Nội dung và tác động:** Hoạt động trồng, chăm sóc, thu hoạch và vận chuyển mía phụ thuộc lớn vào thời tiết. Dự báo El Niño có thể duy trì ở cường độ mạnh đến đầu năm 2027, làm tăng nguy cơ nắng nóng, thiếu nước, hạn hán và mưa phân bố bất thường. Khoảng 70% vùng mía của LASUCO là đất đồi nên các hiện tượng này có thể làm giảm tỷ lệ nảy mầm, năng suất, trữ đường, đồng thời tăng chi phí tưới và phòng trừ sâu bệnh. Mưa lớn, bão, lũ quét, sạt lở có thể làm hư hỏng đường giao thông vùng mía, gián đoạn thu hoạch - vận chuyển và vụ ép. Trong chế biến, nước thải, khí thải lò hơi, tro xỉ, mùi và các phụ phẩm nếu không được quản lý đúng quy trình có thể gây sự cố môi trường, phát sinh chi phí khắc phục, xử phạt và ảnh hưởng đến uy tín Công ty.
- **Biện pháp quản trị, ứng phó:** Công ty tiếp tục theo dõi dự báo khí tượng, xây dựng kịch bản thu hoạch theo vùng; cơ cấu giống chịu hạn, kháng sâu bệnh, trữ đường cao; mở rộng tưới tiết kiệm, giữ ẩm, thoát nước, đường vận chuyển và phòng cháy vùng nguyên liệu. Đồng thời, duy trì ổn định hệ thống xử lý chất thải, quan trắc và cảnh báo sớm; kiểm soát điểm có nguy cơ rò rỉ, quá tải; chuẩn bị phương án ứng phó sự cố; tận dụng bã mía, mật rỉ, bùn lọc theo hướng kinh tế tuần hoàn, bảo đảm tuân thủ quy định môi trường và tái chế bao bì.

2. Rủi ro về vùng nguyên liệu:

- **Nội dung và tác động:** Vùng nguyên liệu chịu sức ép từ cạnh tranh cây trồng khác, đô thị hóa, phát triển hạ tầng và điều chỉnh quy hoạch đất. Ruộng mía manh mún, tỷ lệ mía đồi cao hạn chế cơ giới hóa; thiếu lao động thời vụ và chi phí nhân công, vận chuyển tăng có thể làm chậm thu hoạch. Khi giá đường biến động, duy trì giá thu mua mía đủ hấp dẫn để bảo đảm thu nhập người trồng mía sẽ tạo áp lực lên biên lợi nhuận. Giống thoái hóa, sâu bệnh, chăm sóc không đồng đều, thu hoạch non hoặc quá lứa, mía cháy và mía lưu bãi kéo dài có thể làm giảm sản lượng, chất lượng, trữ đường, khiến nhà máy thiếu nguyên liệu hoặc vận hành dưới công suất. Đầu tư giống, phân bón và dịch vụ cũng phát sinh rủi ro công nợ nếu diện tích, sản lượng hoặc việc thực hiện hợp đồng không đạt kế hoạch.
- **Biện pháp quản trị, ứng phó:** Công ty tiếp tục củng cố liên kết với chính quyền địa phương, hợp tác xã và người trồng mía; rà soát quỹ đất, cập nhật diện tích, tình trạng canh tác trên hệ thống GIS; kiểm soát hợp đồng trồng, đầu tư và thu mua mía. Trọng tâm là chính sách thu mua ổn định, minh bạch gắn với chất lượng; phát triển giống theo tiểu vùng; tăng tưới, cơ giới hóa và dịch vụ làm đất - thu hoạch; điều hành lịch thu hoạch, vận chuyển, ép mía theo độ chín và năng lực nhà máy; phân loại, đối chiếu, thu hồi công nợ theo từng hộ, thửa và vụ.

3. Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:

- **Nội dung và tác động:** Thị trường đường niên độ 2026-2027 có thể tiếp tục biến động do cung - cầu thế giới, chính sách xuất khẩu và phân bổ mía cho sản xuất ethanol tại các nước lớn. Giá đường quốc tế đã giảm đáng kể trong niên vụ 2025-2026, trong khi nguồn cung trong nước tăng và sức tiêu thụ có lúc chậm, làm tăng nguy cơ tồn kho, giảm giá bán. Cạnh tranh còn đến từ đường nhập khẩu theo hạn ngạch, nhập lậu, gian lận xuất xứ, lẩn tránh phòng vệ thương mại, siro ngô hàm lượng fructose cao (HFCS) và chất tạo ngọt thay thế. Khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp sản xuất, phân phối có độ nhạy cao về giá, tạo rủi ro giảm thị phần, kéo dài thanh toán hoặc tăng chiết khấu. Đối với đường thô nhập khẩu để chế luyện, biến động giá, tỷ giá, cước vận chuyển, chất lượng và thời điểm giao hàng có thể ảnh hưởng hiệu quả kinh doanh.

4. Rủi ro về kinh tế, tài chính và đầu tư:

- **Nội dung và tác động:** Biến động kinh tế thế giới, xung đột địa chính trị, chính sách thương mại, lãi suất, tỷ giá và giá năng lượng có thể làm tăng chi phí phân bón, nhiên liệu, vật tư, bao bì, vận tải và thiết bị nhập khẩu. Ngành mía đường có tính mùa vụ, cần vốn lưu động lớn để đầu tư vùng nguyên liệu, thu mua mía và duy trì tồn kho; do đó, tiêu thụ chậm hoặc giá bán giảm có thể kéo dài vòng quay vốn, tăng chi phí tài chính và áp lực thanh khoản. Rủi ro tín dụng phát sinh từ công nợ người trồng mía, khách hàng, đơn vị liên quan; rủi ro tỷ giá phát sinh từ nhập khẩu. Việc triển khai đồng thời các dự án đầu tư, sản phẩm mới và hoạt động tại công ty con có thể vượt tổng mức, chậm tiến độ, không đạt công suất hoặc hiệu quả dự kiến, ảnh hưởng dòng tiền và bảo toàn vốn.
- **Biện pháp quản trị, ứng phó:** Công ty cần xây dựng kịch bản ngân sách, dòng tiền theo các mức giá mía, giá đường, sản lượng và lãi suất; kiểm soát hạn mức vay, chi phí vốn, công nợ quá hạn, tuổi tồn kho và hiệu quả từng ngành hàng. Hợp đồng mua bán, nhập khẩu, đầu tư cần có cơ chế giá, thanh toán, bảo đảm thực hiện và phân bổ rủi ro phù hợp. Dự án đầu tư phải được đánh giá về thị trường, tổng mức, nguồn vốn, điểm hòa vốn và dòng tiền; phê duyệt theo giai đoạn, giám sát tiến độ - chi phí - chất lượng, đánh giá sau đầu tư; tăng giám sát giao dịch bên liên quan và hiệu quả vốn tại công ty con.

5. Rủi ro pháp lý và tuân thủ:

- **Nội dung và tác động:** Hoạt động của LASUCO chịu nhiều quy định về doanh nghiệp, chứng khoán, thuế, hải quan, phòng vệ thương mại, đất đai, môi trường, lao động, an toàn vệ sinh lao động, điện lực, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hóa, bảo vệ người tiêu dùng, cạnh tranh và dữ liệu cá nhân. Pháp luật thay đổi nhanh, hướng dẫn chuyển tiếp chưa đồng bộ hoặc hồ sơ không được cập nhật kịp thời có thể dẫn đến truy thu thuế, xử phạt, đình chỉ, thu hồi sản phẩm, tranh chấp hoặc chậm dự án. Đáng lưu ý, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 quy định từ 01/01/2027 áp dụng thuế suất 8% đối với nước giải khát theo Tiêu chuẩn quốc gia có hàm lượng đường trên 5g/100 ml; ảnh hưởng đối với từng sản phẩm của Công ty phụ thuộc phân loại, thành phần và hồ sơ công bố. Nghĩa vụ EPR đối với bao bì, kiểm soát phát thải, công bố thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên ERP, GIS cũng làm tăng yêu cầu tuân thủ và chi phí quản trị.
- **Biện pháp quản trị, ứng phó:** Công ty cần duy trì đầu mối cập nhật pháp luật và ma trận nghĩa vụ theo từng đơn vị; định kỳ rà soát giấy phép, hồ sơ môi trường, đất đai, thuế, hải quan, công bố sản phẩm, nhãn hàng hóa, EPR, hợp đồng và công bố thông tin chứng khoán. Đối với đồ uống, cần sớm đánh giá phạm vi chịu thuế, phương án công thức, giá bán, hợp đồng và kế hoạch thị trường từ năm 2027. Đồng thời, tăng thẩm định pháp lý trước giao dịch, đào tạo và kiểm tra tuân thủ, lưu trữ hồ sơ điện tử có kiểm soát; phân quyền, ghi nhật ký truy cập, đánh giá tác động xử lý dữ liệu và quản lý nhà cung cấp công nghệ.

6. Rủi ro hoạt động, công nghệ, nhân lực và các rủi ro khác:

- **Nội dung và tác động:** Vụ ép liên tục nên sự cố thiết bị, lò hơi, hệ thống điện - hơi - nước, cháy nổ, thiếu phụ tùng hoặc gián đoạn cung ứng có thể dừng nhà máy, giảm thu hồi đường, tăng chi phí. Sai sót về chất lượng, an toàn thực phẩm, cân - đo - lấy mẫu, kho vận, truy xuất có thể gây khiếu nại, thu hồi sản phẩm, ảnh hưởng thương hiệu. Phụ thuộc vào ERP, GIS, hệ thống điều khiển làm tăng rủi ro tấn công mạng, mất dữ liệu, sai phân quyền, gián đoạn vận hành. Thiếu nhân lực kỹ thuật, cán bộ vùng nguyên liệu, quản lý dự án hoặc mất người chủ chốt có thể làm chậm chuyển đổi số. Các sự kiện ít xảy ra nhưng tác động lớn gồm thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, đứt gãy chuỗi cung ứng, thay đổi chính sách.
- **Biện pháp quản trị, ứng phó:** Công ty cần bảo trì phòng ngừa thiết bị trọng yếu, dự phòng vật tư, kiểm định an toàn, diễn tập ứng cứu và chuẩn bị phương án vận hành thay thế. Hệ thống chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất phải được kiểm tra độc lập. Với ERP, GIS, hệ thống điều khiển, cần rà soát phân quyền, sao lưu, kiểm thử phục hồi và ứng phó sự cố an ninh mạng. Đồng thời, xây dựng nhân sự kế cận, đào tạo đa kỹ năng, duy trì bảo hiểm phù hợp và kế hoạch hoạt động liên tục.

Đánh giá chung: Trong niên độ 2026 - 2027, rủi ro trọng yếu nhất là thời tiết - biến đổi khí hậu, bảo đảm vùng nguyên liệu và biến động thị trường đường; có thể xảy ra đồng thời, tác động đến sản lượng, công suất ép, giá thành, tồn kho và dòng tiền. Công ty cần theo dõi bằng chỉ tiêu cảnh báo sớm, cập nhật hàng tháng trong vụ sản xuất và hàng quý đối với rủi ro khác; kịp thời báo cáo HĐQT, điều chỉnh kế hoạch khi vượt ngưỡng.

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TẤT CẢ LÀ TỰ NHIÊN

01 Bối cảnh kinh tế ngành đường

02 Những dấu ấn tiêu biểu của Lasuco niên độ 2025-2026

03 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

04 Tình hình đầu tư - thực hiện các dự án

05 Tình hình tài chính

06 Báo cáo và đánh giá tác động liên quan tới môi trường và xã hội

EVERYTHING IS FROM NATURE

VÌ MỘT
NỀN NÔNG NGHIỆP
XANH HƠN
THỊNH VƯỢNG HƠN

BỐI CẢNH KINH TẾ NGÀNH ĐƯỜNG

Tổng quan các yếu tố tác động đến cung cầu, sản xuất, giá thành và thị trường ngành đường

BỐI CẢNH KINH TẾ VÀ NGÀNH ĐƯỜNG

Niên độ 2025–2026 diễn ra trong bối cảnh kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực, song ngành mía đường phải đối mặt với nhiều thách thức. Nguồn cung đường thế giới phục hồi và chuyển sang trạng thái thặng dư đã tạo áp lực giảm giá, trong khi thị trường trong nước tiếp tục chịu sức ép cạnh tranh từ đường nhập khẩu, nguồn cung không chính thức và các chất tạo ngọt thay thế. Bên cạnh đó, biến động khí hậu, giá năng lượng, phân bón, logistics và tỷ giá tiếp tục ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và hiệu quả kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, việc Việt Nam tiếp tục duy trì các biện pháp phòng vệ thương mại đối với đường mía nhập khẩu từ Thái Lan là yếu tố hỗ trợ quan trọng cho sự phục hồi bền vững của ngành. Đối với LASUCO, củng cố vùng nguyên liệu, nâng cao năng suất và chữ đường, kiểm soát giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa thị trường và gia tăng giá trị từ chuỗi sản xuất mía đường tiếp tục là những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động.

Kinh tế thế giới: Năm 2026, kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng nhưng trong môi trường nhiều bất định. IMF dự báo GDP thế giới tăng khoảng 3,0% năm 2026, thấp hơn mức bình quân 3,5% của giai đoạn 2024–2025; lạm phát toàn cầu được điều chỉnh lên khoảng 4,7%. Xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng, chi phí vận tải và phân bón tiếp tục gây áp lực lên chuỗi cung ứng hàng hóa; trong khi đầu tư công nghệ là một trong những động lực hỗ trợ tăng trưởng.

1. **Kinh tế Việt Nam:** Kinh tế trong nước duy trì đà tăng trưởng tích cực: GDP 6 tháng đầu năm 2026 tăng 8,18%, trong đó công nghiệp – xây dựng tăng 9,81%, dịch vụ tăng 8,09% và nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,87%. IMF đã nâng dự báo tăng trưởng Việt Nam năm 2026 lên 7,5%, phản ánh sức cầu nội địa và xuất khẩu công nghệ tương đối tích cực. Đây là nền tảng thuận lợi cho nhu cầu thực phẩm, đồ uống và đường công nghiệp, dù doanh nghiệp vẫn chịu áp lực về chi phí đầu vào và biến động thị trường.
2. **Thị trường đường thế giới:** Cung đường toàn cầu đã cải thiện rõ rệt. ISO ước tính niên vụ 2025/2026 thặng dư khoảng 1,1 triệu tấn, sau khi niên vụ trước thiếu hụt hơn 3 triệu tấn; tiêu thụ thế giới khoảng 179,6 triệu tấn. Tuy nhiên, cán cân 2026/27 được dự báo quay về thiếu hụt nhẹ khoảng 0,2 triệu tấn. Rủi ro El Niño, diễn biến sản lượng tại Brazil, Ấn Độ và Thái Lan cùng chính sách phân bổ mía cho đường hay ethanol có thể làm thị trường đảo chiều nhanh.
3. **Giá đường thế giới:** Giá đường thô chịu áp lực mạnh trong nửa đầu năm 2026: bình quân ISA tháng 6 chỉ khoảng 13,9 US cent/lb; tháng 7 phục hồi lên khoảng 14,8 cent/lb và đến tháng 8 tăng lên khoảng 17,4 cent/lb, chủ yếu do lo ngại thời tiết và nguồn cung. Diễn biến này cho thấy giá đường vẫn có độ biến động cao dù cán cân cung – cầu tổng thể tương đối cân bằng.
4. **Thị trường đường Việt Nam:** Niên vụ 2025–2026, ngành đường trong nước sản xuất gần 1,3 triệu tấn đường. Năng lực sản xuất phục hồi nhưng thị trường tiêu thụ gặp khó khăn, tồn kho tăng và giá đường trong nước có thời điểm xuống mức thấp nhất trong khoảng ba năm và thấp so với các nước trong khu vực. Áp lực lớn đến từ đường nhập lậu, đường không rõ nguồn gốc và sự cạnh tranh của đường lỏng HFCS trong nhóm khách hàng công nghiệp.
5. **Cung – cầu:** Việt Nam vẫn có khoảng cách đáng kể giữa năng lực sản xuất đường từ mía trong nước và tổng nhu cầu chất tạo ngọt/đường. Vì vậy, về dài hạn thị trường vẫn có dư địa cho sản xuất nội địa; nhưng trong ngắn hạn, vấn đề nổi bật lại là cung thực tế trên thị trường vượt sức hấp thụ của đường sản xuất trong nước, do sự hiện diện đồng thời của đường nhập khẩu, đường nhập lậu và các chất tạo ngọt thay thế. Điều này tạo nghịch lý: sản lượng trong nước tăng nhưng giá và khả năng tiêu thụ của nhà máy đường vẫn chịu áp lực.
6. **Nhập khẩu, cạnh tranh và chính sách:** Với thị trường nội địa, chính sách phòng vệ thương mại tiếp tục là yếu tố quan trọng bảo vệ ngành. Tháng 6/2026, Bộ Công Thương quyết định gia hạn thêm 5 năm, đến 15/6/2031, biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ Thái Lan. Các biện pháp chống lẩn tránh đối với đường liên quan đến Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar cũng tiếp tục đóng vai trò quan trọng.

- Đối với thị trường xuất khẩu, việc áp dụng các hàng rào kỹ thuật (Trung Quốc) và áp dụng việc đánh thuế đối ứng không theo thông lệ quốc tế là rào cản đối với hoạt động xuất khẩu đường từ Việt Nam.

NHỮNG DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA LASUCO NĂM 2025 – 2026

1. Phát triển thị trường bán lẻ:

- Sản lượng đường bán lẻ tăng trưởng mạnh nhất trong 05 năm qua, tương đương 132% so cùng kỳ;

2. Công tác đầu tư dự án, nâng cấp mang lại kết quả và hiệu quả:

- Đầu tư nâng cấp Nhà máy gạch: Đã chính thức hoạt động từ tháng 5/2026 với công suất 210.000 viên gạch/ngày;
- Đầu tư nâng công suất sản xuất đường túi: Đạt 150% công suất ban đầu;

3. Chất lượng sản phẩm:

- Chất lượng đường vàng được cải tiến về kích thước hạt, chất lượng, màu sắc... nâng cao giá trị thương hiệu và sự khác biệt của sản phẩm đường vàng tinh khiết LASUCO;

4. Đạt chứng nhận SGP:

- Đây là minh chứng doanh nghiệp đạt các yêu cầu nghiêm ngặt về điều kiện nơi làm việc, thực hành đạo đức kinh doanh, tôn trọng nhân quyền, tuân thủ luật lao động, bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng.

5. Tổ chức quản lý & phát triển:

- Thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm mới, tạo tiền đề cho việc cải tiến, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm mới, ngành nghề mới...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Các khoản đầu tư lớn tại ngày 30/06/2026 — ĐVT: đồng

STT	DỰ ÁN	SỐ TIỀN
1	Dự án Công viên sinh thái Tre, Luồng Thanh Tam	278.648.669.111
2	Dự án đầu tư dây chuyền chiết chai PET/LON	8.048.543.054
3	Dự án Mở rộng Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn	16.249.466.603
4	Các dự án khác	19.384.739.472
	Tổng cộng	**322.331.418.240**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính: — ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TỪ NGÀY 01/07/2025 - 30/06/2026	TỪ NGÀY 01/07/2024 - 30/06/2025	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	3.247.403	3.411.263	(4,8)
Doanh thu thuần	2.319.816	2.328.022	(0,4)
Lợi nhuận từ HĐKD	71.439	145.947	(51,1)
Lợi nhuận khác	(3.556)	(278)	1.179
Lợi nhuận trước thuế	67.883	145.669	(53,4)
Lợi nhuận sau thuế	55.802	121.874	(54,2)

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TỪ NGÀY 01/07/2025 - 30/06/2026	TỪ NGÀY 01/07/2024 - 30/06/2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,28	2,15
+ Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,03	0,02
+ Khả năng thanh toán hiện thời	lần	1,39	1,33
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,94	46,42
+ Hệ số Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	55,97	53,47
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,41	5,24
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,72	3,57
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu thuần	%	2,93	6,26

Quy trình SẢN XUẤT MÍA ĐƯỜNG

- LASUCO ứng dụng công nghệ hiện đại và quy trình khép kín để tạo ra những sản phẩm đường tinh khiết, an toàn và thân thiện với môi trường.

1 MÍA

Mía được thu hoạch từ vùng nguyên liệu chất lượng cao. đảm bảo độ tươi và hàm lượng đường tối ưu.

2 ÉP

Mía được đưa vào máy ép để tách lấy nước mía, bã mía sau ép được tận dụng làm nhiên liệu.

3 LÀM SẠCH

Nước mía thô được xử lý với gia nhiệt - lắng trong để loại bỏ tạp chất, cặn bẩn thu được nước mía trong sạch.

4 CÔ ĐẶC

Nước mía trong được cô đặc ở nhiệt độ và áp suất phù hợp để tăng độ Brix, chuẩn bị quá trình kết tinh.

5 KẾT TINH

Nước mía cô đặc được nấu trong nồi kết tinh để tạo thành các tinh thể đường.

6 LY TÂM

Hỗn hợp đường và mật được đưa vào máy ly tâm để tách tinh thể đường ra khỏi mật rỉ.

7 SẤY

Đường sau khi được ly tâm được sấy khô bằng khí nóng, đảm bảo độ ẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng.

8 ĐÓNG GÓI

Đường sau khi được kiểm tra chất lượng, đường được đóng gói tự động đảm bảo vệ sinh, an toàn và đồng nhất.

9 KHO

Sản phẩm được lưu trữ trong kho đạt chuẩn, đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

10 KHÁCH HÀNG

Đường mía Lam Sơn đến tay người tiêu dùng, đối tác trong nước và quốc tế.

Kinh tế tuần hoàn
TỪ CÂY MÍA

Thiên nhiên trao tặng
Giá trị lan tỏa

MÍA
Nền tảng cho chuỗi giá trị bền vững

SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN

GIẢM PHÁT THẢI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

GIA TĂNG GIÁ TRỊ CHO CỘNG ĐỒNG

NƯỚC MÍA

ĐƯỜNG / THỰC PHẨM

- Đường tinh luyện (RE, RS,...)
- Đường vàng, đường phèn, đường hữu cơ
- Sản phẩm thực phẩm, đồ uống
- Phục vụ tiêu dùng và công nghiệp

BÃ MÍA

NĂNG LƯỢNG

- Phát điện sinh khối (Phục vụ sản xuất và hòa lưới)
- Cung cấp hơi nước cho nhà máy
- Thay thế nhiên liệu hóa thạch
- Giảm phát thải khí nhà kính

MẬT RỈ

CHẾ BIẾN

ETHANOL
VI SINH
THỨC ĂN CHĂN NUÔI
SẢN PHẨM KHÁC

- Sản xuất ethanol, cồn sinh học
- Sản xuất men vi sinh, axit hữu cơ
- Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
- Các sản phẩm giá trị gia tăng khác

BÙN LỌC & PHỤ PHẨM

PHÂN BÓN

- Sản xuất phân hữu cơ vi sinh
- Cải tạo đất tăng độ màu mỡ
- Trả lại dinh dưỡng cho đồng ruộng
- Đóng góp nông nghiệp bền vững

LÁ/NGỌN/PHẾ PHỤ PHẨM

NHIÊN LIỆU / SẢN PHẨM SINH HỌC

- Nhiên liệu sinh khối (viên nén, đốt lò
- Nguyên liệu sản xuất sản phẩm sinh học
- Làm phân hữu cơ, phủ đất, giữ ẩm
- Giảm phát thải

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm (vụ ép 2025 - 2026)

690.798 tấn | 194.096 tấn | 45.478 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

- Bã mía 100% dùng để tái chế làm nguồn nguyên liệu đốt lò hơi, cấp hơi và phát điện phục vụ sản xuất, ngoài ra còn cấp điện hòa lưới quốc gia.
- Tro bùn tái chế 100% làm sản phẩm phân bón cung cấp cho vùng nguyên liệu.
- Nước thải đã xử lý đạt tiêu chuẩn đã tái sử dụng 70-80% lưu lượng xả thải bơm quay lại phục vụ sản xuất.

2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp là sử dụng nguồn điện tự phát.
- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp là sử dụng nguồn điện lưới quốc gia.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Qua dự án đồng phát nhiệt điện CDM Công ty đã tiết kiệm được nguồn bã mía để sử dụng đốt lò phát điện hòa vào mạng lưới điện quốc gia.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

- Báo cáo sáng kiến dự án đồng phát nhiệt điện CDM: Đã góp phần giải quyết vấn đề môi trường ngành công nghiệp mía đường, vừa tận dụng được chất thải sản xuất điện năng phục vụ sản xuất, vừa góp phần cung cấp cho điện năng lưới điện quốc gia.

Kết quả của dự án đồng phát nhiệt điện:

- Đã giải quyết được vấn đề dư thừa bã trong sản xuất, không làm ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước. Góp phần hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch cho nhiệt điện (than đá, dầu). Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí.
- Tận dụng, tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác là một nguyên lý cơ bản của sản xuất sạch hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên
- Giảm được chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu chi phí điện năng cho sản xuất, thu lợi nhuận từ việc bán điện; chủ động được nguồn năng lượng, hạn chế tác động do việc mất điện, ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty.
- Người dân không còn phàn nàn về tình trạng ô nhiễm môi trường do tác động của chất thải rắn, khí thải trong sản xuất

3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn nước cung cấp cho sản xuất được sử dụng từ nguồn nước sông từ Kênh Nông Giang của hệ thống sông Chu, bằng hình thức tự bơm.
- Lưu lượng nước sử dụng (tính cho vụ ép trong năm 2025 - 2026): 600.000 m^3

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Qua dự án đồng phát nhiệt điện CDM Công ty đã tiết kiệm được nguồn bã mía để sử dụng đốt lò phát điện hòa vào mạng lưới điện quốc gia.

- **Tỷ lệ phần trăm nước tái chế: 75%**
- **Tổng lượng nước tái chế và sử dụng: 225.000 m^3**

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Trong năm 2026-2027 Công ty không vi phạm về luật bảo vệ môi trường, luôn tuân thủ các quy định và quy chế về môi trường

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

- Không vi phạm về lĩnh vực môi trường

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

I. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

1. Đánh giá các chỉ tiêu về tiêu thụ nước:

- Thực hiện giấy phép khai thác nước mặt số 40/GP-UBND
- Thực hiện đúng mục đích, nguồn nước, vị trí công trình, lượng nước, phương thức khai thác – sử dụng.
- Hàng năm công ty nộp phí cấp quyền khai thác nước mặt theo quy định cho nhà nước
- Bảo vệ nguồn nước khai thác, bảo vệ vệ sinh khu vực, khai thác trong giới hạn cho phép, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm.
- Các biện pháp đo đạc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước hiện có tại khu vực khai thác.
- Công ty thủy nông sông Chu lắp đặt hệ thống đo lưu lượng và tính toán chốt công tơ theo hàng quý đối với Công ty.
- Mục đích khai thác: Sử dụng vào sản xuất đường, tưới mía giống và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trong Công ty.
- Nguồn nước khai thác, sử dụng: Sông Nông Giang thuộc hệ thống Thủy nông sông Chu.

Lượng nước sử dụng:

- Lưu lượng lấy nước trung bình: 0,1041 m^3/s
- Lưu lượng lấy nước lớn nhất: 0,111 m^3/s.
- Nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong ngày đối với ngày sản xuất: 4.500 m^3/ngày.
- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất theo năm: 600.000 m^3.
- Chất lượng nguồn nước: Do hệ thống sông Nông Giang chủ yếu làm nhiệm vụ tưới nên chế độ thủy văn (mực nước, lưu lượng nước) phụ thuộc vào sự điều tiết của trạm thủy nông Bái Thượng cho nhu cầu sử dụng nước ở hạ lưu.

2. Đánh giá các chỉ tiêu môi trường về năng lượng.

- Sử dụng nguồn năng tái tạo: Công ty đã thực hiện dự án đồng phát nhiệt điện CDM sử dụng bã mía đốt lò hơi.
- Dự án Đồng phát nhiệt điện sử dụng nhiên liệu từ bã mía tại Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn đã làm giảm lượng phát thải khí nhà kính ước tính trong giai đoạn thực hiện 31.000 tấn CERs/năm.
- Xây dựng Dự án "Đồng phát nhiệt điện sử dụng nhiên liệu bã mía". Việc không thải bã mía ra môi trường sẽ hạn chế vấn đề ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước. Sử dụng bã mía làm nhiệt điện góp phần hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch cho nhiệt điện (dầu, than), giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí. Tận dụng, tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu cho ngành khác là một nguyên lý cơ bản của sản xuất sạch hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất của nhà máy và một phần cung cấp cho lưới điện quốc gia.

3. Đánh giá các chỉ tiêu về phát thải:

3.1. Về nước thải sản xuất của các nhà máy

- Nước thải từ các tháp ngưng tụ: Tính chất đặc thù của loại nước này là nhiệt độ cao hơn nhiệt độ môi trường. Loại nước này được thu hồi hầu hết để tuần hoàn lại hệ thống tạo chân không và sử dụng lại cho sản xuất.
- Nước làm mát: Nguồn nước này dùng để làm mát thiết bị tuabin, khớp nối, máy nén, động cơ; đây là nguồn nước sạch, được Nhà máy thu hồi và bơm tuần hoàn để tái sử dụng.

Nguồn nước thải làm mát có chỉ số từ 50 - 70mg/l gồm các nguồn thải sau:

+ Nước tạo chân không.
+ Nước làm mát.
+ Nước thải ngưng tụ các thiết bị bốc hơi gia nhiệt
+ Nước thải làm mát và nước vệ sinh khu xử lý nước sạch: Thu gom phân tách theo nguồn thải phía nam để tưới tiêu nông nghiệp.
+ Nước vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh thiết bị nồi nấu, bốc hơi gia nhiệt, đánh cặn nước thải có độ ô nhiễm COD = 75 – 3.000mg/l, BOD = 1.500mg/l, SS = 1.500mg/l đưa vào hệ thống xử lý hóa lý kết hợp sinh học (Theo Công nghệ xử lý nước thải của Ấn Độ)

3.2. Về khí thải:

- Khói, bụi của 03 lò hơi đốt bã mía nhà máy đã sử dụng hệ thống xử lý xiclon và tĩnh điện xử lý triệt để đạt hiệu quả 95%. Khói bụi xe vận chuyển và bụi đường, bụi hơi nước phạm vi nhỏ lan tỏ không đáng kể Công ty có biện pháp xử lý triệt để.

3.3. Về chất rắn:

- Thành phần rác thải sinh hoạt gồm: Rác, lá cây, giấy phát sinh không đáng kể
- Chất thải rắn sản xuất: Phát sinh chủ yếu các loại chất thải sau: tro đốt, bã mía. Căn cứ vào tình hình hoạt động của nhà máy sản xuất với công xuất 7.500 tấn mía ngày, lượng tro lò đốt từ bã mía, bùn lọc các loại chất thải này tận dụng để làm phân bón cho vùng mía của Lam Sơn.
- Chất thải nguy hại trong sản xuất bao gồm: Rác thải giẻ lau, bìa amiăng, gioang cao su, bóng đèn neon, dầu mỡ, chai lọ, bông thủy tinh.....Công ty hợp đồng với Công ty đủ điều kiện để xử lý nguồn chất thải này.

II. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

- Theo cam kết của chính phủ Việt Nam tại Hội nghị biến đổi khí hậu được ký trong khuôn khổ cuộc họp tại Vương quốc Anh từ ngày 01 - 12/11/2021, theo đó, Việt Nam đã cam kết với Liên hợp quốc lộ trình giảm phát thải đến năm 2050 đạt mức trung hòa phát thải ròng – Net Zero.
- Ngày 18/01/2022 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 01/2022/TTg ban hành danh mục, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính. Trong đó LASUCO thuộc diện doanh nghiệp trọng điểm sẽ kiểm kê phát thải khí nhà kính hàng năm.
- LASUCO là doanh nghiệp đa ngành nghề và nhiều nhà máy sản xuất: Đường, điện, đồ uống, phân bón, hoạt động thương mại và vận chuyển hàng hóa, vận chuyển mía. Nguồn tiêu thụ năng lượng hóa thạch chủ yếu là: Điện mua lưới ngoài vụ, dầu DO cho máy móc phục vụ và hoạt động vận chuyển, khí thải từ hệ thống máy lạnh.... LASUCO cũng là doanh nghiệp giảm phát thải bằng việc phát điện năng lượng tái tạo từ bã mía và Biomas khác. LASUCO đã có các hợp đồng bán điện năng lượng tái tạo cho EVN, LASUCO đồng thời cũng có các các cánh đồng mía với diện tích hơn 8.000 ha mía, tiến tới sẽ phát triển rộng thêm. Đây là nguồn giảm phát thải bù trừ đáng kể để trung hòa bớt lượng các bon tiêu thụ.

- Tiến tới mục tiêu là doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực sản xuất xanh và sạch hơn, tiến tới đạt chứng chỉ Zero các-bon nhằm nâng cao và tạo điều kiện tốt hơn cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa sản phẩm trong tương lai gần. Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đang bước đầu tiến hành việc thực hiện kiểm kê khí nhà kính và đăng ký lộ trình lập báo cáo phát thải hàng năm. Hoạt động này là cần thiết phù hợp với xu hướng, quy định của Chính phủ, phù hợp định hướng của LASUCO. Công ty luôn chú trọng tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường và thực hiện các hoạt động thể hiện trách nhiệm đối với xã hội, địa phương.
- Công ty tiếp tục phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh Hùng trong tỉnh; Tổ chức thăm hỏi động viên 08 gia đình con liệt sĩ, viếng nghĩa trang liệt sỹ nhân dịp 27/7 và dịp tết Nguyên Đán hàng năm. Ngoài ra Công ty thường xuyên quan tâm đến các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Tích cực hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, lá lành đùm lá rách.

"Những thay đổi nhỏ hôm nay tạo nên tác động lớn cho ngày mai"

CHƯƠNG III

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TẤT CẢ LÀ TỰ NHIÊN

01 Tình hình tài chính

02 Tình hình hoạt động SXKD niên độ 2025-2026

03 Một số tồn tại, hạn chế

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
Tài sản ngắn hạn	**1.942.007**	**2.077.140**	**(135.133)**	**(6,5)**
Tiền và các khoản tương đương tiền	*36.102*	*35.148*	*954*	*2,7*
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	*105.208*	*89.736*	*15.472*	*17,2*
Các khoản phải thu ngắn hạn	*234.240*	*264.162*	*(29.922)*	*(11,3)*
Hàng tồn kho	*1.564.239*	*1.686.762*	*(122.523)*	*(7,3)*
Tài sản ngắn hạn khác	*2.218*	*1.332*	*886*	*66,5*
Tài sản dài hạn	**1.305.396**	**1.334.123**	**(28.727)**	**(2,2)**
Tổng tài sản	**3.247.403**	**3.411.263**	**(163.860)**	**(4,8)**

2. Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
Nợ phải trả	**1.426.975**	**1.583.644**	**(156.669)**	**(9,9)**
Nợ ngắn hạn	*1.400.226*	*1.557.036*	(156.810)	(10,1)
Nợ dài hạn	*26.749*	*26.608*	141	0,5
Vốn chủ sở hữu	**1.820.428**	**1.827.619**	**(7.191)**	**(0,4)**
Vốn chủ sở hữu	*1.817.672*	*1.823.988*	(6.316)	(0,3)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	*2.756*	*3.631*	(875)	(24,1)
Tổng cộng nguồn vốn	**3.247.403**	**3.411.623**	**(163.860)**	**(4,8)**

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Niên độ 2025 - 2026, ngành mía đường thế giới và Việt Nam tiếp tục đối mặt trong môi trường nhiều biến động do tác động đan xen từ cuộc chiến thuế quan của Mỹ làm gia tăng bất ổn thương mại, căng thẳng chính trị tại Trung Đông tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn cung năng lượng, làm gia tăng giá nhiên liệu, vận tải và nhiều yếu tố đầu vào.
- Trong bối cảnh chung của ngành mía đường thế giới tiếp tục đối mặt với áp lực dư cung trong phần lớn niên độ 2025 - 2026. Giá đường quốc tế giảm xuống vùng thấp nhất trong nhiều năm, có thời điểm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2020. Tại Việt Nam, ngành mía đường tiếp tục trải qua năm thứ hai liên tiếp trong điều kiện thị trường nhiều khó khăn, đối mặt với tác động kép: Sức tiêu thụ chưa phục hồi mạnh, giá bán chịu áp lực từ diễn biến giá đường thế giới và khu vực; mặt khác chi phí sản xuất, áp lực tài chính do lãi suất tăng mạnh, hàng tồn kho, chi phí Logistics đột biến ở mức cao. Niên độ 2025 - 2026 tiếp tục là năm thử thách đối với năng lực quản trị chi phí, hiệu quả sản xuất và sức chống chịu của các doanh nghiệp mía đường nói chung và Lasuco nói riêng về duy trì vùng nguyên liệu ổn định, kiểm soát chi phí, tối ưu tồn kho, đột phá tìm hướng đi mới trong tiêu thụ sản phẩm là những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Sản lượng mía nguyên liệu đạt 86% KH, bằng 105% so với cùng kỳ. Đường sản xuất (từ đường thô và mía) đạt 87% KH, bằng 81% cùng kỳ.
- Đường tiêu thụ đạt 86,2% KH, bằng 80,1% cùng kỳ.
- Doanh thu bán hàng: 2.319,8 tỷ đồng bằng 76,5% KH và bằng 99,6% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 67,88 tỷ đồng bằng 50,3% KH năm và bằng 46,6% cùng kỳ

2. Vận hành các giải pháp số hóa trong quản lý vùng nguyên liệu mía:

- Hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản lý vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn trong chuỗi khép kín số hóa dữ liệu từ hợp đồng, định danh đến từng thửa đất, theo dõi quá trình trồng, loại giống, chăm sóc, đầu tư, kế hoạch thu hoạch, năng suất, chất lượng đến từng thửa mía.
- Đồng hành hỗ trợ người trồng mía bằng các giải pháp: Thực hiện chương trình nghiên cứu khảo nghiệm phát triển các bộ giống mới cho năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng khí hậu của vùng mía Lam Sơn; Các giải pháp về tài chính như đầu tư ứng trước tiền mặt, phân bón, giống, kỹ thuật, phát triển các mô hình mẫu; duy trì lợi ích tối đa cho người nông dân thông qua giá thu mua mía nguyên liệu cao nhất so với toàn vùng trong tình hình ngành mía đường đặc biệt khó khăn.
- **3. Về sản xuất chế biến:**

3.1. Nhà máy đường – điện sinh khối

- Tiếp tục thực hiện theo lộ trình phân kỳ đầu tư nâng cấp cải tạo thiết bị hướng đến vận hành ổn định năng suất 7.000TMN; Nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng, tiết giảm chi phí; cải tiến công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm đường là mục tiêu cốt lõi xuyên suốt, lấy sản xuất theo chiều sâu coi chất lượng là hàng đầu định vị vững chắc cho thương hiệu.

3.2. Nhà máy đường số 1

- Phát huy các giải pháp trong tối ưu nguyên liệu, công nghệ nấu đường, nâng chất lượng sản phẩm, tăng hiệu suất thu hồi, tiết giảm chi phí. Đã thử nghiệm đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp sản phẩm mới đường phèn vàng Lam Sơn theo mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu.

3.3. Nhà máy Lavina Food

- Đánh giá lại toàn bộ sản phẩm tung ra thị trường, tập trung phát triển các dòng sản phẩm thế mạnh về sữa, nước giải khát cho nội địa và xuất khẩu, điều chỉnh sản phẩm hướng đến mục tiêu tốt cho sức khỏe người tiêu dùng; hoàn thiện tung ra các dòng sản phẩm mới từ nước mía: dứa thạch dừa, nước mía bạc hà, vải thạch dừa.

4. Hoạt động Thương mại – xuất nhập khẩu

- Trong diễn biến chung của ngành đường đang gặp khó khăn tiêu thụ, áp lực tồn kho cao nhưng trong năm 2025/2026 đã đánh dấu bước chuyển mình, định hướng đúng đắn khi đầu tư phát triển mạnh hệ thống bán lẻ, đưa cơ cấu bán lẻ tăng trưởng nhanh đạt mục tiêu đề ra. Các dòng sản phẩm đường cát túi tăng 42% so với cùng kỳ, đường phèn tăng 20% so với cùng kỳ gắn với độ phủ trên thị trường tại các miền. Công tác xuất nhập khẩu tiếp tục được chú trọng để đưa các sản phẩm đường, đồ uống, nước giải khát quảng bá xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc, Trung Đông, Nhật Bản, Hàn Quốc...

5. Ngành lúa gạo:

- Tiếp tục vận hành hoạt động đầu tư liên kết phát triển nguyên liệu, đảm bảo các mục tiêu sản lượng cho sản xuất chế biến. Tuy nhiên năm 2025-2026 ảnh hưởng nặng nề từ thiên tai cũng như khó khăn về tiêu thụ, đặc biệt giá lúa gạo tiếp tục giảm sâu ngược lại với xu thế vận hành mất mùa – được giá, liên tục thực hiện các giải pháp hạ tồn kho, đảm bảo dòng tiền... Trong năm tiếp tục duy trì hoạt động mua bán, xuất khẩu dòng sản phẩm thế mạnh Gạo Nhật Japonica cho các đối tác sản xuất chế biến công nghiệp bánh kẹo và xuất khẩu sang thị trường Singapore.

6. Ngành rau quả công nghệ cao:

- Tiếp tục duy trì thế mạnh sản xuất và thương hiệu các dòng sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao canh tác trong hệ thống nhà kính hiện đại theo công nghệ Israel mang thương hiệu Lasuco phát triển tiêu thụ vào các chuỗi kinh doanh thực phẩm sạch, siêu thị: Dưa vàng, Dưa lưới Lam Sơn; Cam V2 Lam Sơn, cam đường canh Lam Sơn, Hoa Lan Hồ Điệp. Tiếp tục khảo nghiệm các giống mía mới nhân rộng cho vùng mía Lam Sơn, Khảo nghiệm cây trồng mới phục vụ cho các mục tiêu nghiên cứu chế biến sâu đa dạng các dòng sản phẩm của Tập đoàn

7. Triển khai các dự án đầu tư:

- Dự án công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam: cùng với hỗ trợ của cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương các cấp đã xử lý dứt điểm những tồn đọng về pháp lý liên quan đến thủ tục giao đất.
- Trong năm đã dành nguồn lực xây dựng hoàn thiện đưa vào vận hành Nhà máy gạch Tuynel công suất 50 triệu viên/năm, đầu tư máy móc thiết bị nâng công suất sản xuất đường túi

8. Công tác quản lý điều hành:

- Là năm chịu nhiều biến động mạnh, bất lợi cho ngành mía đường với giá đường tiếp tục tụt giảm, giá đầu vào tăng mạnh. Ban điều hành đã linh hoạt tính toán thực hiện đồng bộ các giải pháp: mía nguyên liệu, cân bằng sản dây chuyền sản xuất gắn với tối ưu năng lượng, cương quyết thực hiện các giải pháp nâng chất lượng đường vàng, tinh luyện; tăng năng lực kho chứa dữ trữ hàng tồn kho, linh hoạt nhanh nhạy chuyển hướng phát triển bán lẻ; đặc biệt thực hành tốt các tiêu chuẩn khắt khe liên quan đến điều kiện làm việc, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường qua đó duy trì chứng nhận SGP
- Về tổ chức bộ máy quản lý: Thành lập trung tâm R&D thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, đánh giá, phát triển các sản phẩm mới theo chiến lược đa dạng hóa sản phẩm; Tiếp tục rà soát, áp dụng hệ thống hóa các chỉ tiêu kế hoạch giao đến từng đơn vị, từng cá nhân tiếp tục gắn với trách nhiệm vai trò của người đứng đầu. Đồng thời hướng tới việc số hóa các nghiệp vụ chuyên sâu trên hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động của các khối thương mại, sản xuất, nguyên liệu, phục vụ.

III. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG

- Vùng nguyên liệu mía: Niên độ 2025 - 2026, diễn biến thời tiết có những thời điểm bất lợi, xuất hiện tình trạng hạn hán cục bộ, ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây mía trong giai đoạn đầu, qua đó tác động đến năng suất và sản lượng thu hoạch dự kiến. Bên cạnh yếu tố thời tiết, thị trường đường trong nước tiếp tục chịu áp lực cạnh tranh, mặt bằng giá đường thấp so với một số thị trường trong khu vực, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của cây mía so với một số cây trồng khác có nguy cơ ảnh hưởng tới phát triển diện tích vùng nguyên liệu.
- Trong hoạt động sản xuất và khai thác năng lực tài sản còn dư địa để nâng cao sản lượng, năng suất. Công ty cần phải tiếp tục rà soát, cải tiến thiết bị, công nghệ, phương thức tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả khai thác các năng lực sản xuất, tài sản hiện có tại các lĩnh vực đầu tư, trong đó chú trọng ngành đồ uống, đa dạng nguồn nguyên liệu đầu vào trong sản xuất mía đường để gia tăng quy mô sản xuất, nâng thời gian khai thác thiết bị dây chuyền tăng hiệu quả sử dụng tài sản.
- Thị trường và tiêu thụ tiếp tục chịu tác động của cạnh tranh, cung cầu và xu hướng tiêu dùng. Việc nâng cao sản lượng tiêu thụ, phát triển hệ thống phân phối, mở rộng thị trường bán lẻ, thúc đẩy xuất khẩu và đa dạng hóa khách hàng là yêu cầu quan trọng nhằm tăng tính chủ động vé đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và cải thiện dòng tiền.
- Đối với hoạt động đầu tư, quản lý tài sản và đất đai, một số dự án còn chịu ảnh hưởng bởi yêu cầu hoàn thiện thủ tục pháp lý, quy hoạch và các quy định liên quan. Công ty tiếp tục rà soát, tháo gỡ các vướng mắc, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và chủ động phân kỳ đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng khai thác và hiệu quả kinh tế. Thực tiễn triển khai các dự án cũng đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng thẩm định và quản trị đầu tư, chú trọng hơn đến tổng mức đầu tư, phương án khai thác, khả năng tiêu thụ, dòng tiền và các rủi ro pháp lý, thị trường; đồng thời tăng cường quản trị sau đầu tư nhằm bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn.

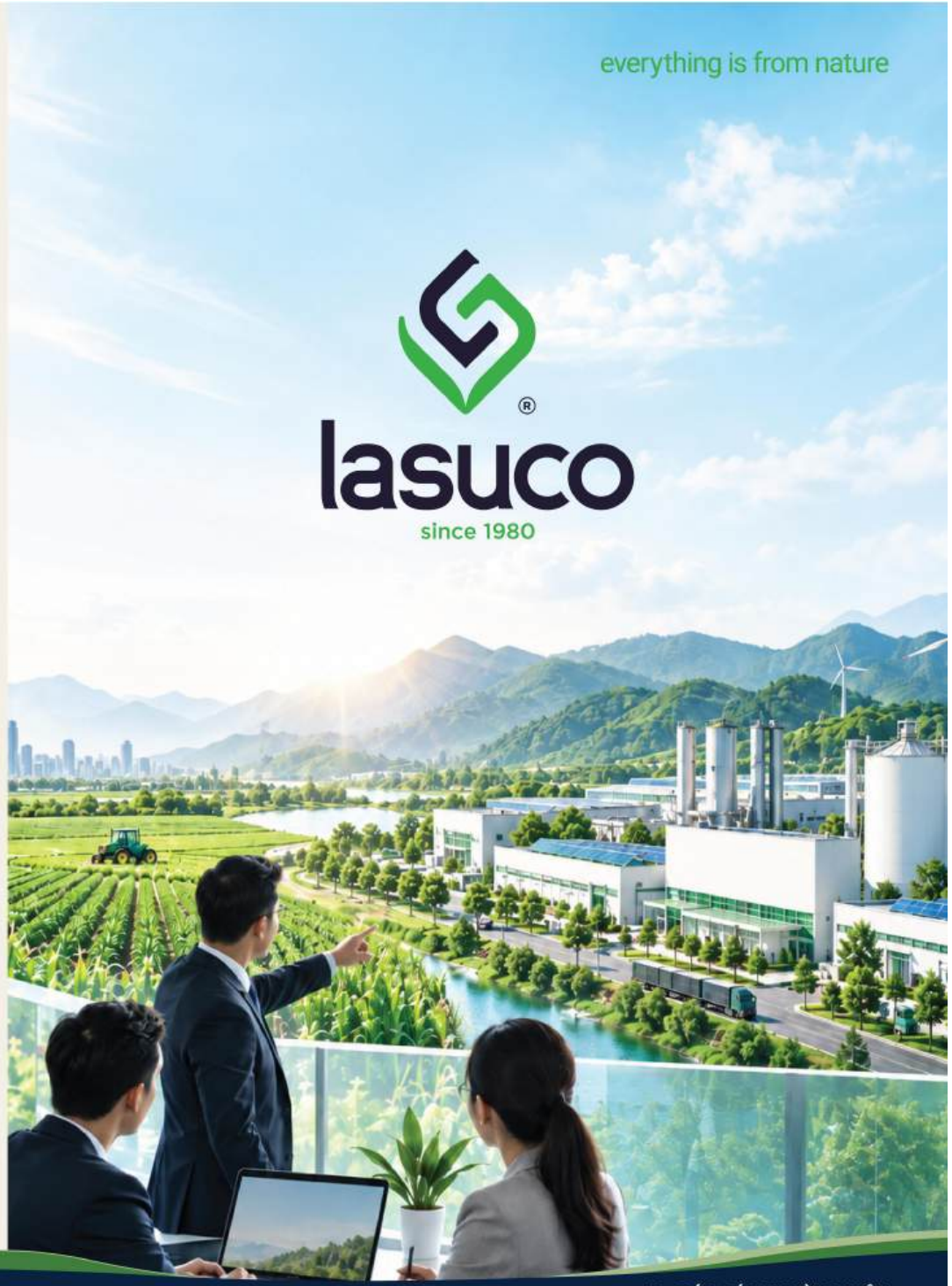

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

CON NGƯỜI
CÔNG NGHỆ
THỊNH VƯỢNG
CÙNG PHÁT TRIỂN

1. Hoạt động của HĐQT

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NIÊN ĐỘ 2025-2026

- Niên độ 2025–2026 tiếp tục là một năm có nhiều biến động đối với ngành mía đường và hoạt động sản xuất kinh doanh của LASUCO. Giá đường trong nước và thế giới giảm mạnh, cạnh tranh gia tăng, chi phí đầu vào và chi phí tài chính ở mức cao; thời tiết bất thường, bão lũ và ngập úng ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng mía cũng như thu hoạch và vận chuyển nguyên liệu. Những yếu tố này tác động trực tiếp đến doanh thu, biên lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Trong bối cảnh đó, HĐQT xác định LASUCO không chỉ duy trì sản lượng mà quan trọng hơn là nâng cao chất lượng tăng trưởng: chủ động nguồn nguyên liệu; nâng hiệu suất sản xuất của nhà máy; chuyển dịch từ bán sản phẩm sang phát triển thị trường, thương hiệu và sản phẩm có giá trị gia tăng; kiểm soát tồn kho, dòng tiền và vốn đầu tư; đồng thời từng bước hình thành nền tảng quản trị số và phát triển xanh, tuần hoàn. Đây là những tiền đề cần thiết để LASUCO sử dụng hiệu quả tài sản và vốn mang lại giá trị gia tăng cho Công ty

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu theo nghị quyết ĐHĐCĐ giao

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM	THỰC HIỆN	TH SO KẾ HOẠCH	
					GIÁ TRỊ	% KH
1	Doanh thu	Tr.đồng	3.031.000	2.319.816	(711.183)	76,5
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	135.000	67.883	67.117	50,3
3	Cổ tức	%	10	5	(5)	50

- Tổng tài sản – nguồn vốn tại ngày kết thúc năm tài chính là 3.247 tỷ đồng. Doanh thu thuần đạt 2.319 tỷ đồng, bằng 76,5% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 67,8 tỷ đồng, bằng 50,3% kế hoạch. Kết quả chưa đạt mục tiêu ĐHĐCĐ giao, đòi hỏi Công ty phải chuyển mạnh trọng tâm quản trị sang hiệu quả, biên lợi nhuận, vòng quay vốn và dòng tiền.

2. Hoạt động của HĐQT

- Niên độ 2025-2026, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức triển khai và thực hiện các hoạt động theo nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ. Các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Nội bộ về quản trị doanh nghiệp; Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị một cách tuân thủ, phù hợp và hiệu quả trên nguyên tắc hướng về kết quả, áp dụng linh hoạt các cách thức thực hành. Từng thành viên Hội Đồng Quản Trị đã thực thi nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và thẩm quyền một cách trung thực, cẩn trọng, chủ động, trách nhiệm cao vì lợi ích của Công ty và cổ đông, tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn, đóng góp vào hoạt động SXKD của Công ty.
- HĐQT duy trì hoạt động định kỳ, chuyên đề và giao ban, kịp thời xem xét chỉ đạo và cùng Ban điều hành xử lý các vấn đề cần thiết đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty ổn định, tăng trưởng, hiệu quả: Xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD; Chuẩn bị và tổ chức sản xuất vụ ép 2025-2026; Tập trung quản lý, phát triển vùng nguyên liệu; Triển khai công tác thương mại, bán hàng, xuất nhập khẩu; đầu tư, tài chính, nhân sự và công ty con. Củng cố và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước; Ổn định tài chính, nguồn vốn và dòng tiền, giảm dư nợ; Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư; Quản trị các công ty con một cách chặt chẽ và hiệu quả.
- Hội đồng quản trị thực hiện quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ tốt nhất nhằm đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông và người lao động. Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
- Hoàn thành phương án trả cổ tức năm 2024–2025 theo nghị quyết số 299 NQ/2025/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 21/10/2025 với tỷ lệ 10%, gồm 5% bằng tiền và 5% bằng cổ phiếu; vốn điều lệ sau phát hành tăng từ 857,41 tỷ đồng lên 900,265 tỷ đồng.
- Đưa Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước
- Tập trung tháo gỡ khó khăn về thủ tục pháp lý cho Dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam. Đến nay dự án đã được Chủ Tịch UBND Tỉnh ban hành quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 04/09/2026 về việc cho phép tiếp tục cho thuê đất để thực hiện dự án. Đây là một thành công lớn khi dự án đã vướng thủ tục pháp lý hơn 10 năm nay.
- Tiếp tục tháo gỡ thủ tục pháp lý dự án Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời rà soát danh mục tài sản, đất đai và các khoản đầu tư chưa hiệu quả.
- Rà soát danh mục đầu tư, đánh giá hiệu quả từng khoản đầu tư, cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý tại công ty con; Rà soát, sửa đổi, cập nhật Điều lệ, Quy chế hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và Quy chế phân cấp, phân quyền cho Chủ tịch/giám đốc công ty con, mục tiêu là tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu; đồng thời tăng cường kiểm soát Công ty mẹ đối với vốn, tài sản và rủi ro. Kiện toàn người đại diện phần vốn, nhân sự quản lý tại công ty con; xây dựng phương án tái cấu trúc đối với tài sản, công ty con và công ty liên kết hoạt động chưa hiệu quả.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư 2026-2027; rà soát, kiện toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, phân định rõ trách nhiệm, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc; Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực kế cận cho các vị trí quản lý, chuyên môn trọng yếu,
- Tập trung hướng đi tăng tỷ trọng và thị phần bán lẻ: Sản lượng và doanh thu đường bán lẻ: Đường túi tăng 40,5% so với cùng kỳ; đường phèn tăng 20%. Đây là tín hiệu tích cực thị phần bán lẻ có sự gia tăng.
- Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, tăng năng suất lao động, chuẩn hoá dữ liệu và đảm bảo tính tuân thủ trong việc thực hiện các quy trình. Triển khai quản trị số thông qua Base, GIS, Netsuit; chuẩn hóa quy trình, dữ liệu, phân quyền và hồ sơ điện tử, hướng tới không gian quản trị – vận hành số thống nhất

3. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

- Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia giám sát, phản biện các vấn đề chiến lược, tài chính, đầu tư, nhân sự và quản trị rủi ro; đặc biệt tập trung vào vùng nguyên liệu, định hướng tăng bán lẻ đường túi, đường phèn, sản phẩm giá trị gia tăng, hiệu quả dự án và công ty con.
- HĐQT đánh giá vai trò phản biện độc lập là cần thiết để nâng cao chất lượng quyết định, nhất là đối với các quyết định đầu tư có giá trị lớn, các dự án còn rủi ro pháp lý, các đơn vị hoạt động chưa hiệu quả và các vấn đề có ảnh hưởng dài hạn đến vốn, tài sản và lợi ích cổ đông.

4. Đánh giá thẳng thắn những tồn tại và nguyên nhân

HĐQT ghi nhận nỗ lực của toàn thể CBCNV từ HĐQT, Ban điều hành, cán bộ quản lý và người lao động đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các quy định, quy chế của Công ty, nỗ lực tổ chức thực hiện kế hoạch trong điều kiện thị trường còn nhiều khó khăn; Duy trì và ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động; cải thiện dòng tiền và giảm dư nợ vay trong bối cảnh lãi suất ngân hàng tăng cao. Tuy nhiên kết quả đạt được vẫn chưa đạt so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao. Nguyên nhân được đánh giá đến từ khách quan những ảnh hưởng của thị trường và những nguyên nhân chủ quan nội tại từ dự báo vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất. Các vấn đề cần được nhìn nhận như những điểm nghẽn cần được tập trung giải quyết:

- Vùng nguyên liệu: diện tích và chất lượng mía suy giảm; dự báo sản lượng, dữ liệu GIS và tổ chức thu hoạch – vận chuyển chưa đủ chính xác, đồng bộ.
- Sản xuất: hiệu quả vụ ép chưa đạt yêu cầu, cần nâng năng suất, hiệu suất thu hồi và kiểm soát chi phí trên từng công đoạn.
- Thị trường: tổng doanh thu chưa đạt kế hoạch; xuất khẩu chưa triển khai được; ngành đồ uống đạt thấp; tồn kho còn cao.
- Một số tài sản và công ty con hoạt động chưa đạt hiệu quả, một số dự án còn chậm về pháp lý hoặc khai thác chưa tương xứng với nguồn lực đã đầu tư.
- Tài chính: chi phí tài chính còn cao, yêu cầu kiểm soát chặt nợ vay, vốn lưu động, hàng tồn kho và dòng tiền.
- HĐQT cho rằng giai đoạn tới cần thay đổi: mỗi ngành, mỗi dự án, mỗi công ty con và mỗi khoản đầu tư phải rõ được giá trị tạo ra; dòng tiền và tỷ suất sinh lời có tương xứng với vốn, tài sản và rủi ro hay không.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

- HĐQT thực hiện chức năng quản trị, định hướng và giám sát trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ; đồng thời tăng cường vai trò hoạch định chiến lược, kiểm soát rủi ro và giám sát hiệu quả sử dụng vốn. Trong niên độ, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ, chuyên đề và giao ban để đánh giá thực hiện Nghị quyết, cập nhật tình hình SXKD và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Trọng tâm giám sát đối với Ban Điều hành:
- HĐQT ghi nhận Ban Điều hành đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, các chính sách, quy định và quy chế của Công ty; có nhiều cố gắng trong điều hành hoạt động SXKD, Tổ chức thu hoạch vận chuyển và tổ chức sản xuất vụ ép; tập trung công tác phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất, thương mại và triển khai các dự án; thanh toán kịp thời tiền mía và các nghĩa vụ đến hạn; triển khai bán hàng; dự án cân đối dòng tiền; từng bước giảm dư nợ vay và cải thiện dòng tiền.

- Tuy nhiên, HĐQT đánh giá vẫn còn một số hạn chế tồn tại đó là: công tác dự báo và quản lý vùng nguyên liệu chưa sát; Công tác điều hành thu hoạch, vận chuyển còn bất cập; hiệu quả sản xuất vụ ép 2025-2026 chưa đạt yêu cầu; Công tác thương mại, thị trường và tiêu thụ một số sản phẩm chưa đạt kế hoạch; Chi phí tài chính còn cao. Một số công ty con hoạt động chưa hiệu quả; mô hình quản trị phân cấp, phân quyền và cơ chế giám sát đã được ban hành cần tiếp tục theo dõi đánh giá;
- HĐQT yêu cầu Ban Điều hành tăng cường kỷ luật điều hành, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất; Đẩy mạnh tiêu thụ; Giảm dư nợ, giảm chi phí tài chính; Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản và các khoản đầu tư; Tăng cường hoạt động điều hành theo dữ liệu và mục tiêu. Mọi kế hoạch phải được lượng hóa bằng KPI, ngân sách, dòng tiền, người chịu trách nhiệm và thời hạn hoàn thành; các chỉ tiêu sản lượng phải gắn với chất lượng, giá bán, biên lợi nhuận và vòng quay vốn.

III. ESG, KINH TẾ XANH – TUẦN HOÀN

HĐQT xác định phát triển bền vững không phải là một chương trình riêng biệt mà phải trở thành một phương thức quản trị và tạo giá trị của LASUCO. Nền tảng của hướng đi này là vùng nguyên liệu bền vững, sử dụng hiệu quả phụ phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, an toàn sản xuất và trách nhiệm với người trồng mía, người lao động, khách hàng và cộng đồng.

- Tiếp tục nâng năng suất, chất lượng và hiệu quả vùng mía; chuẩn hóa dữ liệu GIS, giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước, phân bón..
- Phát huy lợi thế kinh tế tuần hoàn của ngành mía đường: bã mía cho phát điện và sinh khối; từng bước gia tăng giá trị phụ phẩm và giảm phát thải.
- Tiếp tục chương trình giảm phát thải carbon vùng nguyên liệu mía Lam Sơn hợp tác với các đối tác Nhật Bản được triển khai theo định hướng canh tác thân thiện với môi trường, không đốt lá mía, tăng sử dụng phân hữu cơ, cải thiện sức khỏe đất và hướng tới thị trường carbon tự nguyện. HĐQT đồng thời yêu cầu các nhà máy sản xuất, dự án tuân thủ quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm; Rà soát điều kiện an toàn tại các nhà máy, dự án và khu vực sản xuất. Sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát chất lượng sản phẩm, bảo đảm môi trường và an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Công ty quan tâm duy trì việc làm, thu nhập, đào tạo và phúc lợi cho người lao động; thực hiện trách nhiệm với người trồng mía, khách hàng, đối tác, cộng đồng địa phương và ngân sách Nhà nước. Các hoạt động xã hội được triển khai phù hợp khả năng tài chính và định hướng phát triển bền vững.
- Đưa các tiêu chí môi trường – xã hội – quản trị vào đánh giá dự án, đầu tư, nhà cung cấp, công ty con và hiệu quả vận hành; từng bước hình thành hệ thống dữ liệu ESG có thể đo lường và kiểm chứng.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN LASUCO NIÊN ĐỘ 2026–2027 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2026–2031

- HĐQT xác định giai đoạn 2026–2031 là giai đoạn chuyển đổi quan trọng của LASUCO: từ mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào sản lượng sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, giá trị gia tăng, thị trường, dữ liệu và hiệu quả sử dụng vốn. Cùng với việc nghiên cứu cơ hội phát triển các cây trồng mới, sản phẩm mới trên cơ sở khai thác lợi thế, khả năng phát triển thị trường và phù hợp với xu hướng tiêu dùng xanh, bền vững.
- Mục tiêu xuyên suốt là xây dựng LASUCO theo hướng "nông nghiệp – công nghiệp chế biến – thương mại – xanh và số", trong đó lợi thế vùng nguyên liệu, năng lực chế biến, thương hiệu và thị trường được kết nối thành chuỗi giá trị có khả năng tạo dòng tiền bền vững.

1. Mục tiêu SXKD niên độ 2026–2027

- HĐQT xây dựng kế hoạch niên độ kính trình đại hội, sau khi đánh giá xu hướng, diễn biến các kịch bản về giá đường, chất lượng và sản lượng mía, tiêu thụ tồn kho, chi phí tài chính và hiệu quả của từng công ty con và thực tế nội tại.

2. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm 2026 - 2027

2.1 Đối với nguyên liệu mía và sản xuất chế biến đường

- Ổn định và từng bước mở rộng vùng nguyên liệu.
- Chuyển quản trị vùng nguyên liệu từ quản lý diện tích sang quản lý năng suất, Pol, chi phí/ha, sản lượng thực thu và hiệu quả cho người trồng mía.
- Hoàn thiện dữ liệu GIS theo từng vùng/thửa; tăng tính chính xác của dự báo sản lượng để chủ động kế hoạch ép, thu hoạch, vận chuyển và dòng tiền.
- Nâng hiệu suất nhà máy, tối ưu tiêu hao năng lượng và chi phí; khai thác tốt hơn giá trị từ bã mía và các phụ phẩm. Giá thành sản phẩm cạnh tranh.

2.2 Tăng thị phần, nhất là thị phần thị trường bán lẻ

- Tiếp tục tăng tỷ trọng bán lẻ: đường túi, đường phèn và các sản phẩm có giá trị gia tăng; phát triển thương hiệu, bao bì, quy cách và kênh bán phù hợp từng phân khúc.
- Quản trị bán hàng theo từng kênh, từng nhóm khách hàng và từng sản phẩm; đánh giá bằng doanh thu, biên lợi nhuận, vòng quay vốn và công nợ thay vì chỉ sản lượng.
- Từng bước mở rộng xuất khẩu trên nguyên tắc có đơn hàng/hợp đồng, kiểm soát rủi ro giá, tỷ giá, logistics và công nợ.
- Xây dựng năng lực marketing và dữ liệu thị trường để LASUCO chủ động hơn trong quyết định giá, sản lượng và cơ cấu sản phẩm.

2.3 Tái cấu trúc danh mục đầu tư và công ty con theo nguyên tắc hiệu quả

- Phân loại các dự án, tài sản và công ty con theo ba nhóm: (1) tạo giá trị cần mở rộng đầu tư; (2) Ổn định sản xuất thu hồi vốn; (3) cần tái cấu trúc thoái/thu hồi vốn theo quy định.
- Đối với công ty con hoạt động chưa hiệu quả, giao KPI và trách nhiệm người đại diện vốn; kiên quyết xử lý tình trạng kéo dài không tạo giá trị.
- Ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, khả năng tạo dòng tiền và có sự cộng hưởng với chuỗi giá trị cốt lõi của LASUCO.
- Đối với dự án mới, bắt buộc đánh giá đồng thời pháp lý, thị trường, tổng mức đầu tư, dòng tiền, thời gian hoàn vốn, suất sinh lời và rủi ro đội vốn trước khi quyết định.

2.4 Quản trị vốn, dòng tiền và hiệu quả vốn

- Kiểm soát hàng tồn kho, công nợ, nợ vay và chi phí tài chính; xây dựng dự báo dòng tiền thường xuyên để chủ động nhu cầu vốn.
- Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và tài sản theo từng ngành, từng đơn vị và từng dự án.
- Gắn mọi quyết định tăng trưởng với khả năng tạo dòng tiền và mức sinh lời trên vốn; bảo đảm cân bằng giữa tăng trưởng, an toàn tài chính và lợi ích cổ đông.

2.5 Chuyển đổi số và nâng cấp mô hình quản trị

- Hoàn thiện Base và các hệ thống dữ liệu. Xây dựng dashboard quản trị cho các chỉ tiêu trọng yếu: vùng nguyên liệu, sản xuất, bán hàng, tồn kho, công nợ, dòng tiền, nợ vay, đầu tư và hiệu quả công ty con.
- Điều lệ, quy chế, phân cấp – phân quyền đã được ban hành nhằm tăng tính chủ động của người đứng đầu, cần đi đôi với cơ chế kiểm soát và trách nhiệm giải trình.
- Phát triển nguồn nhân lực quản trị, kỹ thuật, thương mại và dữ liệu; chuẩn bị đội ngũ kế cận cho các vị trí trọng yếu.

2.6 ESG – kinh tế xanh, tuần hoàn và carbon

- Tích hợp ESG vào chiến lược và kế hoạch SXKD; lượng hóa các mục tiêu môi trường, xã hội và quản trị theo từng năm.
- Mở rộng sử dụng phụ phẩm, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải trong toàn chuỗi giá trị mía đường.
- Tiếp tục chương trình carbon vùng nguyên liệu và nghiên cứu khả năng hình thành nguồn thu mới từ tín chỉ carbon khi đủ điều kiện pháp lý, dữ liệu và thị trường.
- Gắn phát triển bền vững với lợi ích thực chất: nâng hiệu quả người trồng mía, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm rủi ro và nâng giá trị thương hiệu.

3. Định hướng giai đoạn 2026-2031

3.1. Củng cố ngành mía đường, nâng giá trị trên nền tảng vùng nguyên liệu

3.2 Tăng cường hoạt động thương mại XNK

3.3 Tiếp tục triển khai dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam.

- Dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam ngày 04/09/2026 Chủ Tịch UBND Tỉnh Thanh hoá đã ban hành quyết định số 2857/QĐ-UBND về việc cho phép tiếp tục cho thuê đất để thực hiện dự án. Thực hiện quyết định Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện các công việc tiếp theo liên quan đến dự án theo quy định để tiếp tục thi công và hoàn thành toàn bộ dự án đưa vào hoạt động theo cam kết; thực hiện đầy đủ trách nhiệm nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với dự án theo quy định.

3.4. Cây trồng mới, sản phẩm mới

- HĐQT trình ĐHĐCĐ về định hướng nghiên cứu có chọn lọc các cơ hội phát triển cây trồng mới và sản phẩm mới, trên cơ sở điều kiện tự nhiên, khí hậu, quỹ đất, năng lực tổ chức sản xuất, khả năng chế biến và đặc biệt là tiềm năng thị trường. Việc nghiên cứu phải gắn với mô hình chuỗi giá trị, xác định rõ sản phẩm đầu ra, đối tác tiêu thụ, hiệu quả kinh tế và khả năng nhân rộng; tránh phát triển theo phong trào hoặc đầu tư dàn trải.

3.5 Nghiên cứu cơ hội tham gia chuỗi nhiên liệu sinh học

- HĐQT trình Đại hội định hướng nghiên cứu cơ hội phát triển lĩnh vực nhiên liệu sinh học trên cơ sở khai thác lợi thế của LASUCO trong ngành mía đường, vùng nguyên liệu, năng lực chế biến và hệ thống phụ phẩm, đồng thời bám sát xu hướng chuyển dịch năng lượng xanh và nhu cầu thị trường. Trọng tâm là đánh giá khả năng tham gia chuỗi giá trị nhiên liệu sinh học, các sản phẩm và nguyên liệu phù hợp, mô hình hợp tác hoặc đầu tư, nhu cầu vốn, công nghệ, thị trường đầu ra và hiệu quả dự kiến.
- Việc nghiên cứu nhiên liệu sinh học sẽ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, ưu tiên mô hình hợp tác và tận dụng năng lực, tài sản hiện có; chỉ xem xét đầu tư khi có cơ sở rõ ràng về thị trường, công nghệ, pháp lý, hiệu quả tài chính và khả năng tạo dòng tiền, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với chiến lược phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn và ngành mía đường cốt lõi của LASUCO.
- Như vậy, trong giai đoạn 2026–2031, LASUCO vừa củng cố ngành mía đường là nền tảng, vừa chủ động tìm kiếm các động lực tăng trưởng mới từ hệ sinh thái tre luồng, cây trồng mới – sản phẩm mới và nhiên liệu sinh học. Mọi hướng phát triển mới sẽ được lựa chọn trên cơ sở lợi thế cạnh tranh, khả năng làm chủ chuỗi giá trị, thị trường đầu ra và hiệu quả sử dụng vốn.

V. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ HĐQT TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

- HĐQT sẽ tiếp tục đổi mới phương thức quản trị theo hướng tập trung vào chiến lược, kết quả và kiểm soát rủi ro; Các quyết định quan trọng sẽ dựa trên dữ liệu, kịch bản và phân tích hiệu quả; việc thực hiện Nghị quyết phải được theo dõi đến cùng bằng chỉ tiêu, người chịu trách nhiệm và thời hạn cụ thể.
- HĐQT định kỳ đánh giá từng ngành, từng dự án và từng công ty con.
- Tăng cường giám sát các chỉ tiêu cảnh báo sớm về tồn kho, công nợ, dòng tiền, nợ vay, chi phí tài chính và rủi ro đầu tư.
- Tăng chất lượng phản biện của Thành viên HĐQT độc lập và các cơ chế kiểm soát nội bộ.
- Nâng cao chất lượng công bố thông tin, bảo đảm minh bạch, kịp thời và nhất quán với lợi ích dài hạn của cổ đông.
- Công ty có nền tảng quan trọng về vùng nguyên liệu, nhà máy, thương hiệu, thị trường và các tài sản/dự án; năm 2025-2026 cũng bộc lộ rõ những điểm nghẽn về chất lượng vùng mía, hiệu quả sản xuất, thị trường, tồn kho, dòng tiền và hiệu quả một số khoản đầu tư. HĐQT đánh giá đây không chỉ là những khó khăn của niên độ 2025–2026 vừa qua mà là những vấn đề cần được giải quyết trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Công ty.

- Trong giai đoạn 2026–2031, HĐQT định hướng LASUCO kiên định với ngành mía đường là nền tảng, nhưng không dừng ở sản xuất đường. Giá trị tương lai phải được tạo ra từ toàn bộ chuỗi: vùng nguyên liệu hiệu quả hơn – chế biến sâu hơn – sản phẩm và thương hiệu mạnh hơn – thị trường chủ động hơn – tài sản và vốn được sử dụng hiệu quả hơn – dữ liệu và quản trị số tốt hơn – sản xuất xanh và tuần hoàn. Cùng với đó định hướng nghiên cứu cơ hội phát triển lĩnh vực các cây trồng mới, sản phẩm mới và nhiên liệu sinh học trên cơ sở khai thác lợi thế của LASUCO trong ngành mía đường, vùng nguyên liệu, năng lực chế biến và hệ thống phụ phẩm, đồng thời bám sát xu hướng chuyển dịch năng lượng xanh và nhu cầu thị trường. Trọng tâm là đánh giá khả năng tham gia chuỗi giá trị nhiên liệu sinh học, các sản phẩm và nguyên liệu phù hợp, mô hình hợp tác hoặc đầu tư, nhu cầu vốn, công nghệ, thị trường đầu ra và hiệu quả dự kiến.
- HĐQT tin tưởng rằng với sự đồng hành của cổ đông, sự quyết liệt của Ban Điều hành và toàn thể người lao động, LASUCO có thể từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng, củng cố năng lực cạnh tranh và tạo ra giá trị bền vững hơn cho cổ đông, người lao động, người trồng mía, khách hàng và cộng đồng.

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS VÀ BĐH NĂM 2025–2026

- Tổng chi chi hoạt động của HĐQT và BKS năm 2025-2026 là 5.330.236.463 đồng chiếm 0,23% doanh thu, kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt là 0,4%. Chi tiết như sau:

STT	KHOẢN MỤC	Thành tiền
1	Tiền lương	3.198.852.222
2	Chi phí thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	972.000.000
3	Chi phí vật liệu quản lý	48.850.000
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.122.773
5	Chi phí bằng tiền khác	1.065.411.468

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 21/10/2025, trong niên độ từ 01/7/2025 đến 30/6/2026, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát theo hướng trọng yếu, tập trung vào quản trị - điều hành, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất, dòng tiền, hàng tồn kho, công nợ, vốn vay, hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con, giao dịch với bên liên quan, đầu tư và việc khắc phục kiến nghị.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025-2026:

1. Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ, quy chế nội bộ; xem xét nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; tham dự các cuộc họp, theo dõi công bố thông tin và việc thực hiện các nội dung đã được phê duyệt.
2. Thẩm định Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất định kỳ; phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận, tài sản, nguồn vốn, hàng tồn kho, công nợ, dự phòng, dư nợ vay, chi phí lãi vay và dòng tiền; phối hợp, trao đổi với Ban điều hành về các chỉ tiêu cần kiểm soát.
3. Theo dõi hoạt động Công ty mẹ, các công ty con và giao dịch nội bộ; giám sát vùng nguyên liệu, GIS, thu mua mía, mua sắm, nhập - xuất - tồn, sản xuất, tiêu thụ, quản lý tài sản và tiến độ các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản.
4. Tổng hợp kiến nghị, yêu cầu đơn vị liên quan cung cấp hồ sơ, giải trình; theo dõi trách nhiệm, thời hạn và kết quả khắc phục, qua đó hỗ trợ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn và sử dụng vốn hiệu quả.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025-2026

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% KH
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.Đồng	3.031.000	2.319.816	76,5
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.Đồng	135.000	67.883	50,3
3	Tỷ suất LNTT/DT	%	4,5	2,9	65
4	Cổ tức	%	10,0	5	50

- Doanh thu hợp nhất toàn tập đoàn niên độ 2025-2026 đạt 2.319 tỷ đồng, bằng 76,5% kế hoạch giao; lợi nhuận trước thuế đạt 67,9 tỷ đồng, bằng 50,3% kế hoạch giao; tỷ suất LNTT/doanh thu đạt 2,9%, bằng 65% so với kế hoạch, cho thấy hiệu quả sinh lời chưa đạt mục tiêu ĐHĐCĐ giao.
- BCTC riêng ghi nhận doanh thu thuần 2.189 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 57 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 48,5 tỷ đồng. Dòng tiền thuần hợp nhất từ HĐKD từ âm 213,3 tỷ đồng năm 2024-2025 chuyển sang dương 371,1 tỷ đồng năm 2025-2026.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÔNG TY CON

- Ban kiểm soát đã rà soát các nghị quyết HĐQT theo quý và hồ sơ được cung cấp về tổ chức ĐHĐCĐ, cổ tức, tăng vốn, lựa chọn kiểm toán, vùng nguyên liệu, sản xuất, thương mại, đầu tư, mua sắm và quản lý tài sản. Các quyết nghị cơ bản bám sát thẩm quyền và định hướng ĐHĐCĐ; Ban điều hành đã tổ chức triển khai trong bối cảnh thị trường khó khăn. Tuy nhiên, doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch, vì vậy cần lượng hóa nguyên nhân, trách nhiệm, thời hạn và kết quả của từng giải pháp khắc phục.
- **Quản trị công ty mẹ - công ty con:** Hoàn thiện phân cấp, quy chế tài chính và chế độ báo cáo; đánh giá hiệu quả, bảo toàn vốn tại từng công ty con; đối chiếu công nợ, hàng tồn kho, cho vay và giao dịch nội bộ; bảo đảm giao dịch với bên liên quan được phê duyệt, công bố đúng thẩm quyền.
- **Kiểm soát tài chính và vận hành:** Thiết lập hạn mức, tuổi tồn kho và kế hoạch tiêu thụ theo sản phẩm; lập kế hoạch dòng tiền tuần/tháng; đẩy nhanh thu hồi công nợ, tối ưu dư nợ và lãi suất; phân tích giá vốn, biên lợi nhuận và điểm hòa vốn để cảnh báo sớm.
- **Đầu tư và dự án:** Rà soát tổng mức đầu tư, nguồn vốn, pháp lý, tiến độ và hiệu quả sau đầu tư; ưu tiên các dự án có giá trị lớn, kéo dài hoặc chưa tạo dòng tiền; kịp thời đề xuất điều chỉnh, tạm dừng hay xử lý trách nhiệm khi không bảo đảm mục tiêu.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026-2027

Ban kiểm soát thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát trên cơ sở rủi ro, bám sát các chỉ tiêu sau khi được ĐHĐCĐ thông qua (*HĐQT dự kiến trình: doanh thu 2.655 tỷ đồng, LNTT 110 tỷ đồng, cổ tức 8%*), tập trung vào:

1. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, Điều lệ, quy chế nội bộ; theo dõi tiến độ, trách nhiệm và kết quả xử lý kiến nghị.
2. Thẩm định BCTC riêng, hợp nhất; phối hợp với kiểm toán độc lập, theo dõi bút toán điều chỉnh, ý kiến kiểm toán và thư quản lý.
3. Vận hành bộ chỉ tiêu cảnh báo về doanh thu, biên lợi nhuận, tuổi tồn kho, công nợ, dư nợ, lãi vay, thanh khoản và dòng tiền.
4. Giám sát hiệu quả các công ty con, giao dịch nội bộ và bên liên quan, đầu tư vốn, phân cấp - phân quyền và việc bảo toàn vốn của Công ty mẹ.
5. Kiểm tra vùng nguyên liệu, GIS, thu mua mía, mua sắm, sản xuất, tiêu thụ; giám sát pháp lý, tiến độ và hiệu quả các dự án trọng điểm.
6. Số hóa hồ sơ, chế độ báo cáo và theo dõi khắc phục trên hệ thống dữ liệu dùng chung, nâng cao tính kịp thời và khả năng truy vết.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

- **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

HỌ TÊN	LƯƠNG		THÙ LAO		Tổng cộng (triệu đồng)
	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	
Hội đồng quản trị	**2.798,5**	**72,9**	**1.040**	**27,1**	**3.838,5**
Ông: Lê Văn Tân	1.631,9	83,6	320	16,4	1.951,9
Ông: Lê Trung Thành	635,8	72,6	240	27,4	875,8
Bà: Lê Thị Huệ	512,8	76,2	160	23,8	672,8
Ông: Nguyễn Thanh Tân	15	8,6	160	91,4	175
Ông: Phùng Thanh Hải	3	1,8	160	98,2	163
Ban điều hành	**2.607,7**	**100**	**0**	**0**	**2.607,7**
Ông: Lê Văn Phương	986,7	100	**0**	0	986,7
Ông: Lê Bá Chiều	489,4	100	0	0	489,4
Ông: Lê Văn Quang	432,9	100	0	0	432,9
Ông: Nguyễn Duy Thành	548,4	100	0	0	548,4
Ông: Nguyễn Xuân Lam	150,3	100	0	0	150,3
Ban kiểm soát	**665,3**	**72,2**	**256**	**27,8**	**921,3**
Ông: Lê Huy Hùng	285,6	70,4	120	29,6	405,6
Ông: Trịnh Đình Toán	241,1	75,1	80	24,9	321,1
Bà: Nguyễn Thị Hồng An	138,6	71,2	56	28,8	194,6
Tổng cộng	**6.071,5**	**82,4**	**1.296**	**17,6**	**7.367,5**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 11/09/2026, vốn điều lệ của Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty	900.265.920.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	90.026.592 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.026.592 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu

2. Cơ cấu cổ đông

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 11/09/2026, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CP	TỶ TRỌNG (%)
TỔNG CỘNG	**7.586**	**90.026.592**	**100**
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	**67**	**518.041**	**0,58**
Cổ đông là tổ chức	11	284.418	0,32
Cổ đông là cá nhân	56	233.623	0,26
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	**7.519**	**89.508.551**	**99,42**
Cổ đông là tổ chức	18	34.845.922	38,71
Cổ đông là cá nhân	7.501	54.662.629	60,71

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất vào ngày 11/09/2026 Cổ đông nước ngoài nắm giữ 518.041 cổ phiếu; tỷ lệ nắm giữ 0,58% với số lượng là 67 cổ đông. Trong đó 11 cổ đông là Tổ chức nắm giữ 284.418 cổ phiếu, tỷ lệ 0,32%; còn lại 56 cổ đông là cá nhân nắm giữ 233.623 cổ phiếu, tỷ lệ 0,26%.
- Cổ đông trong nước nắm giữ 89.508.551 cổ phiếu; tỷ lệ nắm giữ 99,42% với số lượng là 7.519 cổ đông. Trong đó 18 cổ đông là Tổ chức nắm giữ 34.845.922 cổ phiếu; tỷ lệ 38,71%; còn lại 7.501 cổ đông là cá nhân nắm giữ 54.662.629 cổ phiếu; tỷ lệ 60,71%.

3. Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu trở lên tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 11/09/2026

STT	CỔ ĐÔNG	ĐẠI CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỈ LỆ (%)
1	Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá	19.805.373	22,00
2	Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Thăng Long Hà Nội	Số 6 ngõ 53 Nguyễn Khoái phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	9.435.559	10,48
3	Lê Trung Thành	Số 17 Thạch Thảo 6 GREENBAY Vinhomes Mễ Trì Hà Nội	5.106.111	5,67
4	Lê Văn Tân	Công ty CP phân bón Lam Sơn - Thôn Đá dựng - Xã Sao Vàng	4.547.183	5,05
Tổng cộng			**38.894.226**	**43,20**

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ tại 11/09/2026

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
A	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**			
1	Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	4.547.183	5,05
2	Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	5.106.111	5,67
3	Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	34	0
4	Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	6.430	0,01
5	Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	0	0
B	**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**			
1	Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	4.023	0,004
2	Lê Văn Quang	Phó TGĐ	85.856	0,1
3	Lê Bá Chiều	Phó TGĐ	2.879	0,003
4	Nguyễn Duy Thành	Phó TGĐ	6.059	0,01
C	**BAN KIỂM SOÁT**			
1	Lê Huy Hùng	Trưởng ban kiểm soát	1.285	0,001
2	Trịnh Đình Toán	Thành viên	0	0
3	Nguyễn Thị Hồng An	Thành viên	0	0
D	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**			
1	Đỗ Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	6.430	0,01

CHƯƠNG V

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

LASUCO 2025 – 2026

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa) cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 1999 và được điều chỉnh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800463346 thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 04 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại số 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiều	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2025)

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo bao gồm:

Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng An	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Lê Văn Tân – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lê Văn Phương – Tổng Giám đốc được ông Lê Văn Tân - Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026 theo Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Chúng tôi cam kết rằng Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Lê Văn Phương
Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)
Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026

Số: 180926.001/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được lập ngày 18 tháng 09 năm 2026, từ trang 6 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2026

Hà Văn Xuyên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3383-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.857.011.707.208**	**1.996.453.547.285**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**12.158.405.668**	**15.832.012.423**
111	1. Tiền		3.550.429.098	12.350.035.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.607.976.570	3.481.976.836
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**105.207.736.315**	**89.736.222.328**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		105.207.736.315	89.736.222.328
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**257.334.449.048**	**304.849.926.089**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	50.104.941.825	23.480.804.682
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	146.739.443.823	200.782.661.391
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	24.328.736.720	42.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	63.088.222.816	64.168.016.618
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26.926.896.136)	(26.381.556.602)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**10**	**1.480.707.784.884**	**1.585.310.700.202**
141	1. Hàng tồn kho		1.490.956.588.980	1.601.683.510.599
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.248.804.096)	(16.372.810.397)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.603.331.293**	**724.686.243**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.237.317.057	610.438.459
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	366.014.236	114.247.784
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.329.534.800.120**	**1.374.020.398.486**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**690.603.108**	**-**
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	690.603.108	-
220	**II. Tài sản cố định**		**683.522.053.831**	**693.919.126.464**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	647.807.219.435	656.037.353.506
222	*- Nguyên giá*		*2.916.938.963.677*	*2.819.777.894.323*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(2.269.131.744.242)*	*(2.163.740.540.817)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	35.714.834.396	37.881.772.958
228	*- Nguyên giá*		*47.425.838.413*	*47.425.838.413*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(11.711.004.017)*	*(9.544.065.455)*
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**304.535.588.838**	**300.946.425.503**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	304.535.588.838	300.946.425.503
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**304.076.090.419**	**340.905.864.544**
251	1. Đầu tư vào công ty con		306.746.610.952	306.746.610.952
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.500.000.000	21.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.251.145.800	5.251.145.800
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(109.421.666.333)	(94.746.351.235)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.000.000.000	102.154.459.027
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**36.710.463.924**	**38.248.981.975**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	36.710.463.924	38.248.981.975
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.186.546.507.328**	**3.370.473.945.771**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.425.894.598.978**	**1.604.390.555.411**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**1.399.271.797.605**	**1.577.908.442.292**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	172.958.800.210	150.947.063.814
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	88.793.167.449	81.888.319.868
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	23.106.010.727	34.150.404.633
314	4. Phải trả người lao động		10.183.719.377	14.567.089.456
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	30.554.680.127	4.840.471.535
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	12.100.327.857	14.320.174.316
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	1.009.762.959.386	1.224.228.998.852
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	51.812.132.472	52.965.919.818
330	**II. Nợ dài hạn**		**26.622.801.373**	**26.482.113.119**
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.000.000.000	1.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	5.735.000.000	3.735.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	22	19.887.801.373	21.747.113.119
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.760.651.908.350**	**1.766.083.390.360**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**23**	**1.760.651.908.350**	**1.766.083.390.360**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.265.920.000	857.416.230.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*900.265.920.000*	*857.416.230.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		191.455.332.801	191.455.332.801
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		609.503.301.471	598.378.787.910
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		59.427.354.078	118.833.039.649
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*10.863.511.028*	*7.587.904.041*
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*48.563.843.050*	*111.245.135.608*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.186.546.507.328**	**3.370.473.945.771**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Lê Đức Anh	**Đỗ Thị Thanh Hà**	**Lê Văn Phương**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)
Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026		

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25**	**2.191.526.103.540**	**2.194.891.046.989**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	2.475.956.989	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.189.050.146.551**	**2.194.891.046.989**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**27**	**1.997.598.182.399**	**1.931.036.196.127**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**191.451.964.152**	**263.854.850.862**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	21.437.636.924	15.317.484.764
22	7. Chi phí tài chính	29	91.248.730.864	66.433.722.557
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*75.287.393.413*	*53.994.307.931*
25	8. Chi phí bán hàng	30	36.254.570.029	43.576.983.236
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	26.177.859.979	37.564.125.760
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**59.208.440.204**	**131.597.504.073**
31	11. Thu nhập khác	32	1.738.381.910	1.138.973.725
32	12. Chi phí khác	33	3.896.155.830	791.342.724
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(2.157.773.920)**	**347.631.001**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**57.050.666.284**	**131.945.135.074**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	8.486.823.234	20.699.999.466
60	**16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**48.563.843.050**	**111.245.135.608**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Lê Đức Anh	**Đỗ Thị Thanh Hà**	**Lê Văn Phương**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***57.050.666.284***	***131.945.135.074***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		113.541.195.516	109.712.150.657
03	- Các khoản dự phòng		9.132.932.731	(1.473.179.399)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.158.524	550.679.163
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.728.429.602)	(11.013.866.543)
06	- Chi phí lãi vay		75.287.393.413	53.994.307.931
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***235.289.916.866***	***283.715.226.883***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		55.303.797.653	186.926.055.009
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		110.726.921.619	(579.548.178.950)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		17.260.747.944	(24.795.635.045)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		911.639.453	4.155.692.295
14	- Tiền lãi vay đã trả		(70.322.127.970)	(53.536.562.844)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.298.042.966)	(18.497.031.314)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.567.761.518)	(2.267.773.702)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***318.305.091.081***	***(203.848.207.668)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(103.791.123.384)	(93.849.912.290)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.384.584.083	1.184.465.454
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(53.848.706.172)	(171.305.681.355)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		79.002.914.492	84.315.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.614.572.313	9.041.347.142
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(66.637.758.668)***	***(170.614.781.049)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay		2.145.050.912.189	2.268.029.937.658
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.357.516.951.655)	(1.876.407.007.194)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.873.241.600)	(38.162.706.950)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(255.339.281.066)***	***353.460.223.514***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(3.671.948.653)**	**(21.002.765.203)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**15.832.012.423**	**36.828.566.477**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.658.102)	6.211.149
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**12.158.405.668**	**15.832.012.423**

Lê Đức Anh	**Đỗ Thị Thanh Hà**	**Lê Văn Phương**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)
Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026		

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa) cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 1999 và được điều chỉnh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800463346 thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 04 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại số 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiều	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2025)

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo bao gồm:

Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng An	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Lê Văn Tân – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lê Văn Phương – Tổng Giám đốc được ông Lê Văn Tân - Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026 theo Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Chúng tôi cam kết rằng Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Lê Văn Phương
Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)
Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026

Số: 180926.002/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được lập ngày 18 tháng 09 năm 2026, từ trang 6 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2026

Hà Văn Xuyên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3383-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.942.006.634.811**	**2.077.140.243.707**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**36.101.996.096**	**35.148.470.554**
111	1. Tiền		16.273.936.886	20.638.708.014
112	2. Các khoản tương đương tiền		19.828.059.210	14.509.762.540
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**105.207.736.315**	**89.736.222.328**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		105.207.736.315	89.736.222.328
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**234.239.871.151**	**264.161.974.224**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	82.367.944.154	58.897.345.572
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	131.676.603.696	181.021.581.310
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	110.000.000	230.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	62.114.727.505	65.383.971.808
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(42.029.404.204)	(41.370.924.466)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**10**	**1.564.239.216.671**	**1.686.761.819.344**
141	1. Hàng tồn kho		1.574.521.196.470	1.703.152.874.678
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.281.979.799)	(16.391.055.334)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**2.217.814.578**	**1.331.757.257**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.472.632.391	731.753.686
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		435.523.456	477.558.449
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	309.658.731	122.445.122
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.305.396.176.912**	**1.334.123.167.770**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**760.603.108**	**100.000.000**
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	70.000.000	100.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	713.103.108	22.500.000
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
220	**II. Tài sản cố định**		**815.721.292.922**	**839.310.154.172**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	776.012.644.216	797.425.716.046
222	*- Nguyên giá*		*3.234.670.954.049*	*3.135.140.093.010*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(2.458.658.309.833)*	*(2.337.714.376.964)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	39.708.648.706	41.884.438.126
228	*- Nguyên giá*		*52.258.456.172*	*52.258.456.172*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(12.549.807.466)*	*(10.374.018.046)*
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**325.336.416.265**	**321.929.881.981**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	325.336.416.265	321.929.881.981
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**100.835.554.236**	**107.990.013.263**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.251.145.800	6.251.145.800
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(415.591.564)	(415.591.564)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		95.000.000.000	102.154.459.027
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**62.742.310.381**	**64.793.118.354**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	62.742.310.381	64.793.118.354
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.247.402.811.723**	**3.411.263.411.477**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.426.974.651.599**	**1.583.644.369.257**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**1.400.225.787.949**	**1.557.036.193.861**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	124.686.995.848	65.839.860.196
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	95.754.487.105	84.763.552.020
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	25.516.403.937	37.905.771.251
314	4. Phải trả người lao động		18.130.455.263	21.447.029.579
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	37.433.746.471	23.156.621.720
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	26.730.332.336	22.675.887.656
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	1.017.908.081.748	1.245.974.698.852
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	54.065.285.241	55.272.772.587
330	**II. Nợ dài hạn**		**26.748.863.650**	**26.608.175.396**
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.000.000.000	1.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	5.735.000.000	3.735.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	22	20.013.863.650	21.873.175.396
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.820.428.160.124**	**1.827.619.042.220**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**23**	**1.817.672.014.916**	**1.823.987.843.712**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.265.920.000	857.416.230.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*900.265.920.000*	*857.416.230.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		191.455.332.801	191.455.332.801
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		621.916.911.961	610.792.398.400
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67.288.066.813	127.170.862.755
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*19.201.334.134*	*11.098.046.884*
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*48.086.732.679*	*116.072.815.871*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		36.745.783.341	37.153.019.756
430	**II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác**	**24**	**2.756.145.208**	**3.631.198.508**
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.756.145.208	3.631.198.508
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.247.402.811.723**	**3.411.263.411.477**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Nguyễn Thị Tú	Đỗ Thị Thanh Hà	Lê Văn Phương
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26**	**2.322.293.923.449**	**2.328.021.627.143**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	2.477.808.007	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.319.816.115.442**	**2.328.021.627.143**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**28**	**2.094.402.220.763**	**2.010.794.544.857**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**225.413.894.679**	**317.227.082.286**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	12.438.097.807	14.588.448.281
22	7. Chi phí tài chính	30	77.204.568.027	61.927.721.317
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*74.266.777.325*	*55.703.210.145*
25	8. Chi phí bán hàng	31	45.899.041.099	68.937.477.856
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	43.309.745.124	55.003.327.618
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**71.438.638.236**	**145.947.003.776**
31	11. Thu nhập khác	33	1.780.997.081	1.056.742.515
32	12. Chi phí khác	34	5.336.953.963	1.335.051.371
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(3.555.956.882)**	**(278.308.856)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**67.882.681.354**	**145.668.694.920**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	12.080.685.090	23.672.780.335
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	36	-	122.037.536
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**55.801.996.264**	**121.873.877.049**
61	**18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**48.086.732.679**	**116.072.815.871**
62	**19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**7.715.263.585**	**5.801.061.178**
70	**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**37**	**534**	**1.166**

Nguyễn Thị Tú	**Đỗ Thị Thanh Hà**	**Lê Văn Phương**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)
Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***67.882.681.354***	***145.668.694.920***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		128.137.563.788	124.083.115.529
03	- Các khoản dự phòng		(5.414.311.397)	(9.951.556.844)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.158.524	550.679.163
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.975.703.448)	(9.751.052.660)
06	- Chi phí lãi vay		74.266.777.325	55.703.210.145
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***251.903.166.146***	***306.303.090.253***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		48.505.710.335	178.995.386.103
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		128.631.678.208	(597.641.239.648)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		50.014.353.188	(27.959.132.676)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		1.309.929.268	4.935.700.676
14	- Tiền lãi vay đã trả		(73.319.591.872)	(55.395.090.058)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(25.315.413.663)	(20.244.707.041)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.621.461.518)	(2.271.773.702)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***371.108.370.092***	***(213.277.766.093)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(105.842.127.288)	(99.285.996.593)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.384.584.083	1.211.662.108
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(28.072.983.865)	(121.415.681.355)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.905.928.905	49.115.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.411.270.421	7.884.486.553
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(101.213.327.744)***	***(162.490.529.287)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay		2.227.123.832.980	2.331.219.311.436
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.453.190.450.084)	(1.943.364.658.972)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.873.241.600)	(38.162.706.950)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(268.939.858.704)***	***349.691.945.514***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**955.183.644**	**(26.076.349.866)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**35.148.470.554**	**61.218.609.271**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.658.102)	6.211.149
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**36.101.996.096**	**35.148.470.554**

Nguyễn Thị Tú	**Đỗ Thị Thanh Hà**	**Lê Văn Phương**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)
Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa) cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 1999 và được điều chỉnh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800463346 thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 04 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại số 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 900.265.920.000 VND (Chín trăm tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng), tương đương 90.026.592 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 1.011 người (tại ngày 01 tháng 07 năm 2025: 1.058 người).

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, thương mại.

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con:

- Sản xuất và kinh doanh đường;
- Sản xuất nước uống không cồn;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất gạch Tuynel;
- Sản xuất và cung ứng giống cây;
- Sản xuất và chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm, thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Trồng lúa, sấy lúa, xay xát và kinh doanh lúa, gạo;
- Trồng mía, cây ăn quả, cây cao su, trồng hoa, cây cảnh và cây trồng hàng năm khác;
- Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị;
- Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh các dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

1.4 . Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm đường. Doanh thu thuần trong năm giảm 8,21 tỷ VND, tương ứng -0,35% so với năm trước, trong khi giá vốn hàng bán tăng 83,61 tỷ VND, tương ứng 3,99%, dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 91,81 tỷ VND, tương ứng -28,94% so với năm trước. Hoạt động bán các sản phẩm đường sản xuất từ mía mang lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho Công ty, tuy nhiên trong năm giá đường trong nước và thế giới giảm tương đối mạnh, đồng thời thuế GTGT đầu ra đối với sản phẩm này điều chỉnh tăng từ 5% lên 8% từ ngày 01/07/2025 dẫn đến lợi nhuận gộp giảm mạnh trong khi sản lượng tiêu thụ các mặt hàng đường duy trì ở mức ổn định so với năm trước. Bên cạnh đó, lãi suất vay vốn trong năm có xu hướng tăng nên chi phí tài chính tăng mạnh. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện các biện pháp kiểm soát và tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm giảm đáng kể so với năm trước.

1.5 . Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2026 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (*)	Thôn Đá Dựng, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa	43,59%	66,67%	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
- Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Khu 1, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
- Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Phố 3, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
- Công ty TNHH Một thành viên Thành An - Lam Sơn	Khu Hồ Bặn, thôn Làng May, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Cho thuê nhà xưởng
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Mía đường Lam Sơn	Khu 6, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
- Công ty TNHH Thương mại & XNK Lam Sơn	Khu 6, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
- Công ty TNHH MTV Du lịch Thanh Tam	Khu 6, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch

(*) Quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn trong năm và tại ngày 30/06/2026 là 66,67% được xác định căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn. Do đó, Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn được xác định là công ty con của Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/07 năm nay và kết thúc vào ngày 30/06 năm sau.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính chi phí phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư:* nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- *Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:* căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu phát sinh các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.
Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm như sau:
- Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích khấu hao và ghi nhận chi phí khấu hao vào chi phí sản xuất sản phẩm cho các tháng nhà máy đường hoạt động, thông thường tháng 11, tháng 12 và tháng 1 đến tháng 3 hàng năm.
- Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích khấu hao và ghi nhận chi phí khấu hao đều cho các tháng trong năm.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Cây lâu năm	08 - 23 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	05 - 08 năm
- Các tài sản khác	04 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 36 tháng.
- Chi phí trả trước liên quan đến hoạt động sản xuất sản phẩm, dịch vụ như: chi phí kiểm tu, chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu mía, chi phí sửa chữa nhà máy, chi phí lương, điện, nước... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo vào chi phí sản xuất kinh doanh theo sản lượng sản xuất của các tháng mà nhà máy/xí nghiệp thực hiện các hoạt động sản xuất.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí hoa hồng bán hàng, chi phí sửa chữa, chi phí vận chuyển, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí mua sắm tài sản... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chiết khấu thanh toán và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh.

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,… được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 03 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân (nay là các xã: Thọ Xuân, Thọ Long, Xuân Hòa, Sao Vàng, Lam Sơn, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập), tỉnh Thanh Hóa kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Đối với thu nhập từ hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 20% thu nhập chịu thuế.

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Thuế suất thuế TNDN của Công ty và các công ty con được áp dụng trong năm là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía.

2.26 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
Tiền mặt	1.051.420.854	1.257.172.978
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.222.516.032	19.381.535.036
Các khoản tương đương tiền	19.828.059.210	14.509.762.540
	36.101.996.096	**35.148.470.554**

Tại ngày 30/06/2026, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/ năm đến 4,75%/ năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**105.207.736.315**	**-**	**89.736.222.328**	**-**
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	105.207.736.315	-	89.736.222.328	-
Dài hạn	**95.000.000.000**	**-**	**102.154.459.027**	**-**
Trái phiếu (ii)	95.000.000.000	-	80.000.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	22.154.459.027	
	200.207.736.315	**-**	**191.890.681.355**	**-**

(i) Tại ngày 30/06/2026, khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 10 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,5%/năm đến 8,2%/năm. Trong đó, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với số dư tại ngày 30/06/2026 lần lượt là 45 tỷ VND, 19,55 tỷ VND, 12,19 tỷ VND và 3,6 tỷ VND đang được cầm cố bảo đảm cho khoản vay tại chính các Ngân hàng này (Xem Thuyết minh số 15).

(ii) Tại ngày 30/06/2026, các trái phiếu được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Xem Thuyết minh số 15). Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu tại ngày 30/06/2026 như sau:

Mã trái phiếu	Bên phát hành	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn	Ngày đáo hạn	Số lượng	Mệnh giá	Giá gốc
							VND/TP	VND
CTG2232T2/01_09	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi tham chiếu + 1,2%/năm	10 năm	20/07/2033	500.000	100.000	50.000.000.000
CTG2434T2/02_222	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi tham chiếu + 1,15%/năm	10 năm	16/04/2035	300.000	100.000	30.000.000.000
CTG2634T2/01	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi tham chiếu + 1,2%/năm	08 năm	20/01/2034	150.000	100.000	15.000.000.000
								95.000.000.000

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2026				01/07/2025			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết				-				-
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (*)	Hà Nội	38,39%	38,39%	-	Hà Nội	38,39%	38,39%	-
				-				-

(*) Tại ngày 30/06/2026, Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển đang tạm dừng hoạt động.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	2.974.645.800	-	2.974.645.800	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	2.276.500.000	-	2.276.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	1.000.000.000	(415.591.564)	1.000.000.000	(415.591.564)
	6.251.145.800	**(415.591.564)**	**6.251.145.800**	**(415.591.564)**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác của Công ty vào ngày 30/06/2026 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính

- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	Hà Nội	0,68%	0,68%	Sản xuất đường, các sản phẩm từ đường
- Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	Hà Nội	18,97%	18,97%	Buôn bán thực thẩm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Thanh Hóa	2,00%	2,00%	Trồng mía

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**9.164.319.500**	**(9.164.319.500)**	**9.932.608.000**	**(9.164.319.500)**
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	2.921.603.000	(2.921.603.000)	2.921.603.000	(2.921.603.000)
- Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	6.242.716.500	(6.242.716.500)	6.242.716.500	(6.242.716.500)
- Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	-	-	768.288.500	-
Bên khác	**73.203.624.654**	**(15.820.513.766)**	**48.964.737.572**	**(15.365.118.590)**
- Công ty TNHH Phương Huy Linh	16.728.870.543	-	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Coca-cola Việt Nam	5.189.184.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Phương Thành	2.683.000.000	(2.683.000.000)	2.933.000.000	(2.933.000.000)
- Các khách hàng khác	48.602.570.111	(13.137.513.766)	46.031.737.572	(12.432.118.590)
	82.367.944.154	**(24.984.833.266)**	**58.897.345.572**	**(24.529.438.090)**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**6.634.273.008**	**(6.634.273.008)**	**6.634.273.008**	**(6.634.273.008)**
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	882.000.000	(882.000.000)	882.000.000	(882.000.000)
- Công ty Cổ phần mía đường Nông Cống	5.752.273.008	(5.752.273.008)	5.752.273.008	(5.752.273.008)
Bên khác	**125.042.330.688**	**(685.466.403)**	**174.387.308.302**	**(530.970.400)**
- Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	97.565.130.477	(196.630.403)	158.446.825.569	(42.134.400)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Tiến Mạnh	15.095.481.853	-		-
- Các nhà cung cấp khác	12.381.718.358	(488.836.000)	15.940.482.733	(488.836.000)
	131.676.603.696	**(7.319.739.411)**	**181.021.581.310**	**(7.165.243.408)**

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2026	01/07/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**110.000.000**	**230.000.000**
Bên khác	***110.000.000***	***230.000.000***
Cho vay cán bộ, nhân viên	110.000.000	230.000.000
b) Dài hạn	***70.000.000***	***100.000.000***
Bên khác	70.000.000	100.000.000
Cho vay cán bộ, nhân viên		
	70.000.000	**100.000.000**

8 . PHẢI THU KHÁC

8.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Tiền hỗ trợ phân bón (i)	35.776.213.270	-	42.899.988.575	-
- Cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	914.024.663	(726.000.000)	1.270.387.271	(726.000.000)
- Ký cược, ký quỹ	735.000.000	-	1.896.845.044	-
- Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	5.104.732.443	-	4.198.894.734	-
- Phải thu tiền thực hiện dự án Khu trồng cây Lâm nghiệp	5.541.428.956	-	4.648.632.980	-
- Phải thu khác	5.539.267.867	(494.771.221)	1.965.162.898	(446.182.662)
	62.114.727.505	**(9.724.831.527)**	**65.383.971.808**	**(9.676.242.968)**
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	***44.280.273.576***	***(8.504.060.306)***	***51.404.048.881***	***(8.504.060.306)***
- Hiệp hội Mía đường Lam Sơn (i)	35.776.213.270	-	42.899.988.575	-
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Bên khác	***17.834.453.929***	***(1.220.771.221)***	***13.979.922.927***	***(1.172.182.662)***
- Ông Quách Minh Hải (ii)	5.551.428.956	-	4.648.632.980	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.300.847.394	-	3.203.589.498	-
- Ông Nguyễn Xuân Đức	3.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	5.982.177.579	(1.220.771.221)	6.127.700.449	(1.172.182.662)
	62.114.727.505	**(9.724.831.527)**	**65.383.971.808**	**(9.676.242.968)**

(i): Đây là khoản chi hộ tiền hỗ trợ phân bón vụ 2022/2023 cho người trồng mía phải thu từ Hiệp hội Mía đường Lam Sơn để đảm bảo duy trì ổn định và phát triển vùng nguyên liệu mía cho Công ty. Khoản phải thu này được cam kết thanh toán trong thời hạn 3 năm thông qua việc sử dụng nguồn tiền cổ tức hàng năm của cổ phiếu LSS do Hiệp hội Mía đường Lam Sơn nắm giữ và được bảo đảm thanh toán bằng cổ phiếu LSS do Hiệp hội Mía đường Lam Sơn nắm giữ.

(ii): Đây là khoản ứng tiền ứng vốn và vật tư cho bên nhận khoán là ông Quách Minh Hải thực hiện trồng cây ăn quả tại xứ đồng Lâm Sinh theo hợp đồng giao khoán số 41/LSC-HĐGK ngày 15/11/2019. Số tiền ứng này được thu hồi dần hàng năm từ nguồn thu bán sản phẩm thu hoạch (Khu đất trồng cây này đã cho thu hoạch từ năm 2025).

8.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu tiền đầu tư cao su	22.500.000	(22.500.000)	22.500.000	(22.500.000)
- Ký quỹ, ký cược	690.603.108	-	-	-
	713.103.108	**(22.500.000)**	**22.500.000**	**(22.500.000)**
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác	***713.103.108***	***(22.500.000)***	***22.500.000***	***(22.500.000)***
- Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Thanh Hóa	690.603.108	-	-	-
- Các đối tượng khác	22.500.000	(22.500.000)	22.500.000	(22.500.000)
	713.103.108	**(22.500.000)**	**22.500.000**	**(22.500.000)**

9 . NỢ XẤU

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	**80.288.977.526**	**38.237.073.322**	**44.318.586.364**	**2.925.161.898**
Phải thu về cho vay ngắn hạn	30.000.000	30.000.000	-	-
- *Ông Bùi Ngọc Anh*	*30.000.000*	*30.000.000*	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.811.547.043	1.826.713.777	26.961.649.113	2.432.211.023
- *Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển*	*2.921.603.000*	-	*2.921.603.000*	-
- *Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống*	*6.242.716.500*	-	*6.242.716.500*	-
- *Bà Nguyễn Thị Phương Thành*	*2.683.000.000*	-	*2.933.000.000*	-
- *Các khách hàng khác*	*14.964.227.543*	*1.826.713.777*	*14.864.329.613*	*2.432.211.023*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.387.933.239	68.193.828	7.233.437.236	68.193.828
- *Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển*	*882.000.000*	-	*882.000.000*	-
- *Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống*	*5.752.273.008*	-	*5.752.273.008*	-
- *Các nhà cung cấp khác*	*753.660.231*	*68.193.828*	*599.164.228*	*68.193.828*

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác	46.059.497.244	36.312.165.717	10.123.500.015	424.757.047
- *Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển*	*8.504.060.306*	-	*8.504.060.306*	-
- *Hiệp hội Mía đường Lam Sơn*	*35.776.213.270*	*35.776.213.270*	-	-
- *Các đối tượng khác*	*1.779.223.668*	*535.952.447*	*1.619.439.709*	*424.757.047*
	80.288.977.526	**38.237.073.322**	**44.318.586.364**	**2.925.161.898**

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	394.537.864	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	46.186.829.347	(4.777.408.162)	43.376.847.835	(6.860.898.810)
Công cụ, dụng cụ	3.526.002.460	(91.666.677)	1.901.552.885	(91.080.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.199.967.267	-	42.121.777.952	-
Thành phẩm	1.463.294.941.797	(5.305.269.758)	1.609.139.301.780	(9.332.381.587)
Hàng hóa	20.895.892.029	(107.635.202)	6.589.017.962	(106.694.937)
Hàng gửi đi bán	23.025.706	-	24.376.264	-
	1.574.521.196.470	**(10.281.979.799)**	**1.703.152.874.678**	**(16.391.055.334)**

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	770.465.278.011	2.265.381.480.744	71.461.208.825	16.754.808.247	10.809.167.183	268.150.000	3.135.140.093.010
- Mua trong năm	-	47.869.215.144	1.237.346.975	103.653.704	-	-	49.210.215.823
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.707.686.216	35.743.370.766	476.285.386	-	-	-	59.927.342.368
- Tăng khác	468.664.901	203.531.375	-	-	-	-	672.196.276
- Thanh lý, nhượng bán	(2.764.373.014)	(7.365.700.014)	-	(148.820.400)	-	-	(10.278.893.428)
Số dư cuối năm	**791.877.256.114**	**2.341.831.898.015**	**73.174.841.186**	**16.709.641.551**	**10.809.167.183**	**268.150.000**	**3.234.670.954.049**
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	435.182.944.468	1.820.458.118.390	60.194.258.702	16.500.245.070	5.110.660.334	268.150.000	2.337.714.376.964
- Khấu hao trong năm	33.624.055.289	93.767.735.158	2.344.554.327	66.389.377	694.103.381	-	130.496.837.532
- Thanh lý, nhượng bán	(2.608.347.344)	(6.795.736.919)	-	(148.820.400)	-	-	(9.552.904.663)
Số dư cuối năm	**466.198.652.413**	**1.907.430.116.629**	**62.538.813.029**	**16.417.814.047**	**5.804.763.715**	**268.150.000**	**2.458.658.309.833**
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	335.282.333.543	444.923.362.354	11.266.950.123	254.563.177	5.698.506.849	-	797.425.716.046
Tại ngày cuối năm	**325.678.603.701**	**434.401.781.386**	**10.636.028.157**	**291.827.504**	**5.004.403.468**	**-**	**776.012.644.216**

- Công ty đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội; một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy Đường số 2; dây chuyền thiết bị sản xuất sữa gạo lứt và hệ thống chiết rót đóng hộp và dây chuyền thiết bị bốc hơi cô đặc nước mía; máy ép thuộc Nhà máy nước mía dinh dưỡng tế bào làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 15.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 1.348.732.698.299 VND.
- Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng với giá trị còn lại 20.906.668 VND đang được sử dụng để cho bên thứ ba thuê sử dụng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	36.921.984.980	15.336.471.192	52.258.456.172
Số dư cuối năm	**36.921.984.980**	**15.336.471.192**	**52.258.456.172**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.613.419.461	6.760.598.585	10.374.018.046
- Khấu hao trong năm	263.155.950	1.912.633.470	2.175.789.420
Số dư cuối năm	**3.876.575.411**	**8.673.232.055**	**12.549.807.466**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	33.308.565.519	8.575.872.607	41.884.438.126
Tại ngày cuối năm	**33.045.409.569**	**6.663.239.137**	**39.708.648.706**

- (*) Trong đó: Quyền sử dụng đất tại xã Bá Thước và xã Thọ Xuân có thời gian sử dụng đất là 50 năm với tổng nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2026 lần lượt là 13.157.797.517 VND và 3.143.982.258 VND (01/07/2025: lần lượt là 13.157.797.517 VND và 2.880.826.313 VND).

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp đảm bảo các khoản vay: 17.337.780.000 VND.

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2026	01/07/2025
	VND	VND
Mua sắm	**3.004.998.025**	**2.266.072.100**
- Chi phí đầu tư mua 42 lô đất quanh nhà trẻ xã Sao Vàng	1.704.072.100	1.704.072.100
- Mua sắm tài sản cố định	1.300.925.925	562.000.000
Xây dựng cơ bản	**322.331.418.240**	**319.663.809.881**
- Dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam (i)	278.648.669.111	275.463.035.159
- Dự án Mở rộng Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn (ii)	16.249.466.603	20.395.575.937
- Dự án đầu tư dây chuyền chiết chai PET/LON (iii)	8.048.543.054	7.839.368.775
- Các dự án khác	19.384.739.472	15.965.830.010
	325.336.416.265	**321.929.881.981**

(i) Dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam được chấp nhận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 13/05/2016 và Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa với thông tin chủ yếu về dự án như sau:

- Địa điểm thực hiện: xã Xuân Bái, Thọ Xương và Xuân Phú, huyện Thọ Xuân (nay là xã Lam Sơn và xã Sao Vàng) và xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hoá.
- Mục tiêu đầu tư dự án: Đầu tư khu văn hóa, vui chơi giải trí, phục vụ công cộng, đồng thời kết hợp phục vụ du lịch, thăm quan nghỉ dưỡng ẩm thực cho du khách trong nước và quốc tế; góp phần phát triển du lịch và kinh tế - xã hội địa phương; thực hiện các hoạt động trồng rừng, chăm sóc, lưu trữ và phát triển nguồn gen tre, luồng, phát huy tiềm năng lợi thế của tỉnh, thực hiện chủ trương tăng trưởng xanh bền vững.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn.
- Nguồn vốn đầu tư: 100% vốn tự có của Công ty.
- Quy mô của dự án: khoảng 1.596.244,8 m2 (159,62 ha), chia làm 3 giai đoạn thực hiện: Giai đoạn 1: 1.026.970,6 m2, Giai đoạn 2: 391.157,6 m2, Giai đoạn 3: 134.773 m2.
- Tổng mức đầu tư: 300 tỷ VND.

- Tiến độ dự án: Giai đoạn 1 - Hoàn thành và đưa vào sử dụng chậm nhất trong thời gian 21 tháng, kể từ ngày Nhà nước bàn giao đất; Giai đoạn 2 - Hoàn thành và đưa vào sử dụng chậm nhất trong thời gian 18 tháng, kể từ ngày Nhà nước bàn giao đất; Giai đoạn 3 - Hoàn thành và đưa vào sử dụng chậm nhất trong thời gian 15 tháng, kể từ ngày Nhà nước bàn giao đất.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2026:

  + Dự án đã hoàn thành 92% giá trị đầu tư dự án và hiện tại chưa hoàn tất thủ tục thuê đất. Công ty đã hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng với diện tích 146,55 ha/159,62 ha diện tích toàn dự án chiếm tỷ lệ 91,81%, trong đó: 57,24/57,24 ha đất là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp cho thuê đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất; 89,31/102,38 ha đất không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, thuộc trường hợp cho thuê đất qua đấu giá quyền sử dụng đất. Phần diện tích còn lại 13,07 ha chưa hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng gồm: 4,65 ha đã có quyết định thu hồi đất và 8,42 ha chưa ban hành quyết định thu hồi đất.

  + Ngày 05/06/2026, Thanh tra tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kết luận thanh tra chuyên đề các dự án khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh đối với dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn làm chủ đầu tư, trong đó thể hiện: Dự án đáp ứng điều kiện để tiếp tục giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án theo cơ chế đặc thù quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/04/2026 của Quốc hội và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/05/2026 của Chính phủ.

  + Ngày 04/09/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 2857/QĐ-UBND về việc cho phép tiếp tục cho thuê đất để thực hiện dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện các công việc tiếp theo có liên quan đến dự án theo quy định, để tiếp tục thi công và hoàn thành toàn bộ dự án đưa vào hoạt động.

(ii) Dự án Mở rộng Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn được chấp nhận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 4963/UBND-CN ngày 28/05/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, thông tin chủ yếu của dự án như sau:

- Địa điểm thực hiện: xã Thọ Xương và xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân (nay là xã Lam Sơn), tỉnh Thanh Hoá.
- Mục tiêu đầu tư dự án: Đầu tư khu vườn thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao với cánh đồng thực nghiệm trồng cam và cây có múi, có tính đến các mô hình trang trại kiểu mẫu vườn, đồi, rừng. Góp phần tái cơ cấu lao động nông nghiệp khu vực ngoại đô chuyển đổi nông dân ngoại đô thành công nhân nông nghiệp.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn.
- Nguồn vốn đầu tư: 100% vốn tự có của Công ty.
- Quy mô của dự án: diện tích đất quy hoạch 146.435,4 m2, bao gồm: đất vườn thực nghiệm là 142.207 m2 và đất giao thông là 4.228,4 m2.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2026: Chi phí phát sinh dự án chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Công ty đang phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích còn lại của dự án.

(iii) Đây là chi phí thực hiện dự án đầu tư dây chuyền chiết chai PET/LON sử dụng cho nhà máy Lavina với tổng mức đầu tư được Hội đồng quản trị phê duyệt là 23,18 tỷ VND. Trong năm trước, Công ty đã hoàn thành giai đoạn 1 của dự án và đã kết chuyển tăng tài sản cố định với giá trị 15,33 tỷ VND. Phần giá trị dở dang còn lại liên quan đến một số máy móc thiết bị đang hoàn tất công tác lắp đặt và chạy thử để đưa vào sử dụng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	972.182.214	490.687.202
Các khoản khác	500.450.177	241.066.484
	1.472.632.391	**731.753.686**
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	2.541.376.549	2.944.105.775
Công cụ, dụng cụ	833.846.996	743.189.078
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	52.542.343.965	54.076.194.906
- *Dự án Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn (i)*	*24.387.145.539*	*25.037.783.535*
- *Dự án Trung tâm chế biến nông sản thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn (ii)*	*17.764.823.510*	*18.142.129.512*
- *Các khu khác (iii)*	*10.390.374.916*	*10.896.281.859*
Các khoản khác	6.824.742.871	7.029.628.595
	62.742.310.381	**64.793.118.354**

(i): Đây là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án Khu nông nghiệp công nghệ Cao Lam Sơn tại Đội 3, Đội 385 Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng và một phần đất thuộc thôn Làng May, xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Diện tích thực hiện dự án là 921.068,9 m2. Chi phí này được phân bổ hàng năm theo thời gian thuê đất.

(ii): Đây là chi phí đền bù, giải phòng mặt bằng của dự án Trung tâm chế biến nông sản thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn tại xã Thiệu Phú (nay là xã Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa. Diện tích thực hiện dự án là 96.944,0 m2. Chi phí này được phân bổ hàng năm theo thời gian thuê đất.

(iii): Đây là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng đất tại Văn phòng Công ty, nhà máy đường và một số khu vực trồng cây nông nghiệp, được phân bổ hàng năm theo thời gian thuê đất.

15 . VAY

	01/07/2025		Trong			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.243.974.698.852	1.243.974.698.852	2.227.123.832.980	2.453.190.450.084	1.017.908.081.748	1.017.908.081.748
Vay dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
	1.245.974.698.852	**1.245.974.698.852**	**2.227.123.832.980**	**2.455.190.450.084**	**1.017.908.081.748**	**1.017.908.081.748**
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	5.735.000.000	5.735.000.000	-	-	5.735.000.000	5.735.000.000
	5.735.000.000	**5.735.000.000**	**-**	**-**	**5.735.000.000**	**5.735.000.000**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	**3.735.000.000**	**3.735.000.000**			**5.735.000.000**	**5.735.000.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và cá nhân của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Năm đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	30/06/2026	01/07/2025
		%/năm					VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	VND	7,0 - 8,2	06 tháng	2026	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản bảo đảm (TSBĐ) (1)	242.141.925.941	332.761.107.530
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	VND	8,0 - 9,4	06 tháng	2027	Phát hành LC phục vụ mục đích mua nguyên liệu sản xuất	TSBĐ (2)	98.403.995.032	187.212.893.078
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	VND	7,5 - 9,5	06 tháng	2027	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	TSBĐ (3)	166.939.982.039	156.976.375.056

	Loại tiền	Lãi suất %/năm	Thời hạn vay	Năm đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	VND	7,0 - 7,2	06 tháng	2026	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	TSBĐ (4)	97.668.903.455	149.090.499.779
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	VND	7,5 - 8,5	06 tháng	2027	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	TSBĐ (5)	143.923.382.387	133.977.123.764
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Hóa	VND	7,75	06 tháng	2027	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	TSBĐ và tín chấp	-	103.658.509.875
- Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, LTD - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	7,75 - 8,0	06 tháng	2027	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	TSBĐ (6)	69.380.055.550	76.690.993.990
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	VND	8,25 - 9,75	06 tháng	2027	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	TSBĐ (7)	85.729.371.397	56.110.793.262
- Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	VND	7,1 - 7,81	06 tháng	2026	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp	39.973.918.371	39.996.402.518
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thanh Hóa	VND	8,5	05 tháng	2027	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	TSBĐ (8)	35.958.925.214	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hoá	VND	8,5	06 tháng	2027	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	TSBĐ (9)	35.387.622.362	7.500.000.000
- Ông Lê Văn Tân	VND	6,0	09 tháng	2027	Bổ sung ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp	2.400.000.000	-
							1.017.908.081.748	**1.243.974.698.852**

(1) Các khoản vay được bảo đảm bởi một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2; bất động sản của Công ty tại Mai Dịch, Hà Nội; các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khác và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 95 tỷ VND.

(2) Khoản vay được bảo đảm bởi dây chuyền thiết bị sản xuất sữa gạo lứt; hệ thống chiết rót đóng hộp; dây chuyền thiết bị bốc hơi cô đặc nước mía.

(3) Toàn bộ bao gồm số dư gốc của các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu, trị giá 45 tỷ VND và các khoản lãi phát sinh.

(4) Toàn bộ bao gồm số dư gốc các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, trị giá 19,55 tỷ VND và các khoản lãi phát sinh.

(5) Khoản vay được bảo đảm bởi một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2.

(6) Toàn bộ bao gồm số dư gốc của các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, LTD, trị giá 12,19 tỷ VND và các khoản lãi phát sinh.

(7) Khoản vay được bảo đảm bởi máy ép thuộc Nhà máy nước mía dinh dưỡng tế bào; 2.616.214 cổ phiếu LSS thuộc sở hữu của Ông Lê Văn Tân và bảo lãnh cá nhân của Ông Lê Văn Tân - Chủ tịch HĐQT Công ty.

(8) Tài sản bảo đảm của khoản vay này bao gồm:
- Tài sản bảo đảm nhóm 0 theo quy định của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) bao gồm: hợp đồng tiền gửi/Sổ tiết kiệm (mở online/tại quầy)/Giấy tờ có giá do SeABank phát hành; Tiền đồng Việt Nam/ngoại tệ trên tài khoản thanh toán/ký quỹ tại SeABank hoặc được SeABank chấp nhận;
- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai từ phương án do SeABank cấp tín dụng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (Lasuco) với giá trị 70.000.000.000 VND;
- Toàn bộ số tiền phải thu luân chuyển/Toàn bộ số tiền thu được/số tiền phải thu đang hiện hữu hoặc, đã đang và sẽ hình thành trong tương lai của Lasuco phát sinh từ các phương án/hợp đồng/phụ lục hợp đồng/đơn hàng đầu ra được SeABank tài trợ với giá trị 70.000.000.000 VND;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Văn Tân - Chủ tịch HĐQT Công ty, giá trị 70.000.000.000 VND.

(9) Tài sản bảo đảm của khoản vay này bao gồm:
- Biện pháp bảo đảm chính thức: Tiền gửi, giấy tờ có giá, cổ phiếu của Lasuco (Mã cổ phiếu: LSS), bất động sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty và/hoặc cổ đông chiếm trên 5% vốn góp tại Công ty/ban lãnh đạo Công ty/người có liên quan với Công ty hoặc các đối tượng nêu trên.
- Biện pháp bảo đảm bổ sung:
- 3,5 triệu cổ phiếu LSS thuộc sở hữu của Công đoàn Công ty;
- Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ/quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thương mại thuộc sở hữu của Công ty với giá trị tối thiểu bằng số dư cấp tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB);
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Văn Tân - Chủ tịch HĐQT Công ty đối với toàn bộ nghĩa vụ nợ của Lasuco tại VCB;
- Số tiết kiệm có kỳ hạn thuộc sở hữu của Ông Lê Văn Tân - Chủ tịch HĐQT Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa với giá trị gốc và lãi tại thời điểm thế chấp là 5 tỷ VND và quyền đòi nợ từ một số khách hàng của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	30/06/2026 Vay dài hạn	30/06/2026 Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả	01/07/2025
		%/năm			VND	VND	VND
- Quỹ khuyến học mía đường Lam Sơn	VND	5,5	2028	Tín chấp	1.000.000.000	-	1.000.000.000
- Công đoàn Công ty	VND	5,0 - 7,0	2028 - 2030	Tín chấp	4.000.000.000	-	4.000.000.000
- Ông Lê Xuân Bách	VND	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng	2028	Tín chấp	735.000.000	-	735.000.000
					5.735.000.000	**-**	**5.735.000.000**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					-	-	(2.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					**5.735.000.000**		**3.735.000.000**

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2026 Gốc	30/06/2026 Lãi phải trả	01/07/2025 Gốc	01/07/2025 Lãi phải trả
		VND	VND	VND	VND
Vay		**2.400.000.000**	**108.098.630**	**-**	**-**
- Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	2.400.000.000	108.098.630	-	-
		2.400.000.000	**108.098.630**	**-**	**-**

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026		01/07/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	**124.686.995.848**	**124.686.995.848**	**65.839.860.196**	**65.839.860.196**
- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	43.908.486.651	43.908.486.651	-	-
- Guangxi Nanning Qiaolong International Trading Co.,Ltd	9.556.052.784	9.556.052.784	9.550.605.670	9.550.605.670
- Guangxi Laibin Pinguan Trade Group Co., Ltd	7.090.771.481	7.090.771.481	7.086.729.620	7.086.729.620
- Công ty Cổ phần Phân bón Nhật Long	19.683.148.785	19.683.148.785	22.044.428.420	22.044.428.420
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	27.415.170	27.415.170	4.601.097.770	4.601.097.770
- Công ty TNHH Bao bì Nhựa Amoy	6.279.646.070	6.279.646.070	2.086.727.950	2.086.727.950
- Các nhà cung cấp khác	38.141.474.907	38.141.474.907	20.470.270.766	20.470.270.766
	124.686.995.848	**124.686.995.848**	**65.839.860.196**	**65.839.860.196**

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/07/2025
	VND	VND
Bên liên quan	**5.296.444.835**	**36.419.032.510**
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	512.112.040	25.997.298.719
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	4.784.332.795	10.421.733.791
Bên khác	**90.458.042.270**	**48.344.519.510**
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương	49.984.100.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bình Minh	-	27.564.789.670
- Công ty TNHH Toàn Lộc	22.429.973.740	14.405.532.776
- Các khách hàng khác	18.043.968.530	6.374.197.064
	95.754.487.105	**84.763.552.020**

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	14.177.096.971	117.574.102.729	116.759.893.095	-	14.991.306.605
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	128.220.445	128.220.445	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	23.563.595.792	12.080.685.090	25.315.413.663	-	10.328.867.219
Thuế thu nhập cá nhân	113.754.246	-	2.964.293.598	3.151.507.207	300.967.855	-
Thuế tài nguyên	-	-	169.589.318	149.321.948	-	20.267.370
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	165.078.488	3.862.082.459	3.861.545.882	-	165.615.065
Thuế khác	8.690.876	-	218.421.194	218.421.194	8.690.876	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	441.654.500	431.306.822	-	10.347.678
	122.445.122	**37.905.771.251**	**137.439.049.333**	**150.015.630.256**	**309.658.731**	**25.516.403.937**

Quyết toán thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/07/2025
	VND	VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	6.559.940.950	13.872.983.450
Chi phí lãi vay	2.384.711.584	1.437.526.131
Chi phí phải trả các vùng nguyên liệu trồng mía	-	1.408.701.527
Trích trước chi phí đầu tư nâng cấp Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước (*)	24.053.676.664	-
Chi phí phải trả khác	4.435.417.273	6.437.410.612
	37.433.746.471	**23.156.621.720**
Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan		
- Ông Lê Văn Tân	108.098.630	-
	108.098.630	**-**

(*) Đây là các khoản trích trước chi phí đầu tư nâng cấp Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp. Trong đó bao gồm số tiền 17,22 tỷ VND đã có nghiệm thu giai đoạn.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2026	01/07/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	3.080.507.113	4.199.451.731
Quỹ dự phòng rủi ro thiên tai	3.125.977.120	3.130.208.120
Phải trả cổ tức	12.393.172.765	4.273.102.865
Tiền thưởng đạt lợi nhuận năm 2023 - 2024	-	5.789.048.674
Các khoản phải trả khác	8.130.675.338	5.284.076.266
	26.730.332.336	**22.675.887.656**
b) Dài hạn		
Phải trả tiền nhận đặt cọc	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	**1.000.000.000**

21 . QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	55.272.772.587	37.876.323.749
Trích lập trong năm (Xem Thuyết minh số 23)	11.124.513.560	9.052.918.618
Tăng khác	-	17.200.000
Sử dụng trong năm	(10.621.461.518)	(2.288.973.702)
Điều chuyển từ Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	12.351.385.761
Khấu hao trong năm	(1.710.539.388)	(1.736.081.839)
Số cuối năm	**54.065.285.241**	**55.272.772.587**

22 . QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	21.873.175.396	24.112.803.637
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm	(1.859.311.746)	(2.239.628.241)
Số cuối năm	**20.013.863.650**	**21.873.175.396**

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**801.350.510.000**	**191.455.332.801**	**601.739.479.783**	**125.337.129.619**	**31.351.958.578**	**1.751.234.410.781**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	116.072.815.871	5.801.061.178	121.873.877.049
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.052.918.617	(9.052.918.617)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.052.918.618)	-	(9.052.918.618)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(40.067.525.500)	-	(40.067.525.500)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.065.720.000	-	-	(56.065.720.000)	-	-
Số dư cuối năm trước	**857.416.230.000**	**191.455.332.801**	**610.792.398.400**	**127.170.862.755**	**37.153.019.756**	**1.823.987.843.712**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	48.086.732.679	7.715.263.585	55.801.996.264
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.124.513.561	(11.124.513.561)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.124.513.560)	-	(11.124.513.560)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(42.870.811.500)	(8.122.500.000)	(50.993.311.500)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.849.690.000	-	-	(42.849.690.000)	-	-
Số dư cuối năm nay	**900.265.920.000**	**191.455.332.801**	**621.916.911.961**	**67.288.066.813**	**36.745.783.341**	**1.817.672.014.916**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 - 2026 số 299NQ/2025/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 và kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 - 2025, lợi nhuận năm 2024 - 2025 được phân phối như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 30/06/2025 trên Báo cáo tài chính riêng		118.833.039.649
- *Lợi nhuận sau thuế các năm trước chuyển sang*		*7.587.904.041*
- *Lợi nhuận sau thuế năm tài chính năm 2024 - 2025*		*111.245.135.608*
Trích quỹ đầu tư phát triển	10,00	11.124.513.560
Trích quỹ khen thưởng	5,00	5.562.256.780
Trích quỹ phúc lợi	5,00	5.562.256.780
Trả cổ tức bằng tiền mặt 5% (*)		42.870.811.500
Trả cổ tức bằng cổ phiếu 5% (*)		42.849.690.000

(*) Trong năm, Công ty trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt và cổ phiếu như sau:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025-2026 số 299NQ/2025/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 10/12/2025 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị: Số 354NQ/ĐLS-HĐQT ngày 10/12/2025, Số 18NQ/ĐLS-HĐQT ngày 23/01/2026 v/v Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024-2025 và chi trả cổ tức năm 2024-2025 bằng tiền mặt.
+ Trả cổ tức bằng tiền mặt: 5%/cổ phiếu, tương đương 500 VND/cổ phiếu đã hoàn thành ngày 19/06/2026.
+ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức như sau:
  - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.287.081 cổ phiếu (Tỷ lệ 5%, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:5);
  - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
  - Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:
+ Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 4.284.969 cổ phiếu;
+ Tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành: 90.026.592 cổ phiếu;
+ Số lượng cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần: 2.112 cổ phiếu.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026	Tỷ lệ	01/07/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn - Thanh Hóa	198.053.730.000	22,00	191.533.600.000	22,34
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	94.355.590.000	10,48	89.862.470.000	10,48
Ông Lê Trung Thành	51.061.110.000	5,67	48.629.630.000	5,67
Ông Lê Văn Tân	45.471.830.000	5,05	43.306.510.000	5,05
Các cổ đông khác	511.323.660.000	56,80	484.084.020.000	56,46
	900.265.920.000	**100,00**	**857.416.230.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	857.416.230.000	801.350.510.000
- Vốn góp tăng trong năm	42.849.690.000	56.065.720.000
- Vốn góp cuối năm	**900.265.920.000**	**857.416.230.000**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.273.102.865	2.368.284.315
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	93.843.001.500	96.133.245.500
+ *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước của Công ty mẹ*	*85.720.501.500*	*96.133.245.500*
+ *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước của Công ty con*	*8.122.500.000*	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả trong năm	85.722.931.600	94.228.426.950
+ *Cổ tức trả bằng tiền*	*42.873.241.600*	*38.162.706.950*
+ *Cổ tức trả bằng cổ phiếu*	*42.849.690.000*	*56.065.720.000*
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	**12.393.172.765**	**4.273.102.865**

d) Cổ phiếu

	30/06/2026	01/07/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.026.592	85.741.623
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.026.592	85.741.623
- *Cổ phiếu phổ thông*	*90.026.592*	*85.741.623*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.026.592	85.741.623
- *Cổ phiếu phổ thông*	*90.026.592*	*85.741.623*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	621.916.911.961	610.792.398.400
	621.916.911.961	**610.792.398.400**

24 . NGUỒN KINH PHÍ VÀ CÁC QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	3.631.198.508	16.857.637.568
Khấu hao trong năm	(875.053.300)	(875.053.299)
Điều chuyển sang Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	(12.351.385.761)
Số cuối năm	**2.756.145.208**	**3.631.198.508**

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2026, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.572.347.037	2.942.522.500
- Trên 1 năm đến 5 năm	6.804.689.197	11.230.090.000
- Trên 5 năm	-	5.976.225.267

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với các cơ quan có thẩm quyền tại các địa điểm thuộc tỉnh Thanh Hóa, bao gồm: xã Lam Sơn, xã Ngọc Lặc, xã Thiệu Hóa, xã Nguyệt Ấn, xã Kiên Thọ, phường Tân Sơn; Mục đích: xây dựng các nhà máy, trung tâm chuyển giao công nghệ, trung tâm thương mại dịch vụ, hội nghị, khách sạn và sự kiện, văn phòng làm việc, nhà khách, khu tập thể cán bộ nhân viên và trồng cây lâm nghiệp, cây nông nghiệp. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Tài sản nhận giữ hộ

	30/06/2026 VND	01/07/2025 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên liên quan	15.390.270.764	5.683.790.000
- *Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội*	*6.658.111.760*	*4.859.190.000*
- *Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Lam Sơn*	*8.732.159.004*	*824.600.000*
Hàng hóa nhận giữ hộ bên khác	79.474.130.000	141.094.979.296
- *Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương*	*77.622.930.000*	*130.286.220.000*
- *Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bình Minh*	*1.768.700.000*	*6.752.033.474*
- *Các khách hàng khác*	*82.500.000*	*4.056.725.822*
	94.864.400.764	**146.778.769.296**

d) Ngoại tệ các loại

	30/06/2026	01/07/2025
USD	84.743,22	222.058,75

e) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2026	01/07/2025
Công nợ tồn lâu tại Xí nghiệp Nguyên liệu	3.531.533.323	3.495.248.923
Công nợ tồn lâu tại Văn phòng Công ty	86.985.000	86.985.000
	3.618.518.323	**3.582.233.923**

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước (Phân loại lại) VND
Doanh thu bán hàng hóa	194.059.050.109	277.843.855.753
Doanh thu bán thành phẩm	2.112.269.598.076	2.035.178.667.972
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.965.275.264	14.999.103.418
	2.322.293.923.449	**2.328.021.627.143**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)*	**361.122.927.498**	**418.068.554.477**

27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	202.963.000	-
Hàng bán bị trả lại	2.274.845.007	-
	2.477.808.007	**-**

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	194.415.005.850	277.041.570.306
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.895.832.424.873	1.733.674.133.718
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.263.865.575	10.530.713.022
Giá trị hàng tồn kho mất mát trong năm	-	17.490.999
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.109.075.535)	(10.469.363.188)
	2.094.402.220.763	**2.010.794.544.857**

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	11.317.108.130	8.986.718.265
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	175.645.888	5.008.306.164
Chiết khấu thanh toán	16.500.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	928.843.789	593.423.852
	12.438.097.807	**14.588.448.281**

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	74.266.777.325	55.703.210.145
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.091.879.029	1.540.878.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.836.559	2.669.405.297
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.158.524	550.679.163
Hoàn nhập tổn thất đầu tư	-	(300)
Chi phí tài chính khác	1.827.916.590	1.463.548.865
	77.204.568.027	**61.927.721.317**
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan	**1.199.977.659**	**1.000.858.863**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)

31 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.745.965.726	1.806.324.645
Chi phí nhân công	15.044.033.414	17.624.727.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.884.096.129	3.124.412.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.983.509.481	20.088.996.565
Chi phí khác bằng tiền	4.241.436.349	26.293.015.764
	45.899.041.099	**68.937.477.856**

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	447.487.008	396.491.745
Chi phí nhân công	19.284.723.312	25.868.551.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.813.998.774	10.912.879.104
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	1.427.959.353	1.705.548.469
Chi phí dự phòng	694.764.138	517.806.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.154.393.548	4.298.087.138
Chi phí khác bằng tiền	8.486.418.991	11.303.962.722
	43.309.745.124	**55.003.327.618**
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)*	**1.207.168.580**	**624.199.297**

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.658.595.318	764.334.395
Các khoản khác	122.401.763	292.408.120
	1.780.997.081	**1.056.742.515**

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.001.176.863	534.875.314
Các khoản phạt thuế	942.670.935	410.353.913
Chi phí hủy sản phẩm hỏng	1.294.407.507	-
Các khoản khác	98.698.658	389.822.144
	5.336.953.963	**1.335.051.371**

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	8.478.379.734	20.289.599.466
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	3.459.422.601	2.882.931.444
- *Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng*	*124.118.666*	*68.999.144*
- *Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn*	*3.335.303.935*	*2.608.764.212*
- *Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn*	-	*205.168.088*
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	142.882.755	500.249.425
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**12.080.685.090**	**23.672.780.335**

36 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	122.037.536
	-	**122.037.536**

37 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	48.086.732.679	116.072.815.871
Các khoản điều chỉnh:	-	(11.124.513.560)
- *Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi*	-	*(11.124.513.560)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	48.086.732.679	104.948.302.311
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	90.026.592	90.026.592
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**534**	**1.166**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tồ theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

38 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.507.458.030.690	2.083.073.253.305
Chi phí nhân công	103.147.049.623	115.125.102.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.136.386.925	123.548.240.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.593.229.845	73.540.134.832
Chi phí khác bằng tiền	30.202.858.362	77.753.478.981
	1.847.537.555.445	**2.473.040.210.166**

39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026				
Tiền và tương đương tiền	35.050.575.242	-	-	35.050.575.242
Phải thu khách hàng, phải thu khác	109.773.006.866	-	-	109.773.006.866
Các khoản cho vay	105.317.736.315	70.000.000	-	105.387.736.315
	250.141.318.423	**70.000.000**	**-**	**250.211.318.423**
Tại ngày 01/07/2025				
Tiền và tương đương tiền	33.891.297.576	-	-	33.891.297.576
Phải thu khách hàng, phải thu khác	90.075.636.322	-	-	90.075.636.322
Các khoản cho vay	89.966.222.328	22.254.459.027	-	112.220.681.355
	213.933.156.226	**22.254.459.027**	**-**	**236.187.615.253**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026				
Vay và nợ	1.017.908.081.748	5.735.000.000	-	1.023.643.081.748
Phải trả người bán, phải trả khác	151.417.328.184	1.000.000.000	-	152.417.328.184
Chi phí phải trả	37.433.746.471	-	-	37.433.746.471
	1.206.759.156.403	**6.735.000.000**	**-**	**1.213.494.156.403**
Tại ngày 01/07/2025				
Vay và nợ	1.245.974.698.852	3.735.000.000	-	1.249.709.698.852
Phải trả người bán, phải trả khác	88.515.747.852	1.000.000.000	-	89.515.747.852
Chi phí phải trả	23.156.621.720	-	-	23.156.621.720
	1.357.647.068.424	**4.735.000.000**	**-**	**1.362.382.068.424**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

40 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.227.123.832.980	2.331.219.311.436

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	2.453.190.450.084	1.943.364.658.972

41 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 04/09/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 2857/QĐ-UBND về việc cho phép tiếp tục cho thuê đất để thực hiện dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam tại các xã: Xuân Bái, Xuân Phú, Thọ Xương, huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân (nay là các xã: Lam Sơn, Sao Vàng, Thường Xuân), tỉnh Thanh Hóa. Công ty đang phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện các công việc tiếp theo có liên quan đến dự án theo quy định.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

42 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về đường và các loại sản phẩm nông nghiệp khác. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.299.562.635.614	20.253.479.828	2.319.816.115.442
Tài sản bộ phận	3.245.611.828.388	1.790.983.335	3.247.402.811.723
Tổng chi phí mua TSCĐ	112.544.092.475	-	112.544.092.475

43 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn
- Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Lam Sơn	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
- Ông Lê Văn Tam	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Kiểm soát viên và nhân sự quản lý, điều hành chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**361.122.927.498**	**418.068.554.477**
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	268.058.124.069	269.836.776.188
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	93.064.803.429	148.231.778.289
Chiết khấu thanh toán	**1.091.879.029**	**1.000.858.863**
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	547.587.321	1.000.858.863
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	544.291.708	-
Chi phí lãi vay	**108.098.630**	**-**
- Ông Lê Văn Tân	108.098.630	-
Chi phí tư vấn	**1.207.168.580**	**1.293.774.423**
- Ông Lê Văn Tam	1.207.168.580	1.293.774.423
Vay vốn	**2.400.000.000**	**-**
- Ông Lê Văn Tân	2.400.000.000	-

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả gốc vay	**-**	**180.000.000**
- Ông Lê Văn Phương	-	180.000.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
1				
2	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	2.541.101.820	1.878.838.317
3	Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	875.837.195	890.546.913
	Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	672.801.907	717.574.538
4	Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	163.000.000	123.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	175.000.000	196.107.308
6	Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	986.665.240	848.803.821
7	Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	548.377.438	481.584.618
8	Ông Lê Bá Chiều	Phó Tổng Giám đốc	489.409.263	419.808.042
9	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	432.936.052	540.223.721
10	Ông Nguyễn Xuân Lam *(Miễn nhiệm ngày 15/10/2025)*	Phó Tổng Giám đốc	150.331.974	397.894.420
11	Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	405.565.863	370.660.279
12	Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát	321.109.189	283.511.135
13	Bà Nguyễn Thị Hồng An *(Bổ nhiệm ngày 11/10/2024)*	Thành viên Ban Kiểm soát	194.621.461	171.947.842
14	Ông Nguyễn Thành Tâm *(Miễn nhiệm ngày 11/10/2024)*	Thành viên Ban Kiểm soát	-	29.266.471
			7.956.757.401	**7.349.767.425**

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

44 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Tú Người lập biểu *Thanh Hóa, ngày 18 tháng 09 năm 2026*	**Đỗ Thị Thanh Hà** Kế toán trưởng	**Lê Văn Phương** Tổng Giám đốc (Giấy Ủy quyền số 01UQ/ĐLS-TCKT ngày 01/07/2026)